

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN HÀ NỘI**

---

NGUYỄN THỊ THU HIỀN

**CA DAO VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY**  
**DƯỚI GÓC ĐỘ ĐU' LUẬN XÃ HỘI**

**LUẬN VĂN THẠC SỸ VĂN HỌC**

**Hà Nội - 2008**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	<b>2</b>
<b>1. Lý do và mục đích chọn đề tài</b> .....	<b>2</b>
<b>2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu</b> .....	<b>4</b>
<b>3. Phương pháp nghiên cứu</b> .....	<b>4</b>
<b>4. Cấu trúc luận văn</b> .....	<b>5</b>
<b>PHẦN NỘI DUNG</b> .....	<b>7</b>
<b>Chương 1: Phương thức biểu hiện của ca dao Việt Nam từ 1945 đến nay</b> ----	<b>7</b>
1. Quan niệm về ca dao hiện đại .....	7
2. Phương thức thống kê và tập hợp tư liệu phục vụ đề tài .....	12
3. Phương thức biểu hiện của ca dao Việt Nam từ 1945 đến nay .....	12
3.1. Sự ảnh hưởng và tiếp thu ca dao truyền thống .....	12
3.2. Những nét đổi mới .....	21
<b>Chương 2: Dư luận xã hội trong ca dao Việt Nam từ 1945 đến nay</b> .....	<b>28</b>
1. Khái niệm dư luận xã hội .....	28
2. Quá trình hình thành dư luận xã hội .....	29
3. Dư luận xã hội trong xã hội hiện đại .....	31
3.1. Vấn đề chính trị dưới góc độ dư luận xã hội trong ca dao hiện đại .....	33
3.2. Vấn đề kinh tế dưới góc độ dư luận xã hội trong ca dao hiện đại .....	55
3.3. Vấn đề văn hóa - xã hội dưới góc độ dư luận xã hội trong ca dao hiện đại	73
<b>Chương 3: Ý nghĩa của dư luận xã hội trong ca dao từ 1945 đến nay</b> .....	<b>106</b>
1. Mặt tích cực .....	107
2. Mặt hạn chế .....	110
3. Đánh giá chung .....	112
<b>PHẦN KẾT LUẬN</b> .....	<b>116</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>119</b>

## PHẦN MỞ ĐẦU

### *1. Lý do và mục đích chọn đề tài*

Là “tiếng nói bập bẹ trẻ thơ của nhân dân”<sup>1</sup>, văn học dân gian nói chung và ca dao - một thể loại đặc sắc trong kho tàng văn học dân gian - nói riêng có một vị trí thật quan trọng, gần gũi trong đời sống của nhân dân lao động Việt Nam. Giữa cái ồn ào, xô bồ của cuộc sống, vẫn có nhiều khi chúng ta muốn lắng lại, đón nhận một lời ca dao ngọt lành, gọi về một thuở trong trẻo và tha thiết nghĩa tình. Bởi vậy, đến hôm nay trong mỗi mạch nguồn của cuộc sống, dòng chảy của văn hóa dân gian tuy âm thầm, miệt mài nhưng vẫn thật mãnh liệt và tràn căng nhựa sống. Ngày nay, ca dao vẫn hiện diện trong cuộc sống của chúng ta, nét truyền thống xưa vẫn còn in dấu lại nhưng nội dung đã được mở rộng ra, phong phú hơn. Cách tiếp cận đời sống xã hội ở nhiều chiều, nhiều cung bậc, sắc thái khác nhau, do đó, nội dung, tư tưởng của các tác phẩm ca dao hiện đại cũng mang những ý nghĩa khác nhau. Đó là sự pha trộn của nhiều sắc thái tư tưởng: đề cao, ca ngợi, phê phán, châm biếm, hài hước,...

Cuộc sống ngày càng được nâng cao về mặt vật chất và tinh thần, khi quyền tự do, dân chủ ngày càng được đề cao và khuyến khích thì người dân có nhu cầu được bày tỏ và mạnh dạn thể hiện những quan điểm, suy nghĩ của mình. Họ mượn hình thức của ca dao để phóng tác cho những ý tưởng của mình về các vấn đề của đời sống, thường là những vấn đề mang tính thời sự.

Hơn nữa, sự phát triển mạnh mẽ của thời đại công nghệ thông tin cho phép việc truyền tải và cập nhật những quan điểm, ý kiến này một cách nhanh chóng, tiện dụng bằng nhiều phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là sự hiện diện của truyền thông tự do.

---

<sup>1</sup> V.G.Biêlinxki, *Toàn tập* (tiếng Nga), Tập IV, tr.310.

Ca dao hiện đại, khái niệm đó hẳn đến hôm nay không còn quá mới mẻ nhưng công tác nghiên cứu về nó không phải đã thực sự chuyên sâu và được đầu tư bài bản. Bởi vậy, ca dao hiện đại vẫn là vùng đất thật màu mỡ và nhiều điều bí ẩn cho những ai khát khao muốn cày xới, muốn khám phá. Đặc biệt, dư luận xã hội được phản ánh trong ca dao hiện đại ở mỗi một thời khắc của lịch sử, trong mỗi diễn biến của đời sống lại có những sự vận động muôn màu, muôn vẻ. Nói về ca dao hiện đại có lẽ là vô cùng, chúng tôi chỉ có tham vọng phản ánh mảng ca dao này ở khía cạnh dư luận xã hội để thấy được phần nào diện mạo độc đáo, đặc sắc cũng như sự vận động của nó trong dòng chảy bất tận của mình. Bởi vậy, chúng tôi lựa chọn đề tài *Ca dao Việt Nam từ 1945 đến nay dưới góc độ dư luận xã hội* với những mục đích sau:

Thứ nhất, tìm hiểu những nội dung được phản ánh trong ca dao hiện đại và ý nghĩa của chúng đối với đời sống hiện đại. Từ đó, khái quát lên những vấn đề gây chú ý đối với dư luận để thấy được thái độ và quan điểm của dư luận với những vấn đề đó.

Thứ hai, tìm hiểu sự tiếp thu, ảnh hưởng của ca dao hiện đại từ ca dao truyền thống trên cả hai phương diện nội dung và hình thức

Từ đây, chúng tôi đưa ra quan điểm của mình về sự hiện diện của ca dao hiện đại xung quanh các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở cả hai khía cạnh: những biểu hiện tích cực và những hạn chế của nó.

Với mong muốn đưa ca dao hiện đại đến với công chúng, khẳng định cho nó một ý nghĩa và vị trí xứng đáng với những gì mà nó đang đóng góp trong cuộc sống hiện tại, chúng tôi mạnh dạn đề xuất, kiến nghị những biện pháp hữu ích đối với việc sử dụng, truyền tải mảng ca dao này. Hi vọng đề tài này sẽ là một gợi ý, mở ra một hướng đi, một hướng nghiên cứu cho những ai tâm huyết với mảng ca

dao này khi tiếp cận nó trên các phương diện khác để khám phá cho hết những điều thú vị còn ẩn giấu.

## ***2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu***

Trong đề tài *Ca dao Việt Nam từ 1945 đến nay dưới góc độ dư luận xã hội*, chúng tôi sẽ tập trung nghiên cứu những vấn đề của đời sống xã hội được phản ánh trong ca dao trên ba nội dung chính: kinh tế, chính trị và văn hóa - xã hội. Chúng tôi cũng giới hạn phạm vi đề tài trong khuôn khổ những bài, những câu ca dao từ sau năm 1945. Việc thu thập tài liệu sẽ thông qua hai nguồn chính là sách báo đã được xuất bản và việc cập nhật thông tin trên Internet.

## ***3. Phương pháp nghiên cứu***

### ***3.1. Phương pháp nghiên cứu***

Để phục vụ cho mục đích nghiên cứu của mình, trong quá trình thực hiện đề tài, chúng tôi đã sử dụng phương pháp khảo sát và thống kê định lượng. Ngoài ra, chúng tôi cũng sử dụng những phương pháp nghiên cứu xã hội học văn học, thi pháp học nhằm đạt được hiệu quả chính xác và nghiêm túc nhất.

### ***3.2. Các bước tiến hành nghiên cứu***

- Đưa ra quan niệm riêng về ca dao hiện đại. Khu biệt giới hạn đề tài ở những tác phẩm có xác định về thời gian từ sau năm 1945 được công nhận là ca dao, bao gồm cả những tác phẩm khuyết danh và những tác phẩm có tên tuổi tác giả, được sáng tác dưới hình thức ca dao.

- Thống kê toàn bộ những tác phẩm ca dao đã được xác định trong khuôn khổ đề tài theo nội dung:

- a. Dư luận xã hội về các vấn đề chính trị
- b. Dư luận xã hội về các vấn đề kinh tế

- c. Dư luận xã hội về các vấn đề văn hóa - xã hội
  - Tìm hiểu những nội dung được phản ánh trên hai phương diện: mặt tích cực và mặt trái của vấn đề.
  - Tìm hiểu phương thức thể hiện của những tác phẩm ca dao từ 1945 đến nay ở hai góc độ:
    - + Những nét kế thừa truyền thống
    - + Những phương diện đổi mới
  - Đánh giá chung

#### **4. Cấu trúc luận văn**

Cấu trúc của luận văn gồm 3 phần:

Phần mở đầu: nêu lý do và mục đích chọn đề tài, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và các bước tiến hành nghiên cứu.

Phần nội dung:

Chương 1: Phương thức biểu hiện của ca dao Việt Nam từ 1945 đến nay

1. Quan niệm về ca dao hiện đại
2. Phương thức thống kê và tập hợp tư liệu phục vụ đề tài
3. Phương thức biểu hiện của ca dao Việt Nam từ 1945 đến nay
  - 3.1. Sự ảnh hưởng và tiếp thu ca dao truyền thống
  - 3.2. Những nét đổi mới

Chương 2: Dư luận xã hội trong ca dao Việt Nam từ 1945 đến nay

1. Khái niệm dư luận xã hội
2. Quá trình hình thành dư luận xã hội

3. Dư luận xã hội trong xã hội hiện đại

Vấn đề chính trị dưới góc độ dư luận xã hội trong ca dao hiện đại

Vấn đề kinh tế dưới góc độ dư luận xã hội trong ca dao hiện đại

Vấn đề văn hóa - xã hội dưới góc độ dư luận xã hội trong ca dao hiện đại

Chương 3: Ý nghĩa của dư luận xã hội về các vấn đề thời cuộc trong ca dao từ 1945 đến nay

1. Mặt tích cực

2. Mặt hạn chế

3. Đánh giá chung

Phân kết luận

Phần tư liệu thống kê: được biên tập thành một tập riêng kèm theo phần nội dung của luận văn.

## **PHẦN NỘI DUNG**

### **Chương 1: Phương thức biểu hiện của ca dao Việt Nam từ 1945 đến nay**

#### **1. Quan niệm về ca dao hiện đại**

Nếu văn học dân gian là một khái niệm khép kín thì văn học dân gian hiện đại là một khái niệm mở. Ca dao là thể loại đặc trưng nhất của văn học dân gian, do đó ca dao hiện đại cũng là một khái niệm mở, xem xét những yếu tố mở của văn học dân gian hiện đại qua thể loại này chúng ta sẽ thấy được nhiều sự chuyển biến từ ca dao truyền thống đến ca dao hiện đại. Có thể nói những yếu tố hiện đại đã từng bước xâm nhập vào thể loại truyền thống này, đó là do tính chất đa dạng của sinh hoạt lao động, chiến đấu và vui chơi của quần chúng nhân dân. Trong sự vận động của thời đại mới thì dường như những khuôn khổ cũ không còn phù hợp, ca dao dần dần tách mình ra khỏi những quy tắc cổ truyền cả về nội dung và hình thức để tìm kiếm cho mình một sự biểu đạt phù hợp với tâm tư nguyện vọng của quần chúng nhân dân, với đời sống xã hội và thời đại mới. Đồng thời, ca dao cũng có ít nhiều chuyển mình để tiệm cận với những thể loại khác phù hợp hơn với không khí của đời sống mới. Bởi thế, ca dao đã dần lùi xa khỏi vị trí là lĩnh vực duy nhất và quan trọng của sự sáng tạo nghệ thuật của quần chúng. Nhưng nói như thế không có nghĩa là văn học dân gian hiện đại nói chung và ca dao hiện đại nói riêng không còn có thể sáng tạo ra những tác phẩm nghệ thuật có giá trị như văn học dân gian cổ truyền nữa.

Trong đề tài của mình, chúng tôi giới hạn tư liệu khảo sát từ năm 1945 đến nay. Tất nhiên, không thể coi đây là mốc thời gian chính xác để phân chia ranh giới giữa ca dao cổ truyền và ca dao hiện đại. Theo nhiều nghiên cứu thì ca dao hiện đại bắt đầu từ đầu thế kỷ XX. Điều này thể hiện ở chỗ càng ngày càng với sự phát triển của thời đại, việc sáng tác ca dao với tư cách là sáng tác thơ với



đúng nghĩa của nó đã là hiện tượng tương đối phổ biến từ đầu thế kỷ XX đặc biệt là trong báo chí và thơ ca cách mạng. Tuy nhiên, chúng tôi đưa ra mốc thời gian năm 1945 bởi đây là thời điểm có ý nghĩa hết sức quan trọng trong lịch sử và văn học dân tộc, thời điểm đánh dấu những bước chuyển biến quan trọng của ca dao từ truyền thống sang hiện đại.

Từ 1945 trở đi, ca dao hiện đại được đánh dấu bằng những chặng đường lịch sử vẻ vang của dân tộc đó là cuộc kháng chiến chống Pháp và cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc. Những bài ca dao hiện đại ở những thời kỳ này là bức tranh đấu tranh cách mạng vinh quang nhất của dân tộc với đầy đủ vẻ tươi tắn, khỏe khoắn, phong phú và đa dạng của cuộc sống. Tính chất thời đại, nhịp điệu của thời đại đã hòa quyện vào nhiều câu, nhiều bài ca dao mới. Từ đây, trong ca dao hiện đại đã hình thành nên những bộ phận rất điển hình như hò tiếp vận, thơ đòn gánh, ca dao báng súng. Bộ phận ca dao này được sáng tác dưới hình thức cổ truyền nhưng nội dung thì hiện đại. Chúng xoay quanh những vấn đề của cuộc sống hiện thực, là sự cảm nhận và cách nhìn của con người hiện đại, mới mẻ hơn, đa dạng hơn. Chẳng hạn, ca dao thời kỳ kháng chiến chống Pháp và ca dao thời kỳ kháng chiến chống Mỹ thì nội dung chủ đạo là công cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân, tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất, sự đoàn kết, gắn bó trong tình đồng đội, tình quân dân cá nước, là sự căm thù với quân xâm lược, niềm tin vào chiến thắng ngày mai... Không khí trong những bài ca dao ấy cũng là không khí đậm chất thời đại. Nó đã đi xa dần những cây đa, bến nước, sân đình, đêm trăng thanh... để đến với những không gian đang gần gũi với cuộc sống hàng ngày của con người hơn, là hầm hào, mặt trận, tuyến đường, là nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ - nơi mà con người đang ngày đêm chiến đấu. Có thể nói ca dao từ truyền thống sang hiện đại đã chuyển dần từ không gian đồng quê sang không gian của mặt trận, của thành thị. Những con người trong ca

dao cổ truyền hầu hết là hình ảnh những người nông dân quanh năm gắn bó với đồng ruộng, quê hương thì trong ca dao hiện đại, ngoài nông dân đã xuất hiện thêm những hình tượng con người mới bộ đội, du kích, dân quân, công nhân... Càng về sau này thì con người trong ca dao hiện đại càng phong phú, đa dạng với đầy đủ mọi tầng lớp, cấp bậc: lãnh đạo, quan chức, đảng viên, giáo viên, học sinh, sinh viên... Tất nhiên, nền tảng vẫn là hình ảnh người nông dân nhưng giờ đây hình ảnh ấy đã có những biến đổi, khoác lên mình những tấm áo mới, mang những nhiệm vụ và sứ mệnh khác.

Có thể nói ca dao hiện đại là sự giao thoa giữa ca dao truyền thống, thơ và văn học quần chúng. Khả năng sáng tạo dồi dào của nhân dân ta trong ca dao mới vốn có nguồn gốc từ những sáng tạo nghệ thuật truyền thống. Đó là minh chứng cho hàng loạt sáng tác ca dao hiện đại đều mang dáng dấp truyền thống dù ít, dù nhiều về hình thức và nội dung, từ chỗ ảnh hưởng sâu đậm đến chỗ thừa dần, mờ dần. Hình thức đối đáp nam nữ đặc biệt quen thuộc trong ca dao cổ truyền đến thời kỳ kháng chiến chống Pháp rồi thời kỳ kháng chiến chống Mỹ và thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội vẫn được vận dụng khá phổ biến. Tham gia vào lực lượng sáng tác lúc này có tầng lớp trí thức cách mạng, những người có học. Do đó, ca dao hiện đại dù vẫn được tồn tại dưới phương thức sáng tác trực tiếp, kịp thời ngay sau khi diễn ra sự việc, sự kiện nào đó (bản thân những người sáng tác là những người biết chữ cũng vẫn sáng tác theo phương thức này để phù hợp với hoàn cảnh giao lưu...) nhưng hầu hết đã được ghi chép lại, in ấn dưới dạng văn bản. Do vậy, ca dao hiện đại hầu như cũng không còn nhiều hiện tượng dị bản như ca dao cổ truyền do đặc trưng truyền miệng của nó. Từ chỗ là nhu cầu giao lưu trực tiếp của một bộ phận nhỏ, với lực lượng sáng tác chủ yếu là những người biết chữ thì ca dao hiện đại thực sự từ sau cách mạng tháng Tám 1945 với tư cách là sáng tác thơ đã trở thành một phong trào có tính quần chúng. Như vậy, xét cho

cùng, ca dao vẫn là sản phẩm của đông đảo quần chúng, là sản phẩm của tập thể. Đây là lý do để ca dao trong thời kỳ hiện đại vẫn có chỗ đứng nhất định trong dòng chảy của văn học dân tộc, là nơi gửi gắm tâm tư, nguyện vọng, thái độ, tình cảm của đại bộ phận quần chúng nhân dân về những vấn đề thời cuộc, những vấn đề liên quan đến lợi ích của quần chúng nhân dân. Tuy vậy, đây đã là thời kỳ hiện đại, khi mà cái tôi cá nhân đã có môi trường để phát triển một cách toàn diện thì những sáng tác ca dao mới đã phần nhiều thuộc về những cá nhân trong tập thể (dù vẫn đứng ra đại diện cho đông đảo quần chúng nhân dân), có tên tuổi và được in ấn lại, ít bị sao chép, thay đổi. Và đây chính là điểm khác biệt lớn nhất giữa ca dao cổ truyền và ca dao hiện đại.

Chúng tôi sử dụng khái niệm ca dao hiện đại trước hết để phân biệt với cách gọi quen thuộc ca dao truyền thống (cổ truyền), ngoài ra còn do những sự khác biệt khác về thời gian, về nội dung và hình thức của những sáng tác này.

Ca dao hiện đại được hiểu là những câu, những bài mang hình thức tương tự ca dao truyền thống trên cơ sở mô phỏng theo. Tuy nhiên, phần lớn những câu, bài này được xác định chính xác về tác giả, thời gian, nguồn gốc, xuất xứ,...

Khái niệm ca dao hiện đại được chúng tôi sử dụng trong đề tài này sẽ được xác lập phạm vi giới hạn là những câu, những bài được sáng tác từ năm 1945 đến nay.

Ca dao hiện đại hay còn gọi là ca dao mới do đó sẽ được nhận dạng ở một số đặc điểm sau:

- Có những câu, những bài được ứng khẩu sáng tác và truyền miệng trong các phong trào quần chúng.
- Những câu, những bài do các nhà văn, nhà thơ chuyên nghiệp in đi in lại trong sách báo, một số đã đọng lại trong trí nhớ của quần chúng và truyền đi rộng

rãi, ít ai biết tên tác giả. Bởi vậy, có một số câu, một số bài ghi được tên người sáng tác, nhưng nhiều câu, nhiều bài khác thì không. Nhiều câu, nhiều bài ca dao vốn có tên người sáng tác được quần chúng hóa và lưu truyền rộng rãi từ đời này sang đời khác, biến thành của báu chung, hòa vào kho tàng ca dao truyền thống của dân tộc.

Tác giả Hoài Thanh trong cuốn *Nói chuyện thơ kháng chiến* đã tổng kết việc sáng tác ca dao hiện đại theo 2 cách thức phổ biến là phóng tác theo những câu hát cổ và chế biến lại những câu ca dao cổ. Với 2 cách thức này, chúng ta dễ dàng nhận biết được đó là những câu ca dao mới nhờ hình thức và nội dung phỏng theo những câu ca dao cổ truyền quen thuộc.

Từ đây, chúng tôi đưa ra một số cơ sở để xác định ca dao hiện đại:

- Về hình thức biểu hiện
  - + Được xác định là sáng tác từ 1945 đến nay
  - + Có nhiều bài có tên tác giả, bút danh
  - + Mang những đặc điểm của ca dao truyền thống như lưu truyền, tập thể, dị bản, khuyết danh
  - + Được viết dưới thể thơ phổ biến trong ca dao truyền thống: lục bát; song thất lục bát,... và các thể phú, tử, hứng
  - + Cách gieo vần, nhịp điệu mô phỏng hoặc dựa theo những câu tục ngữ, ca dao truyền thống
  - + Do cách gọi tên, đặt tên của các sáng tác trên báo chí, ấn phẩm, trên mạng Internet,... Ví dụ: “ca rao”: một cách gọi rất phổ biến với những câu ca dao hiện đại mang nội dung cười, chế giễu, châm biếm.
- Về nội dung thể hiện

Nhìn chung nội dung của ca dao hiện đại vẫn kế thừa được ca dao truyền thống ở nét phù hợp với tâm tình, ý nghĩa và nguyện vọng của nhân dân lao động. Điều đó, đòi hỏi người sáng tác ca dao hiện đại phải có vốn sống thực tế và cảm xúc thật sự trước những sự việc diễn ra trong cuộc sống. Một vài nét kế thừa truyền thống có thể dễ dàng nhận biết ở ca dao hiện đại như:

+ Mượn một vế, một hình ảnh, một cụm từ trong những câu ca dao truyền thống nhưng thêm thắt hoặc thay đổi nội dung khác.

+ Phóng tác dựa trên những câu, những bài ca dao quen thuộc.

## **2. Phương thức thống kê và tập hợp tư liệu phục vụ đề tài**

Chúng tôi tiến hành thống kê những câu, những bài ca dao căn cứ vào cách xác định nêu trên dựa vào các nhóm nội dung chính: kinh tế, chính trị; văn hóa và xã hội theo từng thời kỳ đã được phân định. Từ đó kiểm tra tần suất xuất hiện của các vấn đề: vấn đề nào được bàn luận nhiều, là vấn đề nóng trong từng thời kỳ để có được cái nhìn tổng quan về dư luận xã hội xung quanh các vấn đề của hiện thực đời sống.

## **3. Phương thức biểu hiện của ca dao Việt Nam từ 1945 đến nay**

### **3.1. Sự ảnh hưởng và tiếp thu ca dao truyền thống**

Ca dao hiện đại trong dòng chảy không ngừng của văn học vẫn lĩnh hội và tiếp thu những kết tinh của ca dao truyền thống thể hiện trên cả hai phương diện nội dung và hình thức. Có thể nói, khi đọc những câu ca dao của thời hiện đại chúng ta vẫn thừa nhận đó là ca dao bởi những sắc màu riêng biệt của thể loại này vẫn không hề mất đi, dẫu đã có sự cách tân cho phù hợp với thời đại. Trong

đề tài *Ca dao hiện đại từ 1945 đến nay nhìn từ góc độ dư luận xã hội*, chúng tôi đã cố gắng đi tìm những nét tinh túy của truyền thống còn lưu giữ lại.

### **3.1.1. Phương diện nội dung**

Với đặc thù của một thể loại ra đời trong xã hội đã có phân chia giai cấp, những vấn đề được phản ánh trong ca dao là những vấn đề gần gũi với cuộc sống, gắn liền với sinh hoạt và lợi ích của nhân dân. Ca dao từ 1945 đến nay dưới góc độ dư luận xã hội vẫn không đi ra ngoài nền tảng cơ bản đó. Ca dao hiện đại nhìn nhận qua lăng kính của dư luận xã hội hướng trọng tâm vào những vấn đề nổi bật của xã hội trên nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Sở dĩ làm sao đến thời hiện đại, quần chúng nhân dân vẫn chọn ca dao làm thể loại phổ biến cho việc thể hiện tâm tư, nguyện vọng của mình, bởi lẽ “ca dao có tính độc lập tương đối của nó”<sup>2</sup>. Thiên về tình cảm, ca dao rất rõ ràng bộc lộ thái độ, tình cảm, tâm tư, nguyện vọng, do đó đây là thể loại hết sức thích hợp để quần chúng nhân dân mượn đó để bày tỏ thái độ, tâm tư của mình về những vấn đề thời cuộc. Hơn thế, ca dao là thể thơ ngắn gọn, có thể ứng khẩu nhanh, điều đó phù hợp với không khí của thời đại khi quần chúng cần nhanh chóng “ứng xử” với những sự việc, sự kiện, hiện tượng xảy ra xung quanh mình, đang tác động đến quyền lợi của mình. Ngoài ra, với âm hưởng mang đậm màu sắc truyền thống, nhẹ nhàng, tình cảm, có nhịp điệu, ca dao là thể loại thích hợp để lan truyền và nhanh chóng đi vào lòng người.

Ca dao hiện đại vẫn đảm bảo tính truyền thống của ca dao cổ truyền thể hiện ở tính truyền miệng, tập thể, khuyết danh và dị bản. Không ít bài ca dao hiện đại cũng được sáng tác trong bối cảnh tập thể, có thể do một người ứng tác sau đó người nọ truyền người kia và nó trở thành sáng tác của tập thể. Ngoài ra, ca dao

---

<sup>2</sup> Hoàng Tiến Tựu (1990), *Văn học dân gian Việt Nam*, Tập II, NXB Giáo dục, tr. 141.

hiện đại vẫn mang tính dị bản vốn rất quen thuộc trong ca dao cổ truyền. Chúng tôi xin dẫn ra đây một ví dụ:

*Ra đi quyết giữ lời thề  
Đánh tan giặc Mỹ mới về thủ đô.*

Từ bài ca dao này xuất hiện thêm một số dị bản khác như:

- *Đứng trên núi Ngọc ta thề  
Đánh tan giặc Mỹ mới về quê hương*

- *Đứng trên sóng nước ta thề  
Đánh tan giặc Mỹ mới về với em*

- *Ra đi quyết giữ lời thề  
Đánh tan Mỹ nguy mới về quê hương.*

Ngoài ra, còn có một bộ phận ca dao hiện đại khuyết danh nhưng được lưu truyền rất rộng. Ví dụ bài ca dao sau xuất hiện trong chế độ hợp tác xã:

*Thi đua làm việc bằng hai  
Để cho cán bộ mua đài mua xe  
Thi đua làm việc bằng ba  
Để cho cán bộ xây nhà lát sân.*

Hoặc:

*Thi đua ta quyết thi đua  
Thi đua ta quyết tiến lên hàng đầu  
Hàng đầu rồi biết đi đâu?  
Đi đâu không biết hàng đầu cứ đi!*

Trong khi tìm hiểu về ca dao hiện đại từ 1945 đến nay, để tiện cho việc nghiên cứu chúng tôi đã phân chia thành 3 thời kỳ: 1945 - 1954; 1954 - 1975 và từ 1975 đến nay trên cả 3 phương diện: chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội qua cái nhìn của dư luận xã hội. Việc nghiên cứu 3 thời kỳ cùng ở những phương diện nội dung tương đồng đã cho chúng tôi thấy một cách rõ nét sự vận động và chuyển biến từ thời kỳ này sang thời kỳ khác. Đó là xu hướng vận động tất yếu, xuất phát từ nhu cầu phát triển của đất nước và phù hợp với xu hướng của thời đại. Thời kỳ 1945 - 1954, trọng tâm là cuộc đấu tranh chống Pháp cứu nước đã hướng nền chính trị, kinh tế và các vấn đề văn hóa - xã hội vào sự nghiệp đấu tranh chung nhằm giành thắng lợi cho dân tộc; thời kỳ 1954 - 1975, các vấn đề trọng tâm của đất nước đều hướng vào hai nhiệm vụ lớn là đấu tranh chống Mỹ ở miền Nam tiến tới thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm nhiệm vụ hậu phương phục vụ cho chiến trường miền Nam; thời kỳ từ 1975 đến nay, chúng ta đề cao nhiệm vụ phát triển đất nước, đổi mới và hội nhập. Kéo theo đó, các vấn đề từ tích cực đến tiêu cực, từ nhỏ đến lớn đều có sự tiếp biến giữa các thời kỳ, từ chỗ manh nha, còn hạn chế đến chỗ lan rộng hơn và trở thành nguyên nhân bùng phát nhiều hiện tượng tiêu cực khác (đặc biệt trong xã hội hiện nay). Trong đề tài này, vấn đề mà chúng tôi quan tâm là thái độ, ý kiến, quan điểm của dư luận xã hội về các phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội qua các thời kỳ từ 1945 cho đến nay, bởi vậy, ngoài những vấn đề tích cực mang ý nghĩa là vận động, tuyên truyền, khích lệ, đề cao thì một bộ phận không nhỏ những vấn đề tiêu cực trong xã hội đang tồn tại được dư luận quan tâm dưới góc độ phê phán, tố cáo, muôn bài trừ cũng hết sức rõ nét. Bởi vậy, nội dung chủ đạo ở mảng ca dao này là sự đả kích, châm biếm, phê phán những thói hư tật xấu, những tệ nạn xã hội đang hình thành và tồn tại trong xã hội. Tuy những tệ nạn này chỉ tồn tại ở một số bộ phận, ở một số tầng lớp trong xã hội, là “con sâu làm



giàu nòi canh” nhưng chúng đang có nguy cơ lan rộng và sẽ thật tai hại nếu chúng chiếm lĩnh được vị trí áp đảo và điều hành mọi hành vi của xã hội. Bởi vậy, nội dung chính hay thông điệp mà dư luận xã hội mang đến trong những bài ca dao này là sự phủ định với cái xấu, quyết liệt xóa bỏ để xây dựng xã hội ngày càng trở nên tốt đẹp hơn, phát triển hơn.

### **3.1.2. Hình thức biểu hiện**

Ca dao với nhiều loại, nhiều nhóm, phản ánh nhiều mặt khác nhau của đời sống quần chúng nhân dân. Bên cạnh đó, sự khác nhau của nhiều truyền thống, cùng với những đặc điểm lịch sử của ngôn ngữ dân tộc đã làm cho phương pháp sáng tác của ca dao không phải bao giờ và trong bất cứ trường hợp nào đều là thuần nhất. Tuy vậy, trong phong cách nghệ thuật thơ ca của nhân dân, chúng ta vẫn thấy hình thành một số đặc điểm chung. Đó là lý do để ca dao hiện đại với rất nhiều biến đổi và cách tân về mặt hình thức vẫn giữ được khuôn áo truyền thống của nó, sự đổi thay chỉ là thêm màu, thêm sắc, thêm những điểm mới mẻ ở đường nét để thêm phần sinh động, phong phú.

Trước hết về thể thơ, ca dao từ 1945 đến nay vẫn chủ yếu được sáng tác theo hai thể thơ phổ biến của ca dao là lục bát và song thất lục bát, đây là những thể thơ dân tộc có nhiều khả năng trong việc diễn tả nội dung trữ tình. Nhà thơ Nguyễn Đình Thi đã từng đúc kết về giá trị của thể thơ lục bát như sau: “Dùng một hình ảnh, ta có thể ví lời thơ Đường luật như một chiếc bình pha lê kết tinh trong suốt nhưng không đủ sức lôi cuốn của một dòng sông. Thơ lục bát, trái lại, vì hợp với tiếng nói nước ta hơn nên có thể dung được nguồn cảm hứng tràn lan,

đó là thể thơ ca hát, kể chuyện của dân chúng”<sup>3</sup>. Với đặc trưng là “thể thơ ca hát, kể chuyện của dân chúng”, nhân dân đã xác lập độc quyền với thể thơ này; bởi vậy, thơ lục bát nói riêng và ca dao nói chung đã khẳng định được ưu thế của chúng so với các thể thơ và thể loại khác ở chỗ chiếm trọn được tình cảm yêu mến của quần chúng nhân dân và thấm đẫm trong chúng hồn của dân tộc mà không phải thể thơ hay thể loại nào khác cũng dễ dàng có được.

Một cách kết hợp khác là giữa thể văn và thể thơ lục bát thường gặp trong ca dao truyền thống thì ở các bài ca dao hiện đại, ta vẫn bắt gặp:

Đi chậm

*Ăn cỗ đi nhanh*

*Họp hành đi chậm*

*Phê nhiều chưa thấm*

*Nói lắm chưa nhuần*

*Bạn về xét lại bản thân*

*Gác tay lên trán nghĩ gần nghĩ xa*

*Con sâu làm cối bụi cà*

*Một người đi chậm trễ ra cả làng.*

Nguyễn Hồ

Trong trường hợp này, tiết tấu và âm điệu phong phú của các câu thơ có khả năng diễn tả các cung bậc và sắc thái khác nhau của tình cảm.

Ngoài ra những thể thơ lục bát và song thất lục bát biến thể cũng hay được dùng trong các bài ca dao hiện đại. Đây là sự quá độ giữa lời nói có vần và lời thơ trau chuốt nên việc diễn đạt được dễ dàng, nhanh chóng và không bị gò bó nhiều tư tưởng, tình cảm của nhân dân:

---

<sup>3</sup> Nguyễn Đình Thi, *Sức sống dân Việt Nam trong ca dao và cổ tích*. Bài nói chuyện tại Nhà hát lớn tháng 4 – 1944, tạp chí Tri Tân, số 147 (ngày 22 – 6 – 1944), tr.7.

Gửi các đồng chí giữ kho thóc  
Mồ hôi mà đổ xuống đồng  
Mồ hôi đã nhuộm cho bông lúa vàng  
Bông lúa vàng đã sàng, đã sảy  
Lúa theo người lúa trảy vào kho  
Giữ gìn năm liệu, mười lo  
Mọt, sâu, mối, chuột, trừ cho đến cùng  
Phải chống lối cha chung không khóc  
Để chuột ăn, mọt mọc, mối xông  
Hết lòng bảo vệ của công.

Thọ Rèn

Ngoài ra, cách gieo vần, ngắt nhịp của ca dao hiện đại cũng hết sức quen thuộc và gần gũi với ca dao truyền thống. Ở thể lục bát hoàn chỉnh, lối gieo vần bằng và nhịp điệu uyển chuyển của câu thơ có khả năng diễn đạt được nhiều kiểu sắc thái tình cảm, từ vui đến buồn, từ nhẹ nhàng, thăm thiết đến da diết, xót xa... Thêm nữa, ở thể song thất lục bát hoàn chỉnh, vần trắc và tiết tấu theo nhịp 3/4 của những câu bảy lại có khả năng nhiều hơn trong việc diễn tả những tình cảm khúc mắc, những nỗi đau khô, dằn vặt:

Trăng chéch bóng nghiêng  
Hỏi nào hẹn nước thê **non**  
Trăm năm tình nghĩa anh **còn** nhớ **không**?  
Bây giờ nên vợ nên **chồng**  
Nước non còn đó sao **lòng** đổi thay  
Lòng đổi thay / ngóng mây đợi gió  
Mơ ánh trăng / ruồng bỏ ánh đèn  
Cuối cùng trăng chéch bóng **ngiêng**

*Mẹ cha hờn giận, xóm **giềng** cười chê.*

Nguyễn Hồ

Một đặc điểm nữa mà ca dao hiện đại tiếp thu uyển chuyển từ ca dao truyền thống là hình thức đối đáp.

*Sang sông lữ làng*

*- Đò ơi đò chở sang sông*

*Cau xanh đã bỏ, trầu vàng đã tèm*

*Thuận lòng cha mẹ đôi bên*

*Nhờ đò chắp mối tình duyên mặn nồng*

*Đò rằng: đâu quản chút công*

*Vì chưa đến tuổi, sang sông lữ làng.*

Dương Huy

Hay:

*Lỗi hẹn*

*Trách ai lỗi hẹn tối qua*

*Để ai chín đợi mười chờ một ai,*

*- Tối qua anh mới chữa cày*

*Chữa xong trăng xế non đoài khuất mây.*

*Trách ai trễ hẹn chiều nay*

*Để cho ai phải vì ai đợi chờ.*

*- Chiều mưa, em vội be bờ*

*Ruộng chung không nở để cho nước tràn*

*Đôi ta lỡ hẹn không sang*

*Vì mong hợp tác lúa vàng bội thu.*

Nguyễn Ái Mộ

Trong quá trình khảo sát, chúng tôi nhận thấy, các thể quen thuộc của ca dao truyền thống như thể phú, tỉ, hứng cũng được ca dao hiện đại vận dụng khá khéo léo, nhịp nhàng. Có thể kể ra một số bài tiêu biểu như:

Thể phú:

Cô gái Hà Nội  
Em là con gái Hồ Tây  
Dựng nông trường mới lên đây phá đò  
Gieo mầm ngô lúa xanh tươi  
Nhà cao gió lộng, tường vôi ngói hồng  
Dưới đò hồ nước mênh mông  
Cá bơi tung cánh sen hồng ngát hương  
Công em một nắng hai sương  
Em đi mang cả phố phường đi theo.

Trần Hồng Thắng

Thể tỉ:

Thủ cự  
Nước lên, ốc bám chân cầu  
Có ông thủ cự trong đầu mọc râu  
Người ta như gió như điều  
Ông như con ốc sớm chiều bò quanh.

Nguyễn Hồ

Thể hứng:

Khen  
Lúa vàng như đám mây vàng  
Tay cắt lẹ làng như thể cuốn mây  
Tay cuốn mây

*Cuốn đầy hương lúa*

*Em ra về đi giữa đồng quang*

*Hương thơm đầu ngõ cuối làng*

*Người khen cô gái đảm đang ngoại thành.*

Trần Hồng Thắng

Ngoài ra, ca dao từ 1945 đến nay cũng vận dụng rất nhiều hình ảnh quen thuộc trong ca dao truyền thống, chính điều đó đã góp phần tạo nên sự gần gũi, thân thuộc cho những sáng tác mới này, giúp chúng ngay từ đầu đã xóa được ấn tượng cũ mới trong quan niệm của độc giả và nhanh chóng chiếm được cảm tình của người đọc. Chỉ điếm qua một số bài ca dao, chúng ta cũng bắt gặp khá nhiều hình ảnh quen thuộc, gần gũi trong các bài ca dao truyền thống như cau xanh, trầu vàng, trăng, gió, mây, nước, non, con đò,... Dù đã được cải biên đi rất nhiều cho phù hợp với từng không gian và hoàn cảnh khác nhau nhưng những hình ảnh giản dị, quen thuộc này xuất hiện trong những bài ca dao hiện đại đủ để khẳng định sức sống bền lâu của những hình ảnh dân gian đẹp đẽ cũng như sức ảnh hưởng lớn của chúng đến cả những giai đoạn về sau. Chính sự hiện diện của những hình ảnh dân dã, bình dị, mộc mạc này đã tạo cho chúng ta cảm giác thân quen, gần gũi khi tiếp xúc và tìm hiểu những bài ca dao hiện đại và làm lan truyền cảm xúc yêu mến vốn có từ những bài ca dao cổ sang.

### **3.2. Những nét đổi mới**

Nếu như trước đây, ca dao truyền thống tồn tại chủ yếu dưới hình thức lưu truyền từ đời này qua đời khác thì nay, khi xã hội đã phát triển, một bộ phận ca dao hiện đại vẫn được lưu truyền bằng hình thức truyền miệng, nhưng phần nhiều đã được ghi chép lại và in ấn, hơn thế nữa, ngày nay với sự bùng nổ của công

nghệ thông tin thì những sáng tác ca dao hiện đại đã được truyền bá một cách nhanh chóng và rộng khắp tới mức kinh ngạc thông qua hình thức Internet. Nói như thế, đủ thấy về việc sáng tác và truyền bá ca dao từ truyền thống đến hiện đại đã có rất nhiều khác biệt. Trong cuốn *Những vấn đề lý luận và lịch sử về sáng tác dân gian*, nhà lý luận văn học Liên Xô V.Chichêrôp cho rằng: “Trong thời đại chúng ta, thơ ca dân gian tồn tại dưới hình thức truyền miệng và cả dưới hình thức thành văn. Điều đó hoàn toàn phù hợp với quy luật; nó phản ánh quá trình hoàn mỹ của nền văn học nghệ thuật của quần chúng nhân dân”.

### ***3.2.1. Những đổi mới về nội dung***

Vẫn là việc chú trọng phản ánh những vấn đề quan trọng của đất nước nhưng ca dao từ 1945 đến nay đặc biệt là ca dao từ sau năm 1975 đã phát huy được đặc tính nổi bật của thời đại khoa học công nghệ đó là sự cập nhật thông tin thời sự một cách nhanh chóng, kịp thời. Có thể nhận thấy rõ là những vấn đề nóng hổi của đời sống nhanh chóng trở thành đề tài của các sáng tác ca dao hiện đại. Thậm chí, ngay khi các sự việc, sự kiện vừa xuất hiện, dư luận đã lập tức lên tiếng bàn luận về chúng và bày tỏ thái độ của mình bằng việc sáng tác ngay những bài ca dao mang nội dung về những vấn đề này. Có thể kể ra đây một vài ví dụ như: chính phủ đang thực hiện cải cách hành chính, rút gọn các thủ tục rườm rà, hay chính phủ đang bàn luận về việc cấp sổ xanh, sổ hồng thay cho sổ đỏ như trước đây thì chúng ta đã có ngay ca dao về vấn đề này được đăng trên Tuổi trẻ Cười. Hay nạn dịch gà, dịch heo xuất hiện, ca dao về chúng cũng xuất hiện ngay sau đó. Nhanh chóng hơn nữa, thông tin được truyền tải trên mạng Internet với tốc độ chóng mặt, chỉ bằng một đường link, thông tin ngay lập tức được truyền tải đi và hàng triệu triệu người trên trái đất trong cùng một lúc đều

có thể tiếp nhận được thông tin này. Trong thời đại ngày nay, các website, các blog cá nhân,... là những phương tiện truyền thông tự do phát huy cao nhất khả năng truyền tin của dư luận. Và cũng cần phải nhận thấy một điều hết sức rõ rệt rằng chính truyền thông tự do lại là nơi dư luận bộc lộ thái độ đối với các hiện tượng tiêu cực của xã hội một cách thẳng thắn, quyết liệt và gay gắt nhất.

Thời đại tự do, dân chủ, do đó báo chí nói chung cũng phát huy cao độ tính thời sự, sự nhạy bén, nhanh chóng, kịp thời nhằm mục đích thu hút được sự quan tâm của một lượng độc giả đông đảo nhất. Vì vậy, những vấn đề nóng hổi của xã hội nhanh chóng trở thành vấn đề bàn luận của đông đảo công chúng. Các diễn đàn trao đổi, forum trên mạng có dịp phát huy tối đa khả năng tiện lợi và hiện đại của nó.

Nói như thế để thấy rằng, ca dao hiện đại đã bắt kịp với nhịp điệu của cuộc sống, nhằm thể hiện một cách nhanh chóng và kịp thời nhất những diễn biến của đời sống. Suy cho cùng, sự thay đổi, vận động của nó cho phù hợp với thời cuộc đều nhằm một mục đích duy nhất là phục vụ tối đa cho lợi ích của công chúng về mặt thông tin.

### ***3.2.2. Những đổi mới về hình thức***

Những đổi mới về nội dung tất sẽ kéo theo những thay đổi về hình thức, tuy nhiên sự thay đổi về hình thức của ca dao hiện đại so với ca dao truyền thống không có nhiều và sự thay đổi không mang đậm tính đột biến.

Ca dao từ năm 1945 đến nay đã có sự xuất hiện của nhiều yếu tố mới về hình thức nghệ thuật, về phương pháp sáng tạo mà trước kia trong sáng tác ca dao với tư cách là sáng tác lời ca trong khuôn khổ những giai điệu dân ca, chúng ta thấy hoàn toàn vắng bóng. Đó là sự mở rộng về thể thơ, sự tiếp thu những thể thơ



của văn học thành văn. Vì thế, không phải ngẫu nhiên đã có ý kiến cho rằng văn học dân gian hiện đại thuộc vào văn học hiện đại hay nói cách khác thì ca dao hiện đại là một thể loại thuộc văn học hiện đại. Ngoài thể thơ lục bát hết sức phổ biến trong ca dao truyền thống, đến ca dao hiện đại, thể thơ này vẫn chiếm vị trí chủ yếu nhưng đã có những sự phá cách như thêm, bớt số chữ trong câu 6, câu 8; có sự xâm nhập của những thể thơ tự do của văn học hiện đại như thơ 4 chữ, 5 chữ, 7 chữ hoặc nhiều hơn, hoặc là sự đan xen của nhiều thể thơ tự do và thể thơ lục bát, song thất lục bát.

Chúng tôi lấy ví dụ bài ca dao *Tháng bảy*, một bài ca dao về thi đua sản xuất nông nghiệp xuất hiện trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh chống đế quốc Mỹ ở miền Nam:

*Tháng bảy năm nay*

*Rau gieo khỏi tay*

*Xanh vòng kín luống*

*Lúa bén rễ luôn*

*Lợn mới xuất chuồng*

*Lại đầy ăm ắp*

*Cá tung sóng nước*

*Rung bóng cây xanh*

*Ai xuôi cầu Vực làng Huỳnh*

*Ngược dòng thôn Vạn, qua đình Ba Dân*

*Ai về Hồng Phú chẵn tầm*

*Xuống trại Đông Mỹ, lên đâm Yên Duyên*

*Ai về ai xuống ai lên*

*Quê tôi tất cả mọi miền mọi nơi*

*Rau xanh lúa thắm sắc trời*

*Tay cày tay súng đáp lời: Tiến công!*

Thể thơ 4 chữ ngắn gọn, khỏe khoắn phù hợp với không khí lao động sản xuất hăng hái, sôi nổi. Bài ca dao có 15 câu thì 9 câu được viết theo thể thơ 4 chữ tạo cho bài ca dao 2 âm hưởng tưởng như đối lập nhưng lại rất nhịp nhàng đó là sự sôi nổi trong lao động sản xuất và sự thiết tha khi bày tỏ niềm tự hào trước không khí thi đua sôi nổi của quê hương góp phần vào công cuộc đấu tranh chung của cả nước.

Một sự thay đổi khá rõ rệt về hình thức là việc ca dao hiện đại trên khuôn mẫu của ca dao cổ truyền đã thêm thắt vào hình hài ấy những liếng lóng, cách nói lái, đọc chệch âm hay tiếng nước ngoài,... Điều này đặc biệt rõ ở những sáng tác ca dao xuất hiện sau năm 1975, nhất là vào những năm đầu của thế kỷ XXI này. Xu hướng này phù hợp với phong cách của giới trẻ, những người luôn có xu hướng tìm kiếm những cái mới, lạ, nổi bật. Cho nên, như đã nói ở trên, có một bộ phận ca dao tuy không chiếm vị áp đảo nhưng cũng tạo dấu ấn khá đậm nét, đó là ca dao do học sinh, sinh viên sáng tác thì xu hướng thay đổi này càng được thể hiện rõ. Điều đáng nói là những bài ca dao kiểu này vẫn mang nguyên vẹn những câu quen thuộc hoặc mang hơi hướng của một bài ca dao cổ truyền nhưng đã được thêm thắt vào những vế câu mới, với hình thức mới, từ ngữ mới. Sự thêm thắt hình ảnh mới bên cạnh hình ảnh cũ đã làm thay đổi nội dung của bài ca dao. Thông thường những sáng tác kiểu này thường dựa trên những câu ca quen thuộc và thêm vào những hình ảnh mới, nội dung mới gắn liền với thời hiện đại. Ví dụ như:

*Má ơi đừng gả con xa  
Chim kêu vượn hú biết nhà má đâu  
Thôi má cứ gả nhà giàu  
Có tiền chĩnh mặt, làm đầu cho con.*

Hay:

*Mấy đời bánh đúc có xương  
Mấy đời gái chanh mà thương trai nghèo*

Hay:

*Nhà bè nước chảy chia hai  
Cái nhà nhỏ xíu mà chia nổi gì  
Chịu khó nhường cho em đi  
Vì là phận nữ anh tranh làm gì.*

Tiếng nước ngoài, tiếng lóng, cách nói lái, đọc chệch âm,... cũng được sử dụng khá phổ biến:

*Đi đâu cho thiệp theo cùng  
No thì thiệp ở, lạnh lòng thiệp... bye.*

Hoặc:

*Trời mưa bong bóng phập phồng  
Mẹ đi lấy chồng con ở dzí... boy-friend.*

Hay:

*Chiều chiều con dzịt kêu chiều  
Ngó anh thấy ghét, em... xù anh luôn.*

Hay:

*Cá trôi cá chép mắc câu  
Cá nhân "mắc ngoặc" cúi đầu theo "phe".*

(Từ Affaire trong tiếng Pháp đã được Việt hóa thành "phe" rồi "phe phẩy" để chỉ hiện tượng buôn bán cò con, "chạy hàng xách" , "chỉ trở",... đã phản ánh một thời kỳ kinh tế thiếu thốn, khốn khổ ...)

Hay:

*Một yêu anh có Sây Cô*

*Hai yêu anh có Bô Giô Cá Vàng*

(Sây Cô: Đồng hồ Seiko, Bô Giô Cá Vàng: xe máy Peugeot màu đồng thau)

Có thể nói, những sự thay đổi ở trên không mang lại hiệu quả đặc biệt cho ca dao hiện đại. Nó chỉ phù hợp với một bộ phận sáng tác và bộ phận “thưởng thức” nhỏ trong xã hội (học sinh, sinh viên,...) và cũng chỉ phù hợp trong một số hoàn cảnh nhất định.

Bên cạnh đó, ca dao hiện đại cũng có những thay đổi nhất định về nhịp điệu. Nếu ca dao truyền thống là ca dao của nông thôn với nhịp sống nông nghiệp ngàn đời gắn bó với người dân Việt Nam, bởi vậy âm điệu chủ đạo là chậm rãi, nhịp nhàng, êm đềm, ít sự trúc trắc, thì ca dao hiện đại là ca dao của mặt trận, của thành thị, của cuộc sống mới sôi động, đang đổi thay hàng ngày, hàng giờ; bởi vậy, thay vào nhịp điệu chậm rãi, nhịp nhàng là sự nhanh, mạnh, gấp gấp hơn. Để phù hợp với những sự kiện thời sự của đất nước, ca dao hiện đại đã mang vào cho mình sự ngắn gọn, dứt khoát, thậm chí hồi hã, thúc bách. So sánh giữa hai bài ca dao cổ truyền và ca dao hiện đại, chúng ta càng thấy rõ hơn sự chuyển biến về âm hưởng, nhịp điệu giữa hai thời kỳ. Với hầu hết ca dao cổ truyền, nhịp điệu chủ đạo là 2/2 tạo sự nhịp nhàng, uyển chuyển, mềm mại hoàn toàn phù hợp với không khí truyền thống chậm rãi, đều đều, với lối tâm tình thủ thỉ, sâu lắng thì nhịp điệu của những bài ca dao hiện đại đã có sự thay đổi khá rõ nét. Ngoài nhịp 2/2 quen thuộc, ca dao hiện đại sử dụng nhịp điệu hết sức linh hoạt, biến chuyển

như 3/2/2, 2/1/2,... Sự phá cách thể thơ với sự cộng hưởng của nhịp điệu đã biến chuyển tạo nên âm hưởng mới cho ca dao hiện đại, nhanh, mạnh, gấp, đôi khi trúc trắc... Đó là hơi thở, là nhịp điệu của cuộc sống mới đã phả vào ca dao hiện đại một cách hết sức tự nhiên và sinh động.

## **Chương 2: Dư luận xã hội trong ca dao Việt Nam từ 1945 đến nay**

### **1. Khái niệm dư luận xã hội**

Dư luận xã hội là một khái niệm xuất hiện và tồn tại cùng với sự tồn tại của lịch sử. Nói cách khác, nó phát triển và trưởng thành cùng với bản thân xã hội loài người. Các nhà khoa học đều tán thành với quan điểm cho rằng dư luận xã hội là một hiện tượng xã hội đặc biệt, biểu thị thái độ phán xét, đánh giá của đông đảo quần chúng đối với các vấn đề mà họ quan tâm.

Dư luận xã hội hay còn gọi là công luận, dư luận quần chúng xét về bản chất là ý kiến phán xét, bình phẩm của một số đông người về một sự việc, một sự kiện diễn ra trong xã hội. Sự phán xét, đánh giá này biểu thị thái độ của họ đối với các sự việc, sự kiện, quá trình ấy có thể là tán thành hoặc phản đối, ủng hộ hoặc không ủng hộ.

Do đó, đối tượng của dư luận xã hội không phải là mọi thực tế xã hội nói chung mà chỉ là các thực tế xã hội mà cộng đồng người quan tâm tới vì nó liên quan đến nhu cầu, lợi ích vật chất hoặc tinh thần của họ. Như vậy, dư luận xã hội chỉ nảy sinh khi có vấn đề có ý nghĩa xã hội động chạm đến lợi ích chung của cộng đồng, có tầm quan trọng và tính cấp bách đòi hỏi có ý kiến phán xét đánh giá, phương hướng giải quyết (vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa hay đạo đức).

Ở đây sẽ đặt ra vấn đề: như vậy chủ thể của dư luận xã hội là ai và dư luận xã hội là của ai? Trong cuốn *Bách khoa toàn thư* của Liên Xô xuất bản năm 1978 đã chỉ ra: “*Dư luận xã hội hoạt động trong phạm vi của các giai cấp và các nhóm xã hội khác nhau. Với ý nghĩa đó, không thể chỉ nói đến dư luận xã hội của cả nước mà còn phải nói đến dư luận xã hội, ví dụ của giai cấp công nhân, của thanh niên, của các cá nhân thuộc một nghề nghiệp nào đó, của công nhân trong một xí nghiệp, của các thành viên trong một tổ chức nào đó...*”. Như vậy, chủ thể của dư luận xã hội có thể là một cộng đồng nói chung cũng có thể là một tổ chức hợp thành của cộng đồng đó. Xuất phát từ quan điểm này, một số nhà nghiên cứu cho rằng quan niệm chủ thể dư luận xã hội là của một cộng đồng rộng lớn như giai cấp, tầng lớp, dân tộc, nhân dân, còn dư luận của một nhóm nhỏ chỉ nên gọi là dư luận nhóm, dư luận tập thể. Dư luận của một nhóm, một tập thể có thể tham gia việc hình thành dư luận xã hội về một vấn đề chung nhưng cũng có nhiều trường hợp dư luận nhóm, tập thể ấy có thể không nhất trí với dư luận xã hội.

## **2. Quá trình hình thành dư luận xã hội**

Để hình thành dư luận xã hội tất nhiên không thể chỉ có ý kiến của một người mà là của số đông người trong cộng đồng, là phát ngôn chung của họ. Đó cũng không phải là tổng cộng các ý kiến phán xét đánh giá của các cá nhân mà qua trao đổi, bàn bạc, có sự tác động qua lại giữa các ý kiến, hình thành nên sự phán xét đánh giá chung của số đông trong cộng đồng người.

Quá trình hình thành dư luận xã hội sẽ trải qua 4 bước cơ bản. Theo quan điểm của các tác giả cuốn sách *Một số vấn đề về nghiên cứu dư luận xã hội* thì đó là 4 bước sau:

Bước 1: chứng kiến hình dung sự việc, sự kiện, hiện tượng, trao đổi thông tin về nó, nảy sinh các cảm nghĩ, các ý kiến bước đầu.

Bước 2: trao đổi, bàn bạc về các cảm nghĩ, các ý kiến xung quanh đối tượng của dư luận, ý kiến cá nhân chuyển từ lĩnh vực ý thức cá nhân sang ý thức xã hội.

Bước 3: các loại ý kiến khác nhau thống nhất lại xung quanh các quan điểm cơ bản, hình thành sự phán xét đánh giá chung thỏa mãn đại đa số cộng đồng người.

Bước 4: từ sự phán xét đánh giá chung đi tới lập trường hành động thống nhất, nêu ra những kiến nghị về hành động thực tiễn tùy từng vấn đề mà quá trình hình thành dư luận xã hội có thể diễn biến khác nhau trong điều kiện khác nhau, nói chung khi vấn đề càng phức tạp thì ý kiến càng đa dạng gây ra các cuộc tranh luận sôi nổi trước khi đi đến thống nhất được ý kiến của đa số. Như vậy, dư luận xã hội hình thành qua sự bàn bạc, va chạm các ý kiến, phán xét khác nhau, là sản phẩm của giao tiếp xã hội.

Dư luận xã hội là một hiện tượng thuộc lĩnh vực tinh thần xã hội, là một hình thức biểu hiện của trạng thái ý thức xã hội.

Dư luận xã hội là một hiện tượng tinh thần của xã hội nhưng lại gắn chặt với hoạt động thực tiễn của xã hội như một cầu nối giữa ý thức xã hội và hoạt động xã hội... thể hiện như thái độ tinh thần thực tiễn, quyết định hoạt động thực tiễn.

Như vậy, dư luận xã hội là một hình thức biểu thị trạng thái ý thức xã hội của một cộng đồng người rộng lớn (giai cấp, dân tộc, tầng lớp, nhân dân) là sự phán xét, đánh giá của đại đa số cộng đồng người ấy, phản ánh thái độ của cộng

đồng ấy đối với các sự kiện, hiện tượng xã hội có liên quan đến nhu cầu lợi ích của họ trong một thời điểm nhất định.

### **3. Dư luận xã hội trong xã hội hiện đại**

Để nhận thấy là sự khác biệt giữa dư luận xã hội trong xã hội nguyên thủy và dư luận xã hội trong xã hội có phân chia giai cấp.

Trong xã hội nguyên thủy khi xã hội chưa có sự phân hóa và mâu thuẫn giai cấp, chưa có nhà nước, nhà thờ và trường học thì dư luận xã hội phản ánh thái độ, nguyện vọng, ý chí chung của cộng đồng, đã đóng vai trò như một công cụ có quyền lực tuyệt đối, có chức năng điều tiết mọi quan hệ xã hội. Dư luận xã hội với tư cách là những ý kiến, quan niệm và thái độ phán xét chung của xã hội giữ vai trò vừa là phương tiện giáo dục, vừa là công cụ định hướng, điều tiết hành vi của con người trong cộng đồng. Dư luận xã hội có tác dụng khuyến khích, cổ vũ, biểu dương các thành viên có ý thức, có thành tích trong cộng đồng, đồng thời cũng phê phán những thành viên vi phạm các quy tắc, luật lệ của tập thể. Bởi thế, trong cộng đồng nguyên thủy, cái đáng sợ nhất đối với mỗi thành viên là bị dư luận xã hội lên án, bị tập thể khinh bỉ và ruồng bỏ.

Đến khi hình thành xã hội phân chia giai cấp thì các giai cấp thống trị, bóc lột sử dụng nhà nước, nhà thờ và nhà trường để đảm bảo sự ổn định của các trật tự đã được thiết lập, nhằm duy trì các quyền lợi và địa vị thống trị của họ. Dư luận xã hội khi đó bị chi phối bởi ý thức hệ của giai cấp thống trị.

Tuy nhiên, bên cạnh những dư luận phản ánh ý thức tư tưởng, phản ánh thái độ của giai cấp thống trị vẫn luôn luôn tồn tại luồng dư luận phản ánh thái độ, ý thức của quần chúng nhân dân lao động nhất là trong các thời kỳ cách mạng. Một khi dư luận đã trở thành dư luận xã hội tức là nó được đông đảo quần



chúng đồng tình, thừa nhận như là ý thức nguyện vọng của họ thì nó biến thành sức mạnh vật chất to lớn. Vì thế, trong điều kiện ấy, dư luận xã hội đã tham gia vào quá trình giải quyết các vấn đề xã hội hết sức đa dạng.

Trong mọi thời đại, dư luận xã hội luôn mang trong mình sức mạnh to lớn ảnh hưởng đến nhịp độ phát triển xã hội. Chế độ xã hội chủ nghĩa của Việt Nam đề cao dân chủ. Nhất là trong sự nghiệp đổi mới, việc mở rộng dân chủ vừa là mục đích vừa là động lực mạnh mẽ của quá trình đổi mới. Vì thế, thu thập, điều tra, nghiên cứu dư luận xã hội một cách nghiêm túc, khiêm tốn học hỏi, lắng nghe ý kiến quần chúng lúc này lại càng quan trọng hơn đối với chúng ta.

Nhưng không phải mọi dư luận xã hội đều là chân lý, đều phản ánh đúng đắn thực tế khách quan. Song đã là dư luận xã hội thì nó phản ánh đích thực trạng thái ý thức tư tưởng, phản ánh thái độ đánh giá, phán xét của đông đảo quần chúng. Vì thế, thái độ khoa học đúng đắn của mọi cơ quan pháp lý, lãnh đạo là trong mọi chủ trương quyết định của mình đều phải cân nhắc kỹ lưỡng đến những dư luận xã hội đang tồn tại một cách khách quan trong lòng quần chúng.

Dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng, trong thời gian qua, dư luận xã hội đã có những đóng góp quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của xã hội. Dư luận xã hội sớm lên tiếng kêu gọi mọi người đấu tranh kiên quyết chống các tệ nạn xã hội như trộm cướp, cờ bạc, đĩ điếm, lên án gay gắt và góp phần mạnh mẽ ngăn chặn nạn văn hóa phẩm đồi trụy... Nhờ có công luận chính trực của quần chúng mà một số cán bộ đã thoái hóa biến chất trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, trong các tổ chức kinh tế đã không thoát khỏi sự trừng phạt của pháp luật.

Cùng với công cuộc đổi mới, cải tổ hiện nay, Nhà nước ta luôn coi trọng, tăng cường công tác nghiên cứu xã hội học và dư luận xã hội. Nguyện vọng, thái độ của quần chúng được thể hiện dưới những hình thức phong phú của dư luận xã

hội. Vì thế, tôn trọng dư luận, tổ chức tốt công tác nghiên cứu dư luận xã hội chính là biểu hiện thái độ trách nhiệm với các nguyện vọng, yêu cầu của quần chúng là góp phần hoàn thiện và mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Ca dao hiện đại, một bộ phận không thể thiếu trong nền văn học hiện đại nhưng lại chưa được khai thác một cách hiệu quả đã phản ánh hết sức kịp thời, sâu sắc những vấn đề của đời sống xã hội, bám sát từng bước vận động phát triển của đất nước trong công cuộc đổi mới. Với đặc điểm dễ ứng tác, nhất là dựa trên những câu ca dao, bài hát cổ vốn đã quen thuộc, ca dao hiện đại càng thể hiện tính chất bám sát và kịp thời đối với các sự kiện của cuộc sống. Đặc biệt là ở những năm đầu của thế kỷ XXI này, thời kỳ bùng nổ công nghệ thông tin thì sự hiện diện của dư luận xã hội về nhiều vấn đề của đời sống xã hội được phản ánh qua ca dao hiện đại hết sức rộng khắp, dày đặc với tốc độ chóng mặt. Chính vì luồng thông tin rộng rãi, tràn lan như vậy, đòi hỏi chúng ta phải biết chọn lọc nguồn thông tin và có cách ứng xử phù hợp, văn hóa với từng luồng thông tin khác nhau đó.

### ***3.1. Vấn đề chính trị dưới góc độ dư luận xã hội trong ca dao hiện đại***

Trong hơn nửa thế kỷ qua, với sự phát triển nhanh chóng về mọi mặt của đời sống xã hội, văn học dân gian nói chung và ca dao nói riêng tuy không còn sức ảnh hưởng mạnh mẽ như trong văn học truyền thống. Tuy nhiên, với sức sống mạnh mẽ của một thể loại dễ ứng tác, dễ thuộc, dễ nhớ và gần gũi với tâm tư, tình cảm của con người, ca dao trong thời hiện đại vẫn khẳng định vị trí nhất định của nó trong dòng chảy của văn học. Để đáp ứng nhu cầu nhanh, dễ đi vào lòng người, ca dao hiện đại ra đời đã trở thành một bộ phận không thể thiếu để phản ánh sự nhìn nhận, đánh giá của dư luận về những vấn đề thời sự của đất

nước, của xã hội. Trong xã hội hiện đại, khi con người được giải phóng về nhiều mặt thì nhu cầu được bộc lộ, được thể hiện thái độ, ý kiến của mình về những vấn đề xung quanh càng trở nên cần thiết và phổ biến. Một trong những vấn đề thu hút sự quan tâm, đánh giá của đông đảo quần chúng là vấn đề chính trị. Nói một cách chính xác thì chính trị là vấn đề đáng quan tâm của bất cứ một quốc gia nào, nó ảnh hưởng nhiều mặt tới đời sống vật chất, tinh thần của toàn xã hội. Trong xã hội hiện đại, khi nhu cầu cá nhân được giải phóng thì việc bình phẩm, đánh giá, bàn luận về các vấn đề chính trị của đất nước càng trở nên thiết yếu đối với quần chúng nhân dân. Và ở một góc độ nhất định, họ được tự do thể hiện tâm tư, nguyện vọng cũng như thái độ của mình về những vấn đề chính trị tiêu biểu hay đáng quan tâm của xã hội đương thời. Ở đây, chúng tôi sẽ chia việc nghiên cứu thành 3 thời kỳ: thời kỳ 1945 - 1954; thời kỳ 1954 - 1975 và thời kỳ từ 1975 đến nay để thấy rõ hơn những vấn đề chính trị đáng quan tâm của mỗi thời kỳ cũng như dư luận xã hội về những vấn đề nổi bật đó.

### ***Thời kỳ 1945 – 1954***

Từ 1945 đến 1954 là thời kỳ kháng chiến chống Pháp của dân tộc. Cách mạng tháng Tám 1945 đã giải phóng cho dân tộc đồng thời giải phóng cho văn học nước nhà: văn học được tự do phát triển. Văn học dân gian so với văn học hiện đại dần dần mất đi sức ảnh hưởng mạnh mẽ của nó, tuy vậy, vị trí và ý nghĩa của nó trong dòng chảy của văn học dân tộc không vì thế mà mờ nhạt. Ca dao, một thể loại văn học dân gian đặc sắc, tuy không phát triển rục rờ như trước đó nhưng vẫn tiếp tục kế thừa những thành tựu nổi bật từ truyền thống và không vì thế thua kém đi nhiều về đẹp duyên dáng của nó. Cùng với sự vận động, phát triển của đất nước, ca dao thời kỳ kháng chiến chống Pháp 1945 - 1954 cũng có những thay đổi cho phù hợp với sự đổi thay của đất nước trên cả hai phương diện nội dung và hình thức. Vấn đề dư luận được phản ánh trong ca dao thời kỳ này là

những minh họa sinh động, cụ thể và hết sức gần gũi với cuộc sống chiến đấu và lao động của dân tộc ta trong những năm tháng chống thực dân Pháp tiến tới một nền hòa bình, thống nhất đất nước.

Tiến hành khảo sát các sáng tác ca dao thời kỳ này, chúng tôi thống kê được 422 bài ca dao phản ánh dư luận xã hội về các vấn đề chính trị, 128 bài phản ánh dư luận xã hội về những vấn đề kinh tế và 80 bài phản ánh dư luận xã hội về các vấn đề văn hóa xã hội của đất nước.

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy dư luận xã hội được phản ánh trong các sáng tác ca dao thời kỳ này chủ yếu tập trung vào các vấn đề chính trị đủ để thấy chính trị là vấn đề đáng quan tâm trong mọi thời đại. Đặc biệt, trong thời kỳ dân tộc ta đang dồn mọi tâm sức cho cuộc kháng chiến chống Pháp thì những vấn đề chính trị cũng là những vấn đề đáng quan tâm hơn cả để dồn cho cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ này.

Thông qua số liệu thống kê, chúng tôi đưa ra bảng tổng hợp những vấn đề chính trị nổi bật với tần số xuất hiện cụ thể như sau:

<b>STT</b>	<b>Vấn đề nổi bật</b>	<b>Tần số xuất hiện</b> (đơn vị: bài)	<b>Tỷ lệ xuất hiện</b> (%)
1.	Dân công tiếp vận phục vụ chiến trường	88	20,85
2.	Ca ngợi anh bộ đội cụ Hồ	86	20,37
3.	Thù sâu chí lớn	57	13,51
4.	Niềm tin vào Đảng, Bác Hồ và sự thắng lợi	50	11,85

5.	Ca ngợi dân quân du kích và vệ quốc quân	50	11,85
6.	Thi đua yêu nước	41	9,72
7.	Bình vận, nguy vận và bảo mật phòng gian	28	6,54
8.	Tòng quân	14	3,32
9.	Cách mạng ruộng đất	6	1,42
10.	Khát vọng đất nước thống nhất	2	0,47
<b>Tổng cộng</b>		<b>422</b>	<b>100</b>

Một trong những vấn đề nhận được sự quan tâm của dư luận thời kỳ này là vấn đề dân công tiếp vận phục vụ chiến trường với 88 bài (chiếm 20,85%). Những bài ca dao tràn đầy khí thế và nhiệt huyết lên đường tiếp vận cho tiền tuyến, hòa chung vào dòng thác lũ đang cuộn cuộn ý chí chiến đấu chống kẻ thù xâm lược của những người con đất Việt kiên cường đang cầm súng ngoài mặt trận:

*Đố ai tát cạn biển Đông  
Đố ai cản bước dân công lên đường  
Gạo này đem tận chiến trường  
Gạo nuôi bộ đội tiền phương diệt thù.*

Hay:

*Đèo cao thì mặc đèo cao  
Trèo lên đến đỉnh ta cao hơn đèo  
Đèo cao thì mặc đèo cao*

*Tinh thần tiếp vận còn cao hơn đèo.*

Công tác tiếp vận phục vụ chiến trường trong hoàn cảnh đất nước đang đánh giặc trở thành một nhiệm vụ cao cả, được ưu tiên hàng đầu. Hơn thế, nó trở thành sứ mệnh thiêng liêng mà mỗi người dân đều tự nguyện nhận về mình và hãnh diện, tự hào nhận lấy nó như một sự vinh dự vì đã được góp sức mình cống hiến cho sự nghiệp chung của đất nước:

*Chính phủ huy động dân công  
Anh em ta quyết gánh gồng lên vai  
Đèn trăng, quạt gió, hương trời  
Đứng vào một tổ ba người tâm giao  
Đường trường bao quản gian lao  
Mấy sông cũng lội, mấy hào cũng qua  
Anh em nam nữ chúng ta  
Thi đua phục vụ trong ba tháng tròn  
Băng ngàn, vượt suối, trèo non  
Dân công xứng đáng là con cụ Hồ.*

Hay:

*Em là con gái Việt Nam  
Vì dân vì nước đi làm dân công  
Sửa đường em quyết xung phong  
Bắc cầu đẵn gỗ quyết không kém người  
Tiếp lương vận tải ai ơi!  
Thi đua em thách ai tài hơn em  
Vượt ngàn, mưa nắng, ngày đêm  
Màn trời chiếu đất, đua chen với đời  
Bao giờ Tây chết thì thôi...*

Điều đặc biệt là hình ảnh người phụ nữ xuất hiện rất nhiều trong các bài ca dao về vấn đề dân công tiếp vận. Khi những người đàn ông trong gia đình, người cha, người chồng, người con trai theo tiếng gọi của tiền phương lên đường đi chiến đấu thì những người phụ nữ ở lại nơi hậu phương, những bà, những mẹ, những chị, những em, những người vợ chính là lực lượng đông đảo và nòng cốt cho công cuộc tiếp vận phục vụ chiến trường. Dư luận xã hội trong những bài ca dao này đã phản ánh một cách trung thành mối quan tâm lớn nhất của thời đại lúc bấy giờ đó là cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc và tinh thần tiếp vận phục vụ cho tiền tuyến. Bởi thế, dư luận xã hội về vấn đề tiếp vận trong những bài ca dao này cũng nghiêng nhiều về hướng đề cao, ngợi ca công cuộc có ý nghĩa cao cả và thiêng liêng này. Hầu hết các bài ca dao về vấn đề này đều mang tinh thần cổ động, khích lệ, tuyên truyền để đông đảo quần chúng thấm nhuần ý nghĩa cao cả của công việc tiếp vận và hăng hái tham gia:

*Ta là con cháu cụ Hồ  
Nghe tin tiếp vận đàn bò đi ngay.*

Tinh thần hăng hái, nhiệt tình ấy đã lan tỏa đến tất cả mọi người Việt Nam, bất kể già trẻ, khỏe yếu, lành lặn hay tàn tật như ông lão kia tuổi già mà tinh thần phục vụ cho tiền tuyến vẫn tràn trề, dẻo dai:

*Lão già già tóc, già râu  
Xung phong tiếp vận lão đâu có già  
Con trai đánh giặc ở xa  
Con dâu chăm sóc cửa nhà sớm hôm  
Lão còn lặn suối trèo non  
Lão đi đánh giặc nuôi con lão mà.*

Hay như anh mù mà tâm lòng hướng tới tiền tuyến thật ngời sáng:

*Anh mù nhưng dạ chẳng mù  
Vót tre chẻ nứa đan bồ dân công  
Gửi vào đây cả tấm lòng  
Kháng chiến chống Pháp thành công hẹn ngày.*

Bên cạnh phần lớn những bài ca dao bộc lộ thái độ đề cao, ca ngợi của quần chúng về vấn đề dân công tiếp vận phục vụ tiền tuyến thì vẫn còn một số bài mang sắc thái phê phán, châm biếm, đả kích những kẻ lười biếng, thiếu tinh thần dân tộc:

- *Xã tôi có một anh cô  
Đến phiên tiếp vận giả đồ đau chân.*
- *Cô kia yếm trắng áo len  
Không đi tiếp vận cũng hèn lắm thay!*
- *Ai lên đề nghị Ủy ban  
Đặt lệ “lão làng” cho chú tôi vô  
Chú tôi yếu tựa... trâu tơ  
Bữa cơm xơi hết chùng... bơ gạo đầy  
Tuổi trời, tính đến năm nay  
Thiếu hai năm nữa thì đầy... bốn mươi  
Vợ lẽ muốn cưới vài đôi  
Dân công nhắc đến, kêu “Tôi đã già!”*

Những bài mang sắc thái châm biếm, đả kích tuy chỉ chiếm một số lượng nhỏ nhưng nó có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc tô đậm thêm thái độ nhất quán, quyết liệt của quần chúng nhân dân với sự kiện trọng đại của đất nước,



đồng thời nó góp phần làm tăng thêm giá trị cổ động, khích lệ đối với đông đảo quần chúng.

Bên cạnh vấn đề dân công tiếp vận phục vụ chiến trường thì hình ảnh người bộ đội cụ Hồ cũng là một nội dung nhận được nhiều sự quan tâm của quần chúng nhân dân. Đây là hình ảnh quen thuộc trong các cuộc kháng chiến của dân tộc, là lực lượng đóng vị trí then chốt trong cuộc chiến đấu chống quân xâm lược giành độc lập cho đất nước, những con người đã chiếm trọn tình yêu thương, lòng kính trọng và niềm tự hào của nhân dân. Hầu hết các bài ca dao về người bộ đội cụ Hồ đều chiếm trọn tình cảm ngợi ca của quần chúng nhân dân, bởi đây là những người anh hùng của thời đại, những người con ưu tú của dân tộc đã dâng trọn tuổi xuân, sức vóc và trí tuệ của mình cho sự nghiệp của dân tộc:

*Anh em quyết chí một lòng  
Ra đi chiến đấu thành công mới về  
Ra đi nhớ nắm tay thề  
Quyết làm cho được, không về tay không.  
Nhất cao là núi tam từng  
Ta còn vượt được nữa rừng cỏ may  
Xưa kia cả Nhật lẫn Tây  
Ta còn đánh được thì nay ngại gì.*

Hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ hiện lên trong vẻ chân chất, mộc mạc, giản dị, rất đời thường nhưng vẫn đầy kiêu hãnh, phi thường:

- *Thằng Tây chó cậy xác dài  
Chúng tao người nhỏ nhưng dai hơn mày!  
Thằng Tây chó cậy béo quay  
Mày thức hai buổi là mày bỏ hơi!  
Chúng tao thức bốn đêm rồi*

*Ăn cháo ba bữa, chạy mười chín cây*

*Bây giờ mới gặp mày đây*

*Sức tao vẫn đủ bắt mày hàng tao!*

- *Cô Mơ, cô Mận, cô Đào*

*Ba cô hộ lý cô nào cũng xinh*

*Ba cô chăm sóc thương binh*

*Hỏi sẵn, hỏi đón rằng: “Anh thèm gì?”*

*Ở đây có sữa, có chè*

*Thịt gà nấu cháo, thịt kê ninh mềm...”*

*Thương binh rằng: “Quả có thèm*

*Thèm ra mặt trận, vì thèm... đánh Tây!”.*

Lê Kim

Dẫn chứng ra như thế để thấy rằng đây là hình ảnh chiếm trọn vẹn sự quan tâm của dư luận xã hội trong thời kỳ chống Pháp 1945 - 1954 và cũng là đối tượng luôn nhận được sự đồng tình, hưởng ứng, sự tin yêu, đề cao của đông đảo quần chúng nhân dân. Cho đến bây giờ và sau này cũng vậy, hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ sẽ còn mãi ngời sáng trong tâm trí của mỗi người dân Việt Nam.

Ngoài các nội dung trên, một nội dung về chính trị thu hút sự quan tâm của dư luận thời kỳ 1945 - 1954 là vấn đề cách mạng ruộng đất. Đây trở thành vấn đề “nóng” và là đề tài của nhiều thể loại văn học, nhiều loại hình nghệ thuật và ca dao thời kỳ này cũng không bỏ qua một vấn đề được dư luận hết sức chú ý.

Điều đặc biệt, ở mảng nội dung này, thái độ của dư luận được thể hiện hết sức thẳng thắn, rõ nét về một chủ trương của Đảng và Nhà nước bởi lẽ chủ trương này gắn liền với quyền lợi của hàng triệu con người Việt Nam vốn sinh ra

từ đất đai, đồng ruộng, cuộc đời của họ từ lúc sống đến lúc chết đều không xa lìa từng tấc đất.

*Cách mạng ruộng đất mới ban*

*Chính phủ hoàn toàn bênh vực nhân dân.*

...

*Những phường cướp chiếm dã man,*

*Quen thói tham tàn, sắc lệnh không tha.*

Dưới góc độ một bài ca dao thì thái độ mà quần chúng nhân dân, dư luận xã hội phản ánh chính là sự đồng tình, ủng hộ với một chủ trương đúng đắn của chính phủ, là sự đồng thuận, sự hưởng ứng với chính sách của chính phủ bởi vì việc làm này đã lấy quyền lợi nhân dân làm đầu, đứng về phía nhân dân, “bênh vực nhân dân” và hoàn toàn hợp với lòng dân. Đồng thời, dư luận cũng bày tỏ thái độ bất bình, căm phẫn trước thói “tham tàn”, “dã man” của bọn địa chủ, thực dân - những kẻ đã giẫm đạp lên sự sống của người dân. Và kết cục xứng đáng mà chúng phải nhận lấy là sự trừng phạt của chính phủ, của chính quyền mới - chính quyền của nhân dân:

Thẳng tay

... *Giảm tô, sắc lệnh đã ban*

*Mi không chịu giảm còn toan dọa người*

*Mi cho vay một lấy mười*

*Cho lép lấy chắc, lại đòi rút ruộng, rút trâu*

*Tao cày hết cạn hết sâu*

*Mi ngồi chực sẵn bóp hầu nặn xương*

*Tao làm năm nắng mười sương*

*Mi ra đòi dẫu, thay thưng cướp về*

*Công tao bụng đói đắp đê*

*Lúa tốt bẻ bẻ, mi lại tặng tô*

*Mi không tuân lệnh Cụ Hồ  
Trốn dân công, chống thuế, vào hùa phản động Việt gian.  
Xưa mi có sù, có đoan  
Có Tây che chở, có quan bênh bè  
Bây giờ mi lại nho nhoe  
Ôm chân đế quốc, nhằm nhè phản dân  
Tội mi đã rõ mười phần  
Hôm nay phát động nông dân cả làng  
Cường hào gian ác rõ ràng  
Chúng tao sẵn sàng đấu gục mới nghe!*

Sau cải cách ruộng đất, những chủ trương mà Đảng và Chính phủ mang đến đã làm thay đổi bộ mặt của nông thôn Việt Nam cũng như hoạt động sản xuất nông nghiệp ở nông thôn. Hoạt động sản xuất nông nghiệp giờ đây có tập đoàn, mọi người cùng góp sức trồng trọt cấy cày, tăng gia. Dư luận xã hội xung quanh vấn đề này đã bày tỏ một cách rõ nét thái độ hưởng ứng, hoan nghênh đối với những biến chuyển tích cực đó.

### ***Thời kỳ 1954 - 1975***

Bảng thống kê các vấn đề chính trị nổi bật mà dư luận quan tâm trong ca dao thời kỳ 1954 - 1975:

<b>STT</b>	<b>Vấn đề nổi bật</b>	<b>Tần số xuất hiện (bài)</b>	<b>Tỷ lệ xuất hiện (%)</b>
1.	Yêu nước, căm thù giặc, tinh thần chiến đấu thi đua giết giặc	162	68,64

	lập công		
2.	Tiếp vận, thông đường	58	24,58
3.	Ôn Đảng, Bác Hồ, đề cao tư tưởng cách mạng	16	6,78
<b>Tổng cộng</b>		<b>236</b>	<b>100</b>

Đây là thời kỳ nối liền giữa hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của dân tộc. Từ 1954 - 1975, miền Bắc đã giải phóng đang xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm nhiệm vụ là hậu phương vững chắc phục vụ cho miền Nam tiếp tục cuộc kháng chiến chống Mỹ. Dư luận xã hội trong ca dao thời kỳ này chủ yếu xoay quanh những vấn đề mang tính tập thể, những vấn đề đóng vai trò chủ chốt trong đời sống của đất nước.

Một trong những vấn đề nổi bật ở thời kỳ này là lòng yêu nước, căm thù giặc và tinh thần chiến đấu, thi đua giết giặc lập công. Đây là tư tưởng chủ đạo trong văn học Việt Nam nhiều thế kỷ, đặc biệt ở những giai đoạn đất nước có chiến tranh, tư tưởng này càng được đề cao hơn bao giờ hết. Nó trở nên sôi sục, cuộn trào, nóng bỏng trong bầu nhiệt huyết của mỗi người dân Việt Nam yêu nước. Dân tộc ta vốn có truyền thống yêu nước từ ngàn đời nay, tinh thần đó đã thấm đẫm vào tâm can mỗi con người đất Việt và trở thành bản sắc của dân tộc Việt Nam, con người Việt Nam. Dư luận xã hội trong ca dao thời kỳ này đã phản ánh chân thực và đậm nét tinh thần cao đẹp ấy:

Vùi thân Mỹ ngụy  
“Lẻ loi như cụp núi Sầm,  
Thản nhiên như mặt nước đầm Ô-loan”  
Từ ngày giặc Mỹ kéo sang,

*Núi Sầm lửa dậy, Ô-loan sóng trào.  
Quê mình tay súng tay dao,  
Đầm sâu làm huyết, núi cao làm mồ.  
Vùi thây Mỹ nguy côn đồ,  
Chôn mưu thâm độc, diệt trò gian ngoan.  
Chừng nào Mỹ bại nguy tan,  
Núi Sầm tươi mát, Ô-loan êm đềm...*

Lộc Niên

Tiếng nói của dư luận xã hội ở đây là chung cho tâm nguyện, tấm lòng của đồng bào nhân dân, bởi vậy, hầu hết các bài ca dao về chủ đề này đều sôi sục, mạnh mẽ ý chí quyết tâm chống giặc, tinh thần chiến đấu bất khuất, kiên cường. Tình yêu nước sôi sục trong huyết quản của tất cả mọi người, từ ông già, bà cả, từ chồng tới vợ, cho đến những đôi lứa yêu nhau, thanh niên nam nữ, tất thảy hạng người, lớp người, bất kể làm nghề nghiệp gì đều dốc lòng cho kháng chiến, đều hăng hái tham gia góp công, góp sức cho cuộc chiến đấu của dân tộc.

Đánh giặc không còn là mặt trận chỉ dành cho thanh niên trai tráng, lòng yêu nước căm thù giặc đã thôi thúc cả những cụ già cũng muốn xông pha:

Tôi đâu có già  
Cụ ông bàn với cụ bà:  
- Bà nó ở nhà giữ cháu hôm nay,  
Để tôi ra bắn máy bay,  
Mai tôi lại bé thay phiên cho bà.  
Bà rằng: “Ông khéo khéo là!  
Ông cứ ở nhà giữ cháu hôm nay,  
Để tôi ra bắn máy bay,  
Tối qua tập bắn cái tay đang thèm.

Ông ơi! Ông ngẫm mà xem:  
Tóc ông cũng đã bạc trên mái đầu”.  
Ông rằng: “Già tóc, già râu,  
Còn chuyện đánh Mỹ, tôi đâu có già!”  
Mạnh Chinh

Hay:

Mẹ già Bảo Ninh  
Giữa trời bom súng âm vang,  
Trên dòng Nhật Lệ đò ngang vẫn chèo.  
Giữa vời sóng vỗ nước reo,  
Sóng như ùa dậy ruổi theo mạn thuyền  
Đưa quân qua bến bình yên,  
Đẹp sao bóng dáng mẹ hiền quê ta.  
Bao lần đò lại, đò qua,  
Nhắc tên mẹ Suốt, xóm Hà, Bảo Ninh.

Nguyễn Văn Dinh

(Văn nghệ, số 105 – 30-4-1965)

Tay súng, tay con, người phụ nữ vốn quen với công việc cơm nước, nhà cửa vẫn đánh Mỹ thật tài:

Tay con tay súng  
Kể dòn báo động máy bay  
Tay con tay súng băng ngay ra hầm  
Máy bay Mỹ bắn vừa tầm,  
Đặt con xuống hầm, lấp đạn bắn ngay  
Khấp trời lười lửa bủa vây  
Máy bay giặc Mỹ lẩn quay lộn nhào.

*Hàng dương lộng gió xôn xao,  
Tay con tay súng đi vào thời com.*

Nguyễn Đình Cư

(Thơ ca bộ đội Liên khu 4)

Cô mậu dịch viên lập chiến công cho giặc ăn “bánh đạn”:

Gánh đạn

*Gánh gì phủ kín lá cây  
Tưởng cô mậu dịch về đây bán hàng  
Đương khi đói bụng nhờ nhàn,  
Hỏi cô có bánh, có hàng bán chăng?  
Cô cười trắng muốt hàm răng:  
“Hàng em chỉ bán cho thằng Mỹ thôi!”  
Tôi nghe tin lũ giặc trời,  
Đúng thằng nghìn sáu đã rơi đất này.  
Hỏi tên giặc lái máy bay:  
“Bánh cô du kích sáng ngày có ngon?”*

Nguyễn Khắc Lành

Trong chiến đấu, trong lao động, chung một ý chí, chung một tấm lòng đã  
xe duyên cho đôi lứa nên vợ nên chồng:

*Cũng nên vợ chồng  
Yêu anh, em gửi hòn than  
Em trao khẩu súng anh mang lên tầng  
Nhìn nhau mây núi băng khuâng  
Mắt em lấp lánh một vầng trăng nghiêng  
Có hay lòng súng xe duyên  
Hòn than đưa mối cũng nên vợ chồng.*



Võ Khắc Nghiêm

(Vùng mỏ, 31-1-1966)

Khảo sát 119 bài ca dao về nội dung này, chúng tôi nhận thấy thái độ chung của quần chúng đều là sự đồng tình, hưởng ứng, là sự cổ vũ, khích lệ mỗi người dân Việt Nam vững vàng ý chí, vững chắc tay súng, tay cày chiến đấu và chiến thắng kẻ thù. Giọng điệu chủ đạo trong hầu hết các bài ca dao đều là sự ngợi ca, cổ vũ. Giọng điệu châm biếm có xuất hiện nhưng rất ít và đều dành cho kẻ thù - những kẻ ở bên kia chiến tuyến với chúng ta. Vần vẹn chỉ có 2 bài mang sắc thái châm biếm, đã kích trong tổng số 119 bài ca dao đề cao, ca ngợi lòng yêu nước và ý chí chiến đấu kiên cường của dân tộc đủ để thấy lòng căm thù giặc và thái độ ngạo nghễ của nhân dân ta đối với kẻ thù mạnh mẽ và quyết liệt chừng nào:

Cái chông tre

*Mắt ông “cố” Mỹ xanh lè*

*Chỉ vì sợ cái chông tre cắm ngằm.*

*Biết mô mà tránh mà lẩn,*

*Chông đứng, chông nằm tua tua khắp nơi...*

*Chỉ trong nháy mắt... ôi thôi!*

*Nhiều ông “cố vấn” mất toi bộ giò.*

*K.D*

Hay:

Con quạ nó kêu...

*Con quạ nó đậu cành khô,*

*Nó kêu quạ quạ Mỹ vô tới kia.*

*Có tên lính Mỹ đi bìa,*

*Có thằng lính ngự châu rìa theo sau.*

*Ca dao Việt Nam từ 1945 đến nay dưới góc độ dư luận xã hội*

*Con quạ nó đậu cành cao,  
Nó kêu quà quạ Mỹ nhào hố chông.  
Hoảng hồn lính ngự chạy đông,  
Bỏ quan thầy Mỹ chống mông la trời.*

Như vậy, có thể thấy những vấn đề liên quan đến chính trị trong thời kỳ 1954 - 1975 được dư luận xã hội đề cập đến nhiều nhất đều là những vấn đề trọng tâm trong xã hội lúc bấy giờ. Những vấn đề này đều hướng tới một nhiệm vụ trọng tâm và lớn lao nhất của dân tộc trong lúc bấy giờ là chống Mỹ cứu nước tiến tới thống nhất nước nhà. Điều đó một lần nữa khẳng định sâu sắc thêm sự đồng thuận giữa dư luận xã hội với những lợi ích chung của đất nước.

*Thời kỳ từ 1975 đến nay*

Bảng thống kê những vấn đề chính trị dư luận đặc biệt quan tâm thời kỳ 1975 đến nay:

<b>STT</b>	<b>Vấn đề nổi bật</b>	<b>Tần số xuất hiện (bài)</b>	<b>Tỷ lệ xuất hiện (%)</b>
1.	Tham nhũng, hối lộ	10	45,45
2.	Lối sống giàu sang, xa hoa của lãnh đạo	4	18,18
3.	Trình độ, phẩm chất cán bộ, Đảng viên và việc sử dụng cán bộ của Đảng	4	18,18
4.	Cải cách chế độ hành chính	3	13,64

5.	Bầu cử	1	4,55
<b>Tổng cộng</b>		<b>22</b>	<b>100</b>

Từ sau năm 1975, khi mà xã hội càng mở rộng dân chủ thì dư luận xã hội càng có điều kiện phát huy. Những vấn đề liên quan đến tình hình chính trị của đất nước được nhân dân bàn luận một cách sôi nổi, là chủ đề trong rất nhiều hoàn cảnh, môi trường. Về phương diện chính trị, dư luận có vai trò tham gia kiểm tra, kiểm soát không chính thức bộ máy Nhà nước và các cán bộ có cương vị lãnh đạo xem hoạt động có phù hợp với lợi ích tập thể hay không, cần thiết phát hiện những vấn đề giúp cơ quan tư pháp, hành pháp thi hành tốt nhiệm vụ. Điều này thể hiện rõ nhất là người dân có thể biết rất rõ vị cán bộ nào có bao nhiêu tài sản của chim của nòi, mấy vợ mấy con, “hành tung bí ẩn” như thế nào; trong khi đó, bản kê khai tài sản của cán bộ nọ không hề thể hiện. Có một thực tế là tất cả các vụ việc tham nhũng được phát hiện từ trước đến nay là từ phía quần chúng và báo chí, không có vụ nào do cơ quan, tổ chức Đảng hay đoàn thể vị cán bộ đó phát hiện.

Dư luận xã hội thống nhất ý kiến và kiến nghị nên cũng làm luôn chức năng tư vấn cho Chính phủ. Cụ thể là Chính phủ vẫn kêu gọi nhân dân góp ý các bản dự thảo Luật, các nước tư bản đều có luật trưng cầu ý dân. Nói như thế để thấy được tầm quan trọng của dư luận xã hội trong đời sống chính trị của đất nước, có ý nghĩa là thước đo bầu không khí chính trị của đất nước.

Một trong những vấn đề chính trị nhức nhối của xã hội hiện đại là tệ nạn tham nhũng. Trong lịch sử nhân loại, độc tài về chính trị bao giờ cũng sinh ra tham nhũng. Trong nền kinh tế thị trường, tình trạng tham nhũng càng trở nên

trầm trọng. Đặc biệt, đối tượng đảng viên tham nhũng trở thành đối tượng nhận nhiều “búa rìu dư luận” nhất, là đối tượng mà dư luận lên án một cách quyết liệt, gay gắt. Dư luận xã hội trong ca dao thời kỳ từ 1975 đến nay đã cố gắng thể hiện một cách chân thực và rõ nét nhất sự chênh lệch giàu nghèo giữa những đảng viên tham nhũng và tầng lớp dân nghèo:

*Công nhân, vợ ôm con cô  
Lãnh đạo nhà gác, xe hơi bộn bề  
Bao giờ cho hết trò hề?*

Hay:

*Nhà ai giàu bằng nhà cán bộ?  
Hộ nào sang bằng hộ đảng viên  
Dân tình thất đảo bát diên  
Đảng viên mặc sức vung tiền vui chơi.*

Nhân danh là “người đầy tớ trung thành của nhân dân”, phục vụ tận tình cho nhân dân nhưng xã hội lại phải chứng kiến một sự đối nghịch đến lố bịch giữa những đảng viên giàu có với tài sản kèch sù trong khi phần đông quần chúng còn đói rách, cơm chưa đủ no, áo chưa đủ mặc, vậy mà, những đảng viên ấy vẫn thản nhiên:

*Ai về qua tỉnh Nam Hà  
Xem lũ đầy tớ xây nhà bê tông  
Tớ ơi, mày có biết không?  
Chúng ông làm chủ mà không bằng mày!*

Tham nhũng đã chứa chấp trong nó rất nhiều vấn đề nghiêm trọng khác mà điển hình là đút lót, hối lộ. Từ chỗ chỉ nhận những thứ quà khiêm nhường, một bữa cơm thịt rượu như là “thù lao” xứng đáng cho công sức bỏ ra:

*Muốn cho điện sáng về nhà*

*Ruột lợn, ruột gà phải nói đến nơi.*

Dần dần hình thức hối lộ cứ giản đơn dần đi nhưng giá trị hối lộ thì nhân lên gấp bội và thủ đoạn của nó là vô lường:

*Phong lan, phong chức, phong bì*

*Trong ba thứ ấy, thứ gì quý hơn?*

*Phong lan ngấm mãi cũng buồn*

*Phong chức thì phải cúi luôn vào ra*

*Chỉ còn cái phong thứ ba*

*Mở ra thơm nức, cả nhà cùng vui*

Dự thảo luật Phòng chống tham nhũng kể từ 20 - 7 - 2007 được đem ra lấy ý kiến nhân dân, nhưng có hai nội dung đã được bãi bỏ (so với lúc thảo luận tại Quốc hội) đó là: *Bỏ quyền thanh tra đột xuất và không buộc cán bộ công chức phải tự chứng minh nguồn gốc tài sản.* Chính điều này đã gây những bức xúc trong dư luận:

*Tin mừng cho các quan tham*

*Bình chân như vại, hoang mang làm gì!*

Hay:

*Đơn suông sếp chẳng ngó ngang*

*Muốn “thôi miên” sếp hãy mang ít quà.*

Đức Linh (TP.HCM)

*Tuổi Trẻ Cười* số 337 ngày 1-8-2007, tr.34

Thế nên:

*Đông tiền đi trước, tiền khôn!*

*Đơn ngoan tới chốn “hậu môn” quan cười!*

Phi Hùng (An Giang)

*Tuổi Trẻ Cười* số 337 ngày 1-8-2007, tr.34

Hay:

*Tới chốn “dâng” đơn thấy phát rầu*

*Quên thói “đầu tiên” nó ách lâu!*

Nguyễn Ngọc Sáng (Vũng Tàu)

*Tuổi Trẻ Cười* số 337 ngày 1-8-2007, tr.34

Hiện tượng tham nhũng xuất hiện ở hình ảnh những thanh tra của Đảng, đến làm việc ở các cơ quan hay địa phương nếu có phong bì trao tay mọi chuyện sẽ “êm thấm” hơn, còn nếu không có, hậu quả có lẽ dân tình là người thấu hiểu hơn hết:

*Thanh “cha”, thanh mẹ, thanh gì?*

*Hễ có phong bì thì nó “thanh kiu” (thank you).*

Dư luận xã hội cũng lên án một bộ phận có chức, có quyền trong xã hội đã tự cho mình được hưởng những quyền lợi đặc biệt. Chính lối sống xa hoa, vương giả ấy đã xác lập một sự đối nghịch rõ nét giữa bộ phận này với đại đa số quần chúng nhân dân. Câu ca dao dưới đây là sự chua chát, bất bình của nhân dân về những thành phần như thế vẫn tồn tại trong xã hội:

*Tôn Đảo là chợ vua, quan*

*Vân Hồ là chợ những gian, nịnh thần*

*Đông Xuân là chợ thương nhân*

*Via hè là chợ “nhân dân anh hùng”.*

Thế mới biết, đồng tiền trong thời buổi kinh tế thị trường có sức mạnh đến thế nào. Dư luận ở đây chính là đông đảo quần chúng nhân dân đã không ngại ngần bày tỏ thái độ của mình đối với vấn nạn tham nhũng của xã hội. Tự do ở một khuôn khổ nhất định đã cho phép người dân được bày tỏ sự bất bình, phê phán, lên án một cách gay gắt đối với những cán bộ đảng viên thiếu trách nhiệm,

thoái hóa biến chất về tư tưởng đạo đức. Tuy nhiên, phần lớn những bài ca dao như thế này cũng chỉ xác định được về mặt thời gian xuất hiện mà rất khó xác định được tác giả của chúng.

Chống tham nhũng, điều này trong bối cảnh xã hội hiện nay của Việt Nam càng thấy rõ, toàn Đảng, toàn dân đều tham gia vào việc chống tham nhũng, tiêu cực một cách quyết liệt. Các vị lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước có trách nhiệm đứng trước nhân dân, trả lời nhân dân về những vấn đề tham nhũng đang gây xôn xao dư luận. Chính điều đó đã thể hiện được đây là vấn đề đáng quan tâm của toàn xã hội và những diễn biến của nó đã đến mức báo động cần sự vào cuộc của toàn xã hội. Điều này cũng cho thấy xã hội đã càng ngày càng xác lập rõ quyền tự do, dân chủ cho nhân dân, nhân dân có quyền được biết, được kiểm soát những hoạt động của Đảng và Nhà nước, được quyền yêu cầu, chất vấn những người được gọi là “người đại biểu của nhân dân” phải tường trình một cách rõ ràng và công khai trước nhân dân về những vấn đề đó.

Ngoài ra, đứng trước tình hình mới của đất nước, khi chúng ta đã chính thức gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) - vận hội để đất nước ta có một diện mạo mới phát triển và thịnh vượng nhưng cũng là thách thức để chúng ta nỗ lực và đổi mới toàn diện. Bởi vậy, một trong những vấn đề được dư luận hết sức quan tâm là vấn đề cải cách hành chính của bộ máy nhà nước có nhanh chóng thay đổi để thích ứng với tình hình mới, hay vẫn bảo thủ và ì ạch trong khâu cải cách thì vô hình chung chúng ta đã bỏ lỡ cơ hội lớn của mình:

Đợi chờ

*Nghị định chờ đợi thông tư*

*Thông tư chỉ thị đợi chờ công văn*

*Công văn chờ đợi ban hành*

*Bộ, Cục, Vụ, Sở, ban ngành... ùn nhau!*

*Dân chờ sai cố đầu đầu  
Giấy hồng số đỏ... nhu cầu thiết thân  
Đợi chờ ngày, tháng, quý, năm...  
Cải cách hành chính, chính hành nhân dân!  
Có nghe chẳng hỏi quý quan?  
Một cửa, một dấu mở nhanh dân... chờ!*

Hoàng Duy (TP.HCM)

*Tuổi Trẻ Cười* số 330, ngày 15-4-2007, tr.3

Thông điệp đó là sự nức lòng của quần chúng nhân dân mong muốn một sự cải cách, đổi mới ở phía chính phủ và nhà nước, để mang lại quyền lợi chính đáng cho nhân dân; đồng thời cũng xóa bỏ những tồn tại, hạn chế để mở đường cho Việt Nam tiến ra đường lớn hội nhập.

### ***3.2. Vấn đề kinh tế dưới góc độ dư luận xã hội trong ca dao hiện đại***

Sở dĩ phải đề cập đến những vấn đề kinh tế bởi đây là một vấn đề hết sức trọng yếu của bất cứ quốc gia nào. Cùng với những vấn đề chính trị, diện mạo của nền kinh tế là sự biểu hiện rõ nhất tình hình phát triển cũng như những biến đổi của đất nước. Sự vận động của nền kinh tế chính là sự cụ thể hóa những đường lối chính trị đã được vạch ra. Do đó, chính trị - kinh tế luôn là những vấn đề được dư luận dành mỗi quan tâm nhiều nhất.

#### ***3.2.1. Thời kỳ 1945 - 1954***

Ngoài vấn đề chính trị, các vấn đề về kinh tế được dư luận quan tâm và thể hiện khá rõ nét trong những bài ca dao thời kỳ chống Pháp:



<b>STT</b>	<b>Vấn đề nổi bật</b>	<b>Tần số xuất hiện (bài)</b>	<b>Tỷ lệ xuất hiện (%)</b>
1.	Thi đua sản xuất, tiết kiệm	81	63,28
2.	Đóng thuế nuôi quân; góp tiền, vàng vào quỹ kháng chiến	34	26,56
3.	Sản xuất nông nghiệp, chống hạn hán, lũ lụt	11	8,59
4.	Tiền lành, tiền rách	2	1,56
<b>Tổng cộng</b>		<b>128</b>	<b>100</b>

Một trong những vấn đề được phản ánh rất nhiều trong các sáng tác thời kỳ này là thi đua sản xuất, tiết kiệm. Với số lượng 81 trên tổng số 128 bài ca dao, chúng tôi hoàn toàn có thể khẳng định đây là một trong số những vấn đề kinh tế thu hút sự quan tâm lớn nhất của dư luận lúc bấy giờ.

Ca dao đã phản ánh trung thành, chân thực tình hình đất nước với sự phân công tương đối rạch ròi nhiệm vụ của hai mặt trận: tiền tuyến: đánh giặc, hậu phương: thi đua sản xuất, phục vụ tiền tuyến:

*Nghe lời Bác dạy thi đua  
Thử xem ai được, ai thua phen này  
Chàng đi ra trận đánh Tây  
Ruộng để em cày, thóc lúa em gieo  
Nghèo thì em biết phận nghèo  
Nắng sớm mưa chiều, em chẳng quản công  
Sao cho lúa tốt đầy đồng*

*Bộ đội no lòng yên chí xông pha...  
Con thơ cùng với mẹ già  
Chàng cứ tin chắc ở nhà có em  
Chàng ơi, hãy gắng sức thêm  
Vững tay giết giặc, lập nên công đầu  
Vợ chồng ta đọ với nhau  
Xem ai giết được giải đầu thi đua.*

Thi đua sản xuất mục đích cuối cùng là phục vụ cho công tác tiếp vận, cung ứng lương thực ra tiền tuyến. Cả tiền tuyến và hậu phương mỗi mặt trận một nhiệm vụ đều hướng tới sự nghiệp lớn lao, vĩ đại của đất nước là diệt Tây:

*Đập đất xong làm đòng đở ải  
Gặt mùa rồi làm mạ vụ chiêm  
Thì thùm tát nước thâu đêm  
Nước bạc, đất mềm, cây mạ xanh xanh  
Đồng lúa xanh nhờ anh bộ đội  
Nhớ anh nhiều, em phải gắng công  
Ngày mai lúa chín đầy đòng  
Quân dân no ấm, nức lòng diệt Tây.*

Có thể nói, lời kêu gọi của Bác đã khơi dậy trong mỗi người dân ý thức hăng hái tham gia lao động sản xuất, thi đua lập thành tích, cũng là một phần đóng góp không nhỏ cho sự nghiệp cứu nước vĩ đại của dân tộc. Dư luận về sự nghiệp quan trọng của thời kỳ này đã được phản ánh thật rõ nét trong các bài ca dao, đó là thái độ tán đồng với một nhiệm vụ quan trọng và cao cả của đất nước.

A.K.Ulêdôp trong cuốn *Dư luận xã hội và công tác tuyên truyền* đã khẳng định "...dư luận xã hội (cũng như mọi dư luận chung khác) biểu thị thái độ của

mọi người đối với các hiện tượng của thực tế xã hội. Trong trạng thái ý thức xã hội đó, các thành phần trí tuệ, cảm xúc và ý chí kết hợp với nhau thành một khối, nó biểu hiện như một chỉnh thể, dư luận được thể hiện dưới hình thức tán thành hoặc không tán thành các hành vi và biểu hiện của con người. Tất cả những điều đó khẳng định rằng dư luận xã hội là một trong số các trạng thái ý thức xã hội, trong nó các quan điểm tư tưởng, các thiên kiến, các cảm tưởng xã hội, các khuynh hướng ý chí của các cộng đồng xã hội hòa lẫn với nhau thành một khối thống nhất”.

*Nghe lời Bác dạy thì no  
Đừng để đất nghỉ đừng cho máy ngừng  
Đừng để ao cá vắng tăm  
Chuồng gà vắng trống, ruộng tằm vắng tơ  
Rối rãi mà đi phát phơ  
Mất công, phí sức, thờ ơ việc nhà.  
Rối rãi mà đi tăng gia  
Trông lên tia xuống, đồng ra đồng vào  
Bỏ công trong việc cuộc cào  
Khác gì xẻ đất mà đào của lên  
Đồng bào, bộ đội, đôi bên  
Thi đua sản xuất au bền hơn ai?*

Thanh Tịnh

Trong bài ca dao, chúng ta nhận thấy một chỉnh thể thống nhất của các thành phần trí tuệ, cảm xúc, ý chí. Thái độ của quần chúng xã hội không chỉ dừng lại ở sự tán đồng với việc tăng gia sản xuất mà đã được nâng lên trở thành một sự ý thức sâu sắc về thành quả của lao động “khác gì xẻ đất mà đào của lên”. Như vậy để thấy “dư luận nảy sinh theo các vấn đề cấp bách có ý nghĩa xã hội trong

hoạt động sống của mọi người. Dư luận xã hội chạm đến các quyền lợi của mọi người, nó được hình thành trên cơ sở của các quyền lợi chung ấy” (A.K.Ulêdôp).

Thi đua sản xuất, tiết kiệm là một vấn đề mang ý nghĩa xã hội quan trọng trong đời sống của nhân dân thời kỳ kháng chiến chống Pháp, hơn thế nó đã chạm đến các quyền lợi chung của quần chúng. Lao động sản xuất không chỉ là thực hiện theo lời kêu gọi của Bác Hồ, là nghĩa vụ mà đất nước giao phó cho nhân dân mà nó đã trở thành quyền lợi của mỗi người dân để hướng tới một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Những tấm gương về lao động, sản xuất giỏi, tiết kiệm trong sản xuất được dư luận xã hội trong các bài ca dao này thể hiện hết sức rõ nét. Thái độ bao trùm vẫn là sự ngợi ca, đề cao:

*Em là con gái Ý Yên  
Tăng gia sản xuất, em chuyên trồng màu  
Trồng rừng, trồng lạc, ép dầu  
Trồng bông, kéo sợi, trồng dâu, nuôi tằm  
Ngày đêm em bón em chăm  
Chăn nuôi em cũng góp phần thi đua  
Nuôi trâu, nuôi lợn, nuôi bò  
Chăm sao lợn béo, trâu to mới là  
Nuôi thêm ngan ngỗng, vịt gà  
Cố sao vượt mức mới là người ngoan.*

Hay một tấm gương đề cao tiết kiệm trong sản xuất:

*Tôi là thư ký văn phòng  
Noi gương anh Khảm, một lòng thi đua  
Thì giờ chẳng chút để thừa  
Nguyên liệu tiết kiệm từng tờ các-bon  
Ngòi bút viết đã khá mòn*

*Mài qua dờng lại vẫn còn tốt ghê  
Công văn tài liệu đi về  
Giấy tờ sổ sách chẳng hề lung tung  
Phong bì tuy cũ còn dùng  
Phòng gian bảo mật tôi không lơ là  
Chống bệnh quan liêu, giấy tờ  
Tập trung tư tưởng trong giờ chuyên môn  
Sinh hoạt giữ vững thường xuyên  
Tìm ra khuyết điểm tôi liền sửa ngay  
Quyết tâm làm việc hàng ngày  
Nhất định phen này năng suất còn tăng.*

N. Tùng

Ngoài vấn đề thi đua sản xuất và đề cao tiết kiệm trong sản xuất thì các vấn đề như đóng thuế nuôi quân; góp tiền, vàng vào quỹ kháng chiến hay những vấn đề trong sản xuất nông nghiệp như chống hạn hán, lũ lụt... và vấn đề liên quan đến tiền lương, tiền rách đều thu hút sự quan tâm của dư luận, dù những vấn đề này tần số xuất hiện trong các bài ca dao không nhiều. Nhưng đó đều là những vấn đề tiêu biểu của thời đại. Thái độ của quần chúng trước những vấn đề đó là sự đồng tình, ủng hộ, một sự đánh giá đúng mực, tích cực. Điều này phù hợp với xu thế và tinh thần chung của thời đại khi mà toàn trí, toàn lực của đất nước đã tập trung cho cuộc kháng chiến bền bỉ của dân tộc.

### **3.2.2. Thời kỳ 1954 - 1975**

Bảng thống kê những vấn đề kinh tế nổi bật nhận được sự quan tâm của dư luận thời kỳ 1954 – 1975:

<b>STT</b>	<b>Vấn đề nổi bật</b>	<b>Tần số xuất hiện (bài)</b>	<b>Tỷ lệ xuất hiện (%)</b>
1.	Thi đua sản xuất, xây dựng hợp tác xã	966	78,03
2.	Công tác nông nghiệp (chống hạn hán, lũ lụt, vận động công tác lương thực, khai hoang, trồng cây công nghiệp...)	272	21,97
<b>Tổng cộng</b>		<b>1238</b>	<b>100</b>

Đáp ứng với tình hình chung của đất nước khi miền Bắc đã giải phóng nhưng miền Nam vẫn trong cuộc đấu tranh cam go, quyết liệt thì những hoạt động kinh tế mà Đảng và Nhà nước ta xây dựng trong thời kỳ này đều đi theo định hướng phù hợp với tình thế hiện thời của đất nước. Dư luận xã hội trong ca dao thời kỳ chống Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội đã tập trung phản ánh những vấn đề kinh tế nổi bật lúc bấy giờ như vấn đề thi đua sản xuất, xây dựng hợp tác xã lớn mạnh; vấn đề sản xuất nông nghiệp. Những vấn đề này trong thời kỳ này đặc biệt được coi trọng, trên nền tảng Việt Nam là một nước nông nghiệp giàu truyền thống, giờ đây những vấn đề liên quan đến hoạt động nông nghiệp được đẩy lên thành nhiệm vụ kinh tế trọng tâm để phục vụ cho chủ trương xây dựng miền Bắc và hỗ trợ đặc lực cho miền Nam.

Theo số liệu thống kê, với 966 bài ca dao về vấn đề thi đua sản xuất, xây dựng hợp tác xã cho thấy đây là vấn đề rất đáng được quan tâm, nó không chỉ gắn liền với quyền lợi của quần chúng nhân dân mà còn liên quan trực tiếp tới những nhu cầu và đòi hỏi thiết yếu của đất nước trong tình hình hiện tại.

Dư luận trong những bài ca dao này đều thể hiện chung một thái độ đồng tình hưởng ứng với chủ trương lớn của nhà nước. Tích cực tham gia hợp tác xã trở thành lời kêu gọi, vận động, khuyến khích quần chúng nhân dân tham gia.

Đã đi

*Ta vào hợp tác làm chung  
Như nước một dòng như bát một mâm  
Chớ điều ích kỷ, tư tâm  
Chẻ đôi sợi tóc, cưa năm hạt vừng  
Đã đi thì quyết đến cùng  
Vượt sông quên nhọc, băng rừng quên gai  
Đồng trong cho chí bãi ngoài  
Nam, bắc, đông, đoài, có bạn có tôi  
Khỏi lo trâu nợ nhạt voi  
Khỏi phiền việc trẽ com ôi bữa nào  
Gái ngoan chồng dễ phụ sao,  
Đừng lòng suy tị nay vào, mai ra.*

Nguyễn Hồ

Tham gia hợp tác xã mang lại lợi ích thiết thực cho mỗi người dân, vì thế không có lý do gì để không tham gia vào hợp tác xã, vừa mang lại lợi ích cho bản thân, gia đình vừa mang lại lợi ích cho tập thể, cho đất nước:

*Trâu buồn than thở cùng ông  
Trâu buồn than thở cùng ông*

*Người ta vào tổ đỏi công cả rồi,  
Sao ông cứ bắt mình tôi  
Kéo cày riêng rẽ biết đời nào xong  
Ông ơi vào tổ đỏi công  
Việc nhà đã gọn, việc đồng lại nhanh.*

Vũ Trọng Thế

Dư luận tỏ ra hết sức ủng hộ với hình thức lao động hợp tác xã với ý nghĩa là một tập thể cùng chung sức, chung lòng, san sẻ công việc cho nhau với tinh thần cùng làm cùng hưởng; đề cao sự hợp tác, tương trợ lẫn nhau. Với ý nghĩa như thế, mục đích của lao động hợp tác xã là mang lại sự bình đẳng, công bằng cho mọi người, khuyến khích, động viên mọi người hăng hái, tích cực tham gia lao động sản xuất để làm giàu cho bản thân, cho tập thể và cho đất nước:

*Như trăm lạch nước  
Mỗi người một kẻ đưa ra  
Như góp viên gạch xây nhà gác cao  
Mỗi người một kẻ hiến vào  
Như trăm lạch nước chảy trào dòng sông  
Có trăm hạt thóc nên bông  
Trăm người trăm kẻ ta không sợ nghèo.*

Hồ Minh Hà

Trước tiếng gọi của miền Nam luôn luôn cần sự hỗ trợ từ miền Bắc thì phong trào thi đua sản xuất rộ lên như một nhiệm vụ hàng đầu trong hoạt động kinh tế ở miền Bắc. Dư luận bày tỏ sự đề cao, ca ngợi những con người ở nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau: mở đường, lái xe, anh chiến sĩ giao thông, cô gái thông kê, đánh cá, cô hàng than, thợ xây, anh cấp dưỡng, giáo viên,... tất cả



đều cố gắng hoàn thành xuất sắc công việc của mình như một phần đóng góp có ý nghĩa cho sự nghiệp lớn lao của đất nước.

Đặc biệt, dư luận xã hội quan tâm nhiều đến hoạt động sản xuất nông nghiệp ở nông thôn, nơi cung cấp lương thực chủ yếu tiếp vận cho miền Nam. Những người phụ nữ nông thôn là đối tượng mà dư luận bày tỏ nhiều sự quan tâm, ưu ái hơn cả bởi đây là những người đóng vai trò chủ đạo trên mặt trận hậu phương, nhận về mình phần trách nhiệm “thay người đi xa”:

Gái đảm quê ta

*Nắng như đổ lửa xuống đồng  
Mây đi trốn, gió cũng không dám về  
Đàn chim ẩn giữa bờ tre  
Nhìn năm cô gái ven đê cấy mùa  
Đồng không mở hội phát cờ  
Mà vui sao những câu hò hát vang  
Mặc trời bốn phía nắng rang  
Năm cô cấy giữa năm hàng giấy chằng  
Đều hàng dọc, thẳng hàng ngang  
Bàn tay còn khéo hơn đan áo chồng  
Đan áo chồng gửi mong gửi nhớ  
Cây lúa ta giành vụ mùa chung  
Nặng lòng Nam Bắc, non sông  
Mỗi cây biết mấy ước mong của mình  
Lúa ta, lúa nghĩa lúa tình  
Hạt dành ngày tới, hạt dành nơi xa  
Hạt vì nước, hạt vì nhà  
Hạt vào tiền tuyến, hạt ra công trường*

*Lúa ta chín nhớ, mùi thơm  
Lúa ta một nắng hai sương dài dàu  
Ngại gì mỗi gói lưng đau  
Lúa ta như đũa con đầu lòng ta  
Năm cô gái đảm quê nhà  
Từ đôi tay đẹp tỏa ra muôn màu  
Đàn chim riu rít rủ nhau  
Hót mừng người dưới ruộng sâu cấy mùa.*

Nguyễn Thị Thu Vui

Không chỉ hăng hái thi đua trong lĩnh vực nông nghiệp, hoạt động thi đua sản xuất, xây dựng hợp tác xã còn được dư luận xã hội đề cập tới ở lĩnh vực công nghiệp. Hình ảnh những người thợ ở nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau đã được các tác giả đưa vào ca dao thật sinh động. Đó là người thợ điện “...Kéo dây từ đất Việt Trì/ Kéo quanh Vĩnh Phúc, kéo về Đông Anh/ Đường dây tôi vượt đồng xanh/ Cho mai dòng điện bay quanh lưng trời” (Kéo đường dây – Nguyễn Ngọc Khoa). Đó là cô thợ chõ đá “... Em là con gái Thủy Nguyên/ Đêm vui chõ đá em quên nhọc nhằn” (Chõ đá dưới trăng – Nguyễn Ngọc Khoa).

Cô thợ trẻ bên máy bào:

*... Rào rào phoi tím phoi xanh  
Phoi rơi xoắn tít vây quanh lấy người  
Vệ tinh quay tít trên trời  
Trục máy quay tít sáng ngời mắt cô  
Có chàng ra ngẩn vào ngơ  
Muốn vào bắt chuyện, biết chờ khi nào.*

*Biết chờ khi nào – Lê Ái Mỹ*

Đó là hình ảnh người thợ dệt tận tình, đầy trách nhiệm với công việc:

Sửa lành mặt vải

*Miệt mài tay suốt, tay thoi*

*Mãi làm quên cả mồ hôi ướt mình*

*Tan tâm liếc mắt nhìn quanh*

*Máy còn sợi đứt không đành bước ra*

*Chậm dăm bảy phút về nhà*

*Sửa lành mặt vải cho “ca” sau vào.*

Việt Quyên

Hình ảnh người công nhân trong lao động sản xuất đã mở ra một hình tượng mới, đẹp đẽ trong ca dao hiện đại. Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 hình tượng này đã được xuất hiện nhưng đến thời kỳ miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội thì hình tượng này mới thực sự phát triển. Đây là sự manh nha về một lý tưởng thẩm mỹ mới. “Trong lý tưởng thẩm mỹ này, có sự gắn bó giữa quan niệm về cái đẹp của con người với tinh thần đấu tranh anh dũng chống áp bức bóc lột, với ước mơ về xã hội tương lai trong đó người lao động sẽ được tự do phát triển những khả năng sáng tạo tiềm tàng của mình, sẽ được tự do phát huy những vẻ đẹp tâm hồn và thể chất đã được hình thành trải qua mấy nghìn năm lịch sử”<sup>4</sup>.

Lao động sản xuất trở thành niềm say mê, hăng hái đối với mỗi con người xã hội chủ nghĩa. Công việc trong con mắt của họ không đơn thuần chỉ là một hoạt động lao động hàng ngày, không còn là nhiệm vụ mà họ phải hoàn thành mà

---

<sup>4</sup> Đinh Gia Khánh (chủ biên), Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn, *Văn học dân gian Việt Nam* (tái bản lần thứ năm), NXB Giáo dục, tr.479

đã trở thành một niềm hứng khởi, say mê. Họ đã dồn vào đó tất cả sự nhiệt tình, trách nhiệm của mình. Chung mà riêng, riêng mà chung, đó là mặt tích cực của hoạt động lao động hợp tác xã mà dư luận xã hội muốn nhấn mạnh và đề cao.

Gắn liền với thi đua sản xuất, xây dựng hợp tác xã thì dư luận trong ca dao thời kỳ này cũng hết sức chú trọng đến các hoạt động trong nông nghiệp như công tác lương thực, công tác thủy lợi, đào mương chống hạn, đắp đê ngăn lũ, khai hoang trồng trọt, sản xuất... bởi đây là những hoạt động có tác động trực tiếp đến phong trào thi đua sản xuất. Thực hiện tốt các công tác trong nông nghiệp cũng có nghĩa là quần chúng nhân dân đã đẩy mạnh được hoạt động thi đua sản xuất ở lĩnh vực nông nghiệp.

Phòng và chống hạn hán, lũ lụt là một trong những công tác trọng tâm của hoạt động nông nghiệp, bởi thế không phải ngẫu nhiên mà trong hàng trăm bài ca dao về vấn đề nông nghiệp, nội dung này được trở đi trở lại rất nhiều lần. Dư luận đặc biệt đề cao tầm quan trọng cũng như ra sức vận động, tuyên truyền để nhân dân chú trọng đến công tác này.

*Nắng lâu khô cả ruộng đồng  
Toàn dân chống hạn, một lòng thi đua  
Rủ nhau đắp đập, be bờ  
Đào mương, tát nước, cho mùa tốt tươi  
Đừng nên trông đợi ở trời  
Hãy tin vào sức con người lớn lao.*

Hay:

*Giữ đê  
Ì ùng súng nổ đàng đông  
Mưa trút xuống đồng, nước ngập bờ đê*

*Cả làng lấm bết lấm bê  
Quần nhau với sóng giữ đê yên lành  
Tay chuyền tay xúc nhanh nhanh  
Đê lên trước nước, nước đành chịu thua  
Cụ già giữa mặt trông mưa:  
Miệng cười móm mém: Biết chưa ông trời.*

Dương Huy

Con người đã làm được một việc lớn lao là thay trời làm mưa mang nước đến cho ruộng đồng, lại làm được việc chung sức ngăn lũ quyết giữ vững đê.

Đọc những bài ca dao về vấn đề kinh tế ở thời kỳ 1954 - 1975 chúng ta thấy tràn trề một tinh thần lao động sản xuất hăng hái, say mê. Không chỉ ngợi ca, đề cao, dư luận xã hội có vai trò tuyên truyền, cổ động tích cực như một động lực thúc đẩy tinh thần thi đua sản xuất thêm hăng say.

### **3.2.3. Thời kỳ 1975 đến nay**

Bảng thống kê những vấn đề kinh tế nổi bật được dư luận quan tâm thời kỳ 1975 đến nay:

<b>STT</b>	<b>Vấn đề nổi bật</b>	<b>Tần số xuất hiện (bài)</b>	<b>Tỷ lệ xuất hiện (%)</b>
1.	Thi đua sản xuất nông nghiệp	18	54,55
2.	Kinh tế lạm phát	7	21,21
3.	Lao động hợp tác xã	5	15,15
4.	Chế độ bao cấp	2	6,06

5.	Hội nhập kinh tế	1	3,03
<b>Tổng cộng</b>		<b>33</b>	<b>100</b>

Theo số liệu thống kê chúng tôi nhận thấy vấn đề về thi đua sản xuất nông nghiệp vẫn chiếm tần số lớn nhất. Điều này phù hợp với tình hình của đất nước những năm đầu tiên hành đổi mới. Tuy nhiên, dễ nhận thấy là nội dung của những bài ca dao được in ấn và những bài ca dao chúng tôi tìm kiếm được từ nguồn Internet rất khác biệt. Dư luận xã hội phản ánh trong những tác phẩm được in ấn chính thống thiên về sự đề cao, khích lệ, động viên tinh thần lao động tập thể. Trong khi đó, ở nguồn tư liệu chúng tôi tìm kiếm và thực hiện khảo sát qua Internet thì dư luận xã hội lại nghiêng về những vấn đề tiêu cực, những mặt trái của xã hội và thái độ chung là sự thiếu đồng tình. Tuy vậy, không thể phủ nhận là những bài ca dao thu thập từ nguồn Internet mang tính phê bình và tự phê bình rất cao. Do vậy, ở đây chúng tôi sẽ chú trọng nghiên cứu những bài ca dao mà nội dung của chúng hướng tới vấn đề nổi cộm của xã hội, đặc biệt là trong những năm gần đây.

Chúng ta đều biết từ năm 1975 đất nước thống nhất đã mở ra một trang sách mới cho đất nước. Từ đây, diện mạo của nền kinh tế có nhiều chuyển biến, mang dáng dấp của một nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển. Trong suốt mấy chục năm qua, cùng với những nỗ lực đáng kể, kinh tế Việt Nam đã có những bước nhảy vọt, được thế giới từng bước nhìn nhận và đánh giá cao. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển đi lên ấy không phải chúng ta không có những sai lầm và chính những sai lầm đã khiến nền kinh tế của chúng ta có những giai đoạn lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng. Hơn nữa, cùng với sự phát triển như vũ bão của nền kinh tế thị trường thì nhiều vấn đề nghiêm trọng về kinh tế cũng đã phát sinh. Nhìn lại từ những bước đi đầu tiên của nền kinh tế ngay sau

ngày giải phóng miền Nam, những năm tháng dưới chế độ bao cấp là thời kỳ chật vật nhất đối với đất nước. Ở chế độ này, mỗi người dân được phát tem phiếu để mua hàng nhu yếu phẩm tại các cửa hàng mậu dịch mà trong thời kỳ ấy nhu yếu phẩm cực kỳ khan hiếm, luôn trong tình trạng khi có, khi không. Cùng với đó, giá cả tăng khủng khiếp, lạm phát trở thành “siêu phi mã”. Đời sống của nhân dân vô cùng bấp bênh, túng thiếu. Trong bữa cơm của mỗi gia đình, rau muống trở thành thức ăn chính, bởi vậy mới có câu:

*Lương chồng, lương vợ, lương con  
Đi ba buổi chợ chỉ còn lương tâm  
Lương tâm đem chặt ra hằm  
Với rau muống luộc khen thơm là ngon.*

Không có đủ gạo để ăn, nhân dân phải ăn sắn thay cơm. Cơm độn là hình ảnh quen thuộc trong bữa cơm của hầu hết các gia đình Việt Nam lúc bấy giờ:

*Ai sinh ra cái củ mì  
Hỏi: Để làm gì? Đáp: Để mà ăn!  
Nước nhà mãi mãi khó khăn  
Dân mình mãi mãi phải ăn củ mì.*

Liên Xô và các nước Đông Âu sau đó đã viện trợ cho Việt Nam hạt bo bo để thay thế cho nguồn lương thực là khoai sắn đã cạn kiệt. Thời kỳ sau đó, người dân phải ăn bo bo thay cơm, thứ hạt dẫu có nhai kỹ, ninh kỹ thì bao tử con người cũng không thể tiêu hóa được. Bo bo chỉ giải quyết được một vấn đề duy nhất là lấp đầy cái bụng rỗng.

Nền kinh tế Việt Nam những năm đầu giải phóng đã rơi vào tình trạng kiệt quệ và bộc lộ nhiều điểm hạn chế không còn phù hợp với tình hình mới. Chuyện

hợp tác xã thời kỳ này vẫn còn là câu chuyện dài với những cảnh dở khóc dở cười. Nếu như ở thời kỳ 1954 - 1975, nền kinh tế đẩy mạnh lao động sản xuất hợp tác xã giải quyết vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh miền Bắc vừa giải phóng và cần tiếp viện, chu cấp cho miền Nam đang chiến đấu; tuy nhiên bước sang những thập kỷ cuối của thế kỷ XX, chúng ta vẫn duy trì hình thức làm ăn tập thể với những khuôn mẫu, công thức áp đặt và kìm hãm sự phát triển thì đâu còn phù hợp nữa. Một số phong trào thi đua, lao động sản xuất trong hợp tác xã trở thành vô nghĩa, thiếu thiết thực đối với cuộc sống của quần chúng nhân dân. Ví như phong trào trồng cây lấy điềm; cứ trồng năm cây thì được một điềm đủ để đổi lấy một lạng thóc. Nhưng tình cảnh chung trong lao động hợp tác xã lúc bấy giờ là “cha chung không ai khóc”; các cụ già được xung vào đội trồng cây của hợp tác xã tuổi cao, sức yếu, lại thiếu kỹ thuật trồng trọt và nhiệt tình chăm bón cho nên cây chỉ trồng một tuần sau là héo úa:

*Hoan hô các cụ trồng cây  
Mười cây chết chín, một cây gặt gù  
- Các cháu có mắt như mù  
Mười cây chết tiệt, gặt gù ở đâu?*

Một bài ca dao khôi hài, châm biếm nhưng cái ý nghĩa mà nó hướng đến lại là một tình cảnh đáng xót xa của kinh tế, xã hội Việt Nam trước đổi mới. Dư luận xã hội lúc này đã lên tiếng phản đối trước chế độ hợp tác xã không còn phù hợp với tình hình của thời cuộc và xu thế phát triển tất yếu của đất nước. Sự bất công trong lao động đã bộc lộ những điểm yếu kém của nền kinh tế càng ngày càng kìm hãm và làm nó trở nên trì trệ và tụt lùi. Cái cảnh thi đua sản xuất mà một người dân làm việc bằng hai, bằng ba vẫn nghèo khó, túng thiếu, trong khi các cán bộ vẫn sống an nhàn, sung túc quả là cảnh bất công đáng lên án:

*Thi đua làm việc bằng hai*



*Để cho cán bộ mua đài mua xe  
Thi đua làm việc bằng ba  
Để cho cán bộ xây nhà lát sân.*

Nhiều người dân hoài nghi về chủ trương cứ thúc đẩy thi đua mà không nhìn thấy hình hài của con đường phía trước ra sao:

*Thi đua ta quyết tiến lên  
Tiến lên ta quyết tiến lên hàng đầu  
Hàng đầu... rồi... tiến... về... đâu?*

Những vấn đề hạn chế và tiêu cực của nền kinh tế trong bối cảnh đó đã đặt ra đòi hỏi bức thiết cần đổi mới toàn diện đất nước. Sau đại hội VI của Đảng năm 1986, nước ta đã xóa bỏ chế độ bao cấp và chấp nhận nền kinh tế nhiều thành phần, từ đây mở ra nhiều điều kiện thuận lợi cho kinh tế phát triển và đời sống của quần chúng nhân dân đã nhiều bước được cải thiện. Tuy nhiên, những thách thức trước mắt còn rất nhiều và đòi hỏi sự nỗ lực của toàn đảng, toàn dân.

Năm 2007, chúng ta gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) nhưng sau một năm trở thành thành viên của tổ chức này, sự biến chuyển có lợi cho đất nước vẫn chưa có gì đáng kể; những bước chuyển mình để hòa nhập được với thế giới còn chậm trễ. Bởi vậy, dư luận xã hội mới lên tiếng:

*Đường vào Vêkép-Tê-Ô  
Trang bị kiểu đó nó xô ra ngoài.*

Lương Thanh Tâm (Khánh Hòa)

*Tuổi Trẻ Cười* số 335, ngày 1-7-2007, tr.34

Vận hội mới đã mở ra nhưng chúng ta vẫn duy trì cung cách sản xuất nhỏ lẻ, thủ tục rườm rà, pháp lý ấu trĩ thì thử hỏi với hành trang ấy sao chúng ta có thể hòa nhập để vươn xa cùng thế giới?

### **3.3. Vấn đề văn hóa - xã hội dưới góc độ dư luận xã hội trong ca dao hiện đại**

Cùng với các vấn đề chính trị và kinh tế, dư luận xã hội trong ca dao hiện đại cũng dành sự ưu ái cho những vấn đề văn hóa - xã hội như một sự trọn vẹn cho toàn bộ diện mạo của đất nước Việt Nam, xã hội Việt Nam trong suốt những năm tháng từ chiến tranh cho đến hiện nay.

#### **3.3.1. Thời kỳ 1945 – 1954**

Bảng thống kê những vấn đề văn hóa - xã hội nổi bật trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp 1945 - 1954:

<b>STT</b>	<b>Vấn đề nổi bật</b>	<b>Tần số xuất hiện (bài)</b>	<b>Tỷ lệ xuất hiện (%)</b>
1.	Quân dân tinh cá nước	45	56,25
2.	Bình dân học vụ, diệt giặc dốt	30	37,5
3.	Phê phán sự lười biếng, thiếu tinh thần thi đua	3	3,75
4.	Kêu gọi đoàn kết lương giáo	1	1,25
5.	Giúp đỡ đồng bào tản cư	1	1,25
<b>Tổng cộng</b>		<b>80</b>	<b>100</b>

Qua số liệu thống kê chúng tôi nhận thấy vấn đề được dư luận xã hội đề cập tới nhiều nhất trong ca dao thời kỳ này là mối quan hệ quân dân sâu nặng như cá với nước. Có thể nói đây là hai lực lượng tiêu biểu trong thời kỳ lúc bấy giờ

đóng góp quan trọng vào sự nghiệp chung của đất nước, quân là lực lượng nòng cốt của chiến trường, chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc và dân là lực lượng chủ đạo của mặt trận hậu phương, hăng hái thi đua sản xuất phục vụ cho tiền tuyến. Bởi thế, hai lực lượng này, hai mặt trận này không thể không gắn bó khăng khít với nhau:

*Ngọt nào bằng mía Hưng Công  
Đậm đà nào sánh tấm lòng quân dân  
Con đi đánh giặc xa gần  
Mẹ già thương một, lòng dân thương mười  
Sẵn sàng gánh nặng ghé vai  
Đò quen gọi giúp, đường đôi chỉ giùm  
Miếng trầu, bát nước, lời thân  
Tuy rằng của ít, tình thân lại nhiều.*

Những bài ca dao chan chứa tình cảm thiết tha, sâu nặng tình đồng bào, đồng chí. Thứ tình cảm non nước thiêng liêng đã hòa quyện những tấm lòng, làm xích lại gần nhau những con người xa lạ cũng trở nên gần gũi, thân thiết như máu mủ, ruột rà:

*Hội “mẹ chiến sĩ” lập ra  
Có bà lắm cháu, có bà đông con  
Có bà góa bụa héo hon  
Lấy con Chính phủ làm con của mình  
Tháng ngày góp nhặt từng chinh  
Gửi ra mặt trận chút tình mẹ con.*

Hồng Chương

Sau vấn đề dân quân tình cá nước, bình dân học vụ - một vấn đề về giáo dục - cũng phản ánh rất rõ nét quan điểm của dư luận xã hội. Vấn đề bình dân

học vụ với mục đích diệt giặc dốt không nằm ngoài mục tiêu chung của toàn dân tộc là hướng tới sự nghiệp chống Mỹ cứu nước. Với ý nghĩa là một vấn đề văn hóa - xã hội nổi bật trong đời sống, vấn đề này đã đi vào ca dao và trở thành vấn đề nhận được sự quan tâm nhiều hơn cả của dư luận. Ca dao thời kỳ kháng chiến chống Pháp đã vẽ ra khung cảnh quen thuộc ở các làng quê Việt Nam, những gia đình Việt Nam thực hiện theo lời kêu gọi của Đảng, của Bác Hồ học lấy cái chữ để diệt giặc dốt, mang lại cho mình cuộc sống tốt đẹp hơn:

- *Cha cày, mẹ cấy, con bừa  
Nàng dâu dệt lụa, vợ tơ chẵn tầm  
Ngày thời chăm việc làm ăn  
Đêm đêm tới lớp bình dân học hành*

- *Này bác, này mẹ, này cha  
Này là em ruột này là em dâu  
“I tờ” chấp tiếng, chấp câu  
Quanh đèn xúm xít bảo nhau học bài.*

Đáp ứng một chủ trương lớn của đất nước, dư luận của quần chúng trong những bài ca dao này thể hiện rất rõ rệt sự đồng tình, ủng hộ với ý nghĩa và mục đích lớn lao mà chủ trương này mang lại.

Biết chữ, có học, có hành trở thành niềm tự hào để kiêu hãnh, để “đua chen với người”:

*Lớp bình dân mở không xa  
Cách một lối rẽ, cách ba dặm trâu  
Đàng trước nương dâu  
Đàng sau ruộng mạ  
Ta gắng học quốc ngữ cho thông*

*Kẻo mà hổ thẹn cùng chồng, ơi chị em ơi!*

Hay:

*Con gà tốt mã vì lông  
Răng đen vì thuốc, rượu nồng vì men  
Ở đời muốn được chữ khen  
“I tờ” học tập đua chen với người.*

Học hành để biết chữ giờ đây trở thành quyền lợi, là bổn phận của mỗi người không phân biệt gái trai:

*Con mèo, con chó có lông  
Cây tre có mắt, sanh đồng có quai  
Học hành bổn phận gái trai  
Thanh niên mà dốt ai ai cũng cười.*

Bày tỏ thái độ đồng tình, ủng hộ với chủ trương lớn của chính phủ, dư luận xã hội cũng bộc lộ rõ thái độ phê phán đối với những người chưa biết chữ, chưa hưởng ứng với phong trào của đất nước. Những bài ca dao mang giọng điệu châm biếm khi chua cay, khi xót xa là thái độ của quần chúng với những cảnh dở khóc dở cười, vì không biết chữ mà phải “bẽ bàng”:

*Chồng em coi bộ tinh nhanh  
Trưởng là chồng cũng học hành giỏi giang  
Hôm khai giá thú giữa làng  
Thấy chồng điếm chỉ, bẽ bàng lắm thay!*

Hay:

*Người ta đi chợ thì vui  
Tôi đây đi chợ những chui cùng luôn  
Còn trời, còn nước, còn non*

*Còn không biết chữ thì còn phải chui.*

Trong tổng số 30 bài về vấn đề bình dân học vụ có 9 bài mang nội dung mỉa mai châm biếm chiếm 30%. Số lượng những bài ca dao loại này tuy chỉ chiếm khoảng 1/3 nhưng đủ để thấy quần chúng nhân dân có thái độ hết sức quyết liệt với những kẻ không hưởng ứng theo lời kêu gọi học hành để biết chữ, chưa nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của việc cải cách dân trí để giải phóng cho mình khỏi cuộc sống dốt nát, tăm tối và hướng đến một cuộc sống tốt đẹp hơn.

### **3.3.2. Thời kỳ 1954 – 1975**

Bảng thống kê những vấn đề văn hóa - xã hội nổi bật dưới góc độ dư luận xã hội:

<b>STT</b>	<b>Vấn đề nổi bật</b>	<b>Tần số xuất hiện (bài)</b>	<b>Tỷ lệ xuất hiện (%)</b>
1.	Ca ngợi phụ nữ hậu phương đảm đang, chung thủy	78	18,62
2.	Đề cao tinh thần tập thể, phê phán thói lười biếng, tác trách trong lao động	70	16,71
3.	Hôn nhân và gia đình	67	15,99
4.	Đề cao liêm chính, cần kiệm, chống tham ô lãng phí	62	14,80
5.	Chống tệ hội hợp nhiều	61	14,56

6.	Ca ngợi quê hương đẹp giàu	47	11,22
7.	Quan niệm lạc hậu, mê tín dị đoan	28	6,68
8.	Tình quân dân	3	0,72
9.	Thương binh tàn nhưng không phế	2	0,48
10.	Bình dân học vụ	1	0,24
<b>Tổng cộng</b>		<b>419</b>	<b>100</b>

Chiếm tần số xuất hiện lớn nhất trong bảng thống kê là vấn đề phụ nữ hậu phương đảm đang, chung thủy. Đây là vấn đề thu hút sự quan tâm lớn nhất của dư luận trong thời kỳ chống Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Điều này một lần nữa khẳng định vị trí đặc biệt của người phụ nữ trong thời kỳ này nói riêng và trong bất cứ hoàn cảnh nào của đất nước có chiến tranh nói chung. Với vai trò là lực lượng chủ đạo ở hậu phương thay cho người đàn ông của gia đình đã ra trận, người phụ nữ đảm đang gánh vác mọi công việc gia đình, hăng hái lao động, sản xuất phục vụ cho tiền tuyến.

**Đảm đang**

*Đố ai đếm được lá rừng,*

*Việt Nam anh hùng bao gái đảm đang*

*Đảm đang việc xóm việc làng*

*Gái làm chủ tịch, xã đoàn thanh niên*

*Gái làm đội trưởng xã viên*

*Bà con yêu mến, cấp trên tin lòng*

*Đảm đang công việc anh hùng*

*Súng trường em bắn phi công Mỹ nhào.*

Huy Chi

Vậy là người phụ nữ vốn vẫn được xem là phái yếu, “liều yếu đào tơ” nhưng trong chiến tranh thì họ nhận về mình thật nhiều trách nhiệm, nhiều vai trò: là chủ tịch, xã đoàn thanh niên, đội trưởng, xã viên, lại giỏi bắn máy bay Mỹ. Thái độ chung của dư luận trong những bài ca dao về người phụ nữ là sự tin yêu, ngợi ca, tràn đầy niềm tự hào và khâm phục.

Mượn hình ảnh người phụ nữ ở hậu phương đảm đang, chung thủy, dư luận xã hội đã gửi gắm vào đó lời vận động, kêu gọi thanh niên trai tráng lên đường chiến đấu bởi “nước có vững nhà mới yên”:

*Cá yêu biển rộng sông dài  
Chim yêu rừng núi, đất trời bao la  
Ta yêu Tổ quốc chúng ta  
Nước non có vững thì nhà mới yên  
Nhà muốn yên, chị em ta phải  
Khuyên chồng con hăng hái tòng quân  
Diệt thù, cứu nước, cứu dân  
Hết lòng vì nghĩa quên thân vì đời  
Máu chẳng tiếc, mồ hôi đâu tiếc  
Ba đảm đang ta quyết lo tròn  
Giữ tình chung thủy sắt son  
Dù cho biển cạn, non mòn không phai  
Trai tài thì gái cũng tài  
Thâm canh tăng vụ, lúa khoai đầy đồng  
Tiền phương càng rộ chiến công  
Thắm tình Nam Bắc, nức lòng năm châu*



*Nay dù gian khổ dài lâu  
Tạm xa nhau để gần nhau trọn đời.*

Nguyễn Hồ

Bên cạnh đó, dư luận xã hội về các vấn đề văn hóa - xã hội trong thời kỳ chống Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng được phản ánh hết sức rõ nét ở khía cạnh đề cao sự liêm chính, cần kiệm và phê phán sự tham ô, lãng phí trong lao động sản xuất. Đây là những vấn đề hết sức quan trọng của thời đại lúc bấy giờ khi mà miền Bắc đã giải phóng đang tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng đồng nghĩa những thói hư tật xấu đã manh nha tồn tại từ trước đó, đến đây có cơ hội lan rộng ra. Bởi vậy, dư luận xã hội đề cao những phẩm chất tốt đẹp của con người trong lao động sản xuất như cần, kiệm, liêm, chính để mà lên án mạnh mẽ và gay gắt hơn những cái xấu đang tồn tại và làm ảnh hưởng đến tình hình phát triển chung.

Hợp tác là nhà  
Ngày xưa riêng lẻ buồn sao!  
Việc Mơ, Mơ liệu, việc Đào, Đào lo;  
Bây giờ ruộng đã san bờ  
Trúc Mai có đội, Đào Mơ có đoàn  
Gặp khi nắng lửa mưa ngàn  
Tay gàu tay cuốc, đội đoàn lo chung,  
Sức người bắt đất phục tùng  
Bắt trời vâng lệnh theo công việc mình  
Ruộng chung nếu lúa kém xanh  
Trâu chung bị ốm, ai đành ngò yên!  
Giữ từng hạt gạo đồng tiền  
Quý từng tác đất, ngày đêm chuyên cần;

*Không điều ích kỷ cá nhân  
Nhẹ bên tập thể nặng phần riêng tư,  
Việc to việc nhỏ không từ  
Việc trong hợp tác cũng như việc nhà  
Kiệm cần khó cũng vượt qua  
Làm chiêm, chiêm tốt, làm mùa, mùa tắng.*

Yên Hoa

Đặc biệt, dư luận hết sức quan tâm đến vấn đề tiết kiệm trong lao động sản xuất. Đặt vào hoàn cảnh của đất nước ta lúc bấy giờ bắt đầu đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, mọi mặt đều thiếu thốn, yếu kém thì hơn bao giờ hết, lúc này là lúc mà toàn xã hội cần phải đề cao vấn đề tiết kiệm để thực hiện chủ trương của Đảng và nhà nước là xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa đồng thời tiếp viện cho miền Nam tiếp tục chiến đấu để giải phóng hoàn toàn đất nước. Hầu hết các bài ca dao về vấn đề tiết kiệm đều mang sắc thái phê phán. Đó chính là thái độ không đồng tình của dư luận đối với những biểu hiện lãng phí, không coi trọng tiết kiệm trong hoạt động sinh hoạt và sản xuất hàng ngày, chính điều đó đã mang đến những thiệt hại đáng kể cho tập thể, cho xã hội và cho đất nước.

Ví như việc lạm dụng điện thoại công vào việc tư:

*Lẫn lộn nhiều bề  
Mỗi ngày làm việc cơ quan  
Ông quay điện thoại gọi hàng chục nơi.  
Khi thì: “Việc đến đâu rồi?”  
Dây cà, dây muống, ông ngồi hỏi quanh...  
Khi thì hết chuyện tình hình  
Ông xoay sang chuyện tâm tình tào lao...  
Nhưng là: “Cô ấy... ra sao?”*

*Tơ duyên đã có đám nào hay chưa?”*

*Những là: “ Nghề cá được mùa  
Cá song, cá nục nhớ mua gửi về...”*

*Ông dùng điện thoại lẻ mề  
Riêng, chung lẫn lộn nhiều bề sao nên?*

Linh Kha

Hay vấn đề liên hoan liên miên, lãng phí:

Liên hoan

*Đón mạ vừa cấy buông tay  
Đã vật hai lợn vui ngày “liên hoan”  
Lúa đồng đang độ chín vàng  
Gặt xong cũng vội “liên hoan” dăm cày  
Hợp nhau tổng kết vụ này  
Cá tươi đánh bốn thùng đầy liên hoan  
Cần kiệm thì chẳng hợp bàn  
Chỉ thấy nhòm nhoàm những uống với ăn  
Liên gì cái kiểu liên... hoang  
Liên vài lần nữa thì tan “hợp” này!*

Huyền Tâm

Đề cao tinh thần làm chủ hợp tác xã, dư luận cũng bày tỏ thái độ phê phán đối với những thói xấu có hại đến việc xây dựng, củng cố hợp tác xã như tính tham ô, lãng phí, làm ăn bừa bãi không có kế hoạch.

Dư luận tỏ rõ sự bất bình với những thói xấu vẫn tồn tại trong tập thể mà tính tham ô là một ví dụ điển hình:

Nên chừa tính tham ô  
*Hợp tác Cổ Nhuế số 3*  
Có hai ông nọ thật là đáng chê  
*Hai ông nhà ngói bẽ bẽ*  
Ngõ của hợp tác gửi về nhà ông  
*Tưởng ông bảo vệ của công*  
Ngờ đâu ông chén, chẳng cần hỏi ai!  
*Mỗi ông năm yến xoi rồi*  
*Hay là hơn nữa? Ai người biết đâu?*  
*Hỏi ông, ông cứ gãi đầu*  
*Trách ông, ông chỉ cụp râu, ông cười.*  
*Tham ô tiếng xấu để đời*  
*Xã viên mà thế, ai người còn tin?*

*Lúa Mới*  
*(xã Cổ Nhuế)*

Châm biếm, đả kích thói xấu để đề cao, ca ngợi những phẩm chất cao đẹp của người xã viên trong hợp tác xã. Dư luận được phản ánh trong những bài ca dao thời kỳ này muốn hướng vào đó để cổ vũ, động viên quần chúng nhân dân tích cực tham gia hợp tác xã, chung sức chung lòng xây dựng hợp tác xã ngày càng vững mạnh. Vì thế, vấn đề dư luận xã hội ở đây mang tính tuyên truyền, cổ động rất lớn.

Gỗ thải vẫn dùng  
*Bếp lò khóc tỉ khóc tỉ*  
*Trách đoàn “phó” mộc giở chi lăm trò*  
*Gỗ phế phẩm chả đun cho*  
*Lại cứ ồm ờ giục bếp ngón than!*

*“Phó” rằng: Tiết kiệm mới ngoan,  
Gỗ kia phé phẩm đóng bàn vẫn xinh...  
Bếp nghe, bếp rõ sự tình  
Khen người khéo nghĩ, chê mình vụng lo.*

Ngô Linh Ngọc

Dưới hình thức nhân cách hóa câu chuyện của gỗ phé phẩm và người phó mộc, bài ca dao mang ý nghĩa tuyên truyền, giáo dục rất sâu sắc về việc biết tận dụng, tiết kiệm của công. Những bài ca dao như thế này gần gũi và dễ đi vào lòng người, dễ thuộc dễ nhớ, người ta truyền tai cho nhau nghe, nói với nhau về hai chữ kiệm cần như là câu cửa miệng:

*Tích cốc phòng cơ  
Có voi chớ vội đòi tiên  
Có bạc có tiền chớ vội tiêu hoang  
Phòng khi đau ốm nhờ nhàn  
Làm gì chi phí thuốc thang bây giờ  
Chữ rằng “Tích cốc phòng cơ”.*

Nguyễn Bảo

Cùng nội dung phê phán những thói xấu tồn tại trong xã hội lúc bấy giờ, dư luận xã hội trong ca dao thời kỳ này cũng đặc biệt chú ý tới tệ hội họp quá nhiều ở các công sở, cơ quan nhà nước. Đây có thể coi như một vấn nạn mà trong bối cảnh hiện nay, tình trạng này vẫn đang tồn tại gây nên biết bao sự ách tắc, trì trệ trong hoạt động và tổ chức bộ máy. Chúng tôi thống kê được 61 bài ca dao chỉ về vấn đề hội họp, đủ để thấy đây là một vấn đề nghiêm trọng trong bối cảnh xã hội lúc bấy giờ, một vấn đề được dư luận đặc biệt quan tâm. Thái độ chung của quần chúng nhân dân với tệ hội họp quá nhiều là sự bức xúc, không đồng tình vì thực chất đây là một hình thức gây lãng phí thời gian, công sức, tiền của một

cách nghiêm trọng; nó thể hiện một lối tổ chức, làm việc nguyên tắc, trì trệ, thiếu linh hoạt mà cần nhanh chóng khắc phục.

*Làm nhiều thêm ảm thêm no,  
Họp nhiều thêm mất thì giờ, biết chãng?  
Họp khi đáng họp là cần  
Họp không đáng họp thì dân bảo đừng.*

Dư luận trong bài ca dao này là tiếng nói của đông đảo quần chúng nhân dân phản đối tệ hội họp quá nhiều, gây mất thì giờ, thay bằng tận dụng thời gian quý báu đó cho lao động sản xuất làm giàu có, no ấm cho bản thân, gia đình và xã hội thì tốt hơn.

Tác giả Nguyễn Hồ trong bài *Bận họp* đã dẫn ra thật sinh động và chân thực cảnh họp hành liên miên:

*Thứ hai thì bận họp khu  
Thứ ba họp tổ, thứ tư họp đoàn  
Thứ năm hội nghị cơ quan  
Thứ sáu tọa đàm, thứ này mét tinh  
Một tuần họp cả sáu đêm  
Còn đêm chủ nhật... họp thêm là vừa  
Chưa rồi, lại họp buổi trưa  
Hay “tranh thủ” họp trong giờ chuyên môn  
Ngày trôi, tháng lụn, năm mòn  
Nhìn lên kế hoạch vẫn còn y nguyên  
Chỉ vì hội họp liên miên  
Để lo, để nhọc, để phiền cho nhau!*

Bởi vì:

*Một giây một phút thời gian  
Là bao của cải, bạc vàng làm ra  
Hỏi ai có thấy xót xa  
Đáng họp một buổi, kéo ba bốn ngày  
Cứ ngồi hội họp thế này  
Bạc vàng, của cải chắc bay lên trời!*

Giang Hoài

Trọn vẹn 61 bài ca dao về vấn đề hội họp đều mang sắc thái châm biếm, đả kích, phê phán. Điều đó cho thấy dư luận xã hội tỏ ra hết sức bất bình với lối họp hành vô tổ chức, không thiết thực. Từ chỗ phê phán tệ họp hành liên miên, dư luận xã hội đi sâu phân tích và phê phán cả thái độ, hành vi và tác phong của con người trong các cuộc họp. Đó là thói lề mề, dài dòng trong khâu tổ chức, thái độ thiếu nghiêm túc của những người tham gia cuộc họp:

*Họp lâu  
Lao lao giục tụt sáu giờ  
Bảy giờ mới thấy lựa thừa dăm người  
Tám giờ đã khá đông rồi  
Nhưng ban tổ chức còn ngồi điểm danh  
Chín giờ tuyên bố chương trình  
Mười giờ giới thiệu mít tinh bắt đầu  
Mắt cay còn biết chi đâu?  
Mấy bà con mọn bám nhau... chuồn dần!*

Vũ Thạch

Bằng một chút khoa trương, phóng đại và lối đưa đẩy hóm hỉnh, ý vị, tác giả đã làm cho ý nghĩa phê phán trở nên sâu sắc hơn. Họp hành trở thành hình

thức, thiếu tính mục đích, thiếu thiết thực và những người tham gia cuộc họp cũng chỉ là đối phó:

Mặc ai

*Họp hành sao chẳng để tâm  
Cứ ngồi to nhỏ thì thăm chuyện riêng  
Mặc ai vận động tuyên truyền  
Vẫn say quyển sách, cuộn len, điệu cày.*

Cũng vì họp hành không mang lại hiệu quả như thế cho nên mới có những hiện tượng lười biếng mà cáo ốm, cáo bệnh để ở nhà:

Lý do

*Mời bà đi họp nhân dân  
Lần nào bà cũng có phần lý do  
Lý gì lý lẽ quanh co  
Do chi chính bởi là do bệnh bà  
Trời nắng bà kêu mắt hoa  
Trời mưa bà lại kêu là lạnh chân  
Những đêm gió mát, trăng ngân  
Bà rằng, người lại hâm hâm sốt rồi  
Sao bà lăm bệnh bà ơi!  
Chỉ riêng có cái bệnh lười không khai.*

Trần Quế

Một loạt những ví dụ đã cho chúng ta thấy sự không cần thiết của những cuộc họp hành kiểu này, mất thời gian và không mang lại hiệu quả. Bởi vậy, dư luận xã hội lên tiếng hết sức gay gắt với vấn nạn họp hành liên miên đang diễn ra hàng ngày, hàng giờ ở các cơ quan, công sở, tổ đội, ở nhiều cấp, nhiều ngành... Thực chất dư luận đang lên tiếng phản ánh về một tình trạng làm việc lè mề, trì



trệ, dài dòng từ trên xuống dưới; đó là tác phong làm việc ì trệ cả bộ máy, không sớm thì muộn cũng sẽ kéo lùi sự phát triển. Những cuộc họp hành như thế này tác động trực tiếp đến quyền lợi của quần chúng nhân dân, cho nên dư luận xã hội đặc biệt tỏ ra bất bình và gay gắt lên án, phê bình. Lên tiếng cảnh báo về sự xuống cấp của công tác tổ chức, hoạt động, dư luận xã hội được phản ánh trong ca dao thời kỳ này cũng là lời kêu gọi, vận động, tuyên truyền cho việc thực hiện họp hành đúng mục, có hiệu quả.

Thời kỳ 1954 - 1975 miền Bắc đã giải phóng đang tiến lên xây dựng CHCN nhưng chính quyền còn non trẻ nên đã bộc lộ nhiều hạn chế, xã hội nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực cần ngăn chặn và lên án. Một trong những vấn đề mà dư luận xã hội thời kỳ này rất quan tâm đó là vấn đề hôn nhân và gia đình. Trong tổng số 67 bài ca dao về nội dung hôn nhân và gia đình, chúng tôi thống kê được 9 bài về tình yêu lứa đôi, vợ chồng trong chiến đấu, 58 bài còn lại tập trung vào các vấn đề “nóng” về hôn nhân và gia đình như nạn ép duyên, tảo hôn, bạo hành gia đình. Dư luận xã hội đặc biệt nhấn mạnh đến khía cạnh tiêu cực, mặt trái của vấn đề hôn nhân và gia đình, những vấn đề mà trong xã hội ngày nay vẫn còn nhức nhối, trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng hàng ngày, hàng giờ vẫn không ngừng tuyên truyền về những vấn nạn này. Trong số 67 bài ca dao về vấn đề hôn nhân gia đình, chúng tôi thống kê được 12 bài đề cao gia đình hạnh phúc, vợ chồng bình đẳng; 10 bài về vấn đề ép duyên; 9 bài về vấn đề bạo hành gia đình, bất bình đẳng trong quan hệ vợ chồng; 9 bài về tình yêu lứa đôi, vợ chồng trong chiến đấu; 6 bài về quan hệ mẹ chồng - nàng dâu; 5 bài về vấn đề tảo hôn; 3 bài về vấn đề chồng chung; 3 bài về vấn đề con đẻ, con nuôi, con chồng; 2 bài về vấn đề tự do lựa chọn hạnh phúc; 2 bài về vấn đề dùng con gái, nhan sắc làm “mồi câu”; 1 bài về vấn đề phụ bạc và 1 bài về thân phận của người phụ nữ phải chịu nhiều tai tiếng khi “đi bước nữa”. Nhìn vào số liệu thống kê ở trên, chúng ta

thấy dư luận đối với vấn đề hôn nhân gia đình vẫn thiên về hướng đề cao, ngợi ca hôn nhân hạnh phúc, đề cao sự bình đẳng trong quan hệ vợ chồng, có ý nghĩa là một sự cổ động, tuyên truyền cho vấn đề hạnh phúc gia đình:

*Gương tốt*

*Sau giờ xưởng máy tan tằm  
Ở nhà, bát đĩa lên mâm sẵn sàng  
Học vẽ, cái Tý hát vang  
Áo hoa xinh xắn, khăn quàng đỏ tươi  
Cu Thìn khóc nũng trong nôi  
Đã nghe tiếng mẹ à ơi... ngọt ngào  
Ba Tý làm việc lò cao  
Vừa về đến cổng Tý chào đón ba  
Vợ cười nét mặt như hoa  
Cơm canh sốt dẻo cả nhà khen ngon  
Ăn xong, trống giục trên trường  
Vợ lo đi học trao con cho chồng  
Những đêm khu phố họp chung  
Cả vợ lẫn chồng cùng đến tham gia  
Cùng bàn việc nước việc nhà  
Cùng thêm biết rộng, nhìn xa, hiểu nhiều  
Thật là gương tốt đáng nêu  
Trách gì nhà được treo nhiều bằng khen.*

Yên Hòa

Đây là một mô hình gia đình kiểu mẫu, rất đáng nêu gương trong xã hội hiện đại. Bên cạnh đó, dư luận xã hội cũng đề cao luật hôn nhân đã có tác dụng

tích cực trong việc giải phóng cho người phụ nữ khỏi nhiều gánh nặng trong gia đình, mang lại sự bình đẳng cho người phụ nữ:

Vợ chồng tôi

*Vợ chồng như vợ chồng tôi*

*Gỗ cũng phải cùi, đá cũng phải kêu*

*Tôi lo cày cấy sớm chiều*

*Chồng tôi chỉ việc nằm queo ngủ ngày*

*Chiều chiều con khóc trên tay*

*Cơm sôi quá lửa, lợn bày đò ăn*

*Chồng tôi cấn nắn cấn nắn*

*Chấp tay sau đít ra sân, vào nhà*

*Bữa ăn chờ dọn sẵn ra*

*Còn ché canh nhạt, rau già, cơm khê*

*Đêm tan giờ học tôi về*

*Bữa môi chồng bảo: “Bà nghe vinh quy”*

*Họp hành chồng chẳng cho đi*

*Dân công chồng gắt: “Việc chi đến mình”*

*Những khi nổi trận lôi đình*

*Thượng tay hạ cẳng quên tình gói chẵn*

*Nhưng từ học luật hôn nhân*

*Chồng tôi đã biết ăn năn nhiều rồi*

*Bây giờ gió thuận buồm xuôi*

*Vợ chồng gắn bó trong ngoài ấm êm*

*Chồng: tổ trưởng; vợ: xã viên*

*Trường thêm vui lớp, đồng thêm được mùa*

*Khi ngòi nhắc chuyện năm xưa*

*Chồng tôi đỏ mặt giả vờ quay đi.*

Nguyễn Hồ

Ra sức tuyên truyền, cổ động cho vấn đề hạnh phúc và bình đẳng trong gia đình, dư luận xã hội cũng tỏ ra hết sức bất bình đối với những hiện tượng tiêu cực, đáng buồn còn tồn tại trong mối quan hệ hôn nhân, gia đình như vấn đề ép duyên, tảo hôn, nạn bạo hành trong gia đình và mối quan hệ mẹ chồng - nàng dâu. Dư luận thẳng thắn lên án những người (cụ thể là bố mẹ còn mang nặng tư tưởng cổ hủ, lạc hậu) đang tâm ép duyên con cái, đẩy con cái vào tình cảnh tủi hổ, khổ đau:

Con phải gỡ ra

*Chồng lên tám vợ mười ba*

*Ngồi rồi nu nóng nu na đỡ buồn*

*Mười tám vợ đã lớn khôn*

*Nu na nu nóng chồng còn mười ba*

- “*Mẹ ơi! Con phải gỡ ra*

*Chồng con nu nóng nu na suốt ngày*

*Đêm nằm khắc khoải canh chày*

*Tuổi xuân không thể sống ngày nu na*

Trần Thôn Trang

Hay:

Trách mẹ

*Nhái buồn bị mẹ ép duyên*

*Lấy chồng nòng nọc sau đêm mưa rào*

*Nhái buồn khóc cạnh bờ ao*

*Mẹ ơi, mẹ hỡi, nữ nào ép duyên*

*Không nghe thì mẹ đánh đòn*

*Nghe thì cô bác bà con chê cười  
Đến ngày nòng nọc rụng đuôi  
Tuổi xuân con đã tàn rồi còn đâu  
Mẹ tham bèo rậm ao sâu  
Con không chịu nổi khổ đau, con về.*

Xã hội Việt Nam đã khoác lên mình tấm áo của một xã hội hiện đại nhưng bên trong tấm áo đó những lề lối, hủ tục, quan niệm cũ vẫn còn tồn tại hết sức hà khắc. Hơn ai hết, người phụ nữ trong hoàn cảnh đó là người phải gánh chịu nhiều thiệt thòi hơn cả. Bao hành gia đình đến nay vẫn là một vấn nạn hết sức nhức nhối của xã hội, mà người phụ nữ chính là nạn nhân đau khổ của những hành động ngược đãi ấy, rất cần được dư luận xã hội lên tiếng bênh vực và giải thoát:

Hỏi anh

*Hỏi nào “gối gấm không êm  
Gối lụa không mềm bằng gối tay em”  
Bây giờ như cuộc long nê  
Như đàn lạc điệu, như chim lạc bầy  
Ghét tôi anh nghiện, anh đay  
Bắt tôi chịu cảnh đọa đầy sớm trưa  
Nhịn anh, anh vẫn không chừa  
Làng xóm ngăn ngừa anh cũng chửi om  
Đánh tôi quần áo rách bươm  
Sung mặt sung mồm, nát thịt nát da*

*Hôm nay ra đứng trước tòa  
Hỏi lòng anh có xót xa không nào?*

Yên Hòa

Lên án những hành động bạo ngược, bạc đãi của người chồng đối với vợ, dư luận xã hội cũng bày tỏ lòng cảm thương, xót xa sâu sắc đối với thân phận hẩm hiu, bất hạnh của những người vợ bị bạo hành. Trước những tình cảnh thương tâm này, rất cần sự can thiệp của pháp luật để bảo vệ cho người phụ nữ trong gia đình :

Buổi nào

*Buổi nào vuốt mái tóc này*

*Những là: “Như dải lụa bay quanh người”*

*Bây giờ anh túm anh lôi*

*Lụa ơi là lụa! Tả toi quanh đường!*

*Buổi nào nựng má anh thơm*

*Những là: “Ngọt lịm như hương bưởi đào”*

*Bây giờ anh tát anh cào*

*Còn đâu hương bưởi ngọt ngào miệng thơm?*

*Buổi nào chín mển mùi thương*

*Ngọn đèn ai tắt, đêm trường ai lay*

*Bây giờ dùi đục căng tay*

*Mùi thương thì chín đã bay đâu rồi?*

*Buổi nào đôi mắt sáng đôi*

*Như soi lòng nước giếng khơi giữa làng*

*Bây giờ mắt tím mắt vàng*

*Cho lòng giếng cạn, nước tràn lên mi!*

*Giở trang luật mới đã ghi*

*Tình chồng nghĩa vợ là gì... hỏi anh?*

Huyền Tâm

Bên cạnh nạn bạo hành trong gia đình, quan hệ mẹ chồng - nàng dâu cũng là một vấn đề dư luận đương thời rất quan tâm. Thái độ cư xử tàn tệ của mẹ chồng đối với con dâu là tàn tích của xã hội phong kiến cũ, tuy nhiên trong xã hội hiện đại vấn đề này vẫn còn tồn tại khá nhiều, làm mất đi ý nghĩa thiêng liêng của hạnh phúc gia đình. Những bài ca dao về vấn đề mẹ chồng - nàng dâu trong thời kỳ 1954 - 1975 phản ánh về mối quan hệ này trên hai phương diện đối nghịch nhau: sự hòa thuận giữa mẹ chồng, con dâu và quan hệ bất hòa của mẹ chồng và con dâu. Chính điều này đã khẳng định mạnh mẽ hơn thái độ bất bình của dư luận đối với những bà mẹ chồng còn mang nặng tư tưởng gia trưởng, lạc hậu và cũng đề cao, ủng hộ những mối quan hệ mẹ chồng - nàng dâu đã được cải thiện trong hoàn cảnh xã hội hiện đại, đồng thời bày tỏ sự đồng tình và ca ngợi luật hôn nhân và gia đình mới đã có những thay đổi tích cực, có tác động chuyển biến lớn đến mối quan hệ phức tạp này.

Con gái, con dâu

*Con gái là con của bà*

*Con dâu con của người ta đưa về*

*Con gái khỏe mạnh, vượt ve*

*Con dâu đau yếu chẳng hề thuốc thang*

*Bà nên suy nghĩ kĩ càng*

*Khi cho con gái bước sang nhà chồng*

*Cũng rằng rày ước mai trông*

*Con mình gặp được mẹ chồng mát tay*

*Dâu bà, bà nghiệt bà cay*

*Bà cứ nặng mặt nặng mày sao đang!*

Trần Lê Dệ

Chính vì sự ác nghiệt của những bà mẹ chồng mà luật hôn nhân gia đình mới đã lên tiếng bênh vực cho người con dâu - người phụ nữ trong gia đình, để họ dám cất lên tiếng nói phản đối với sự hà khắc, nghiệt ngã của mẹ chồng:

Quyền của tôi

*“Ở nhà thì “phải” theo cha*

*Lấy chồng thì “phải” nét nà theo chồng*

*Ví dù chồng chết đặng chồng*

*Thì người vợ “phải” một lòng theo con...”*

*Lời bà ngon đến là ngon*

*Cứ ba cái “phải”, chết mòn đời tôi*

*Đời tôi còn trẻ còn tươi*

*Phải đâu gỗ đá ngóng trời nhìn mây?*

*Nghĩa xưa thì để dạ này*

*Bà đừng giậm dọa sợi dây tam tòng*

*Dây tam tòng là gông đeo cổ*

*Tòng nổi gì? Tòng khổ tòng đau!*

*Khăn tang nay đã nhuộm màu*

*Ba tòng bảy tiết còn đâu là đời*

*Chặt dây phong kiến lỗi thời*

*Tay nâng luật mới, vượt trời mà lên*

*Xin bà bỏ lối hãm duyên*

*Bước đi bước nữa là quyền của tôi.*

Huyền Tâm

Ở đây, dư luận xã hội đã bày tỏ sự đồng tình với luật hôn nhân gia đình mới. Chính những thay đổi tiến bộ của bộ luật này đã mang đến sự thay đổi căn bản trong nhận thức của mỗi người dân, từ đó có những thay đổi tích cực trong



mối quan hệ mẹ chồng - nàng dâu. Thực chất nhờ bộ luật này, xã hội hiện đại đang hướng tới mục đích xóa dần đi quan niệm hay nói cách khác là sự ám ảnh về quan hệ mẹ chồng nàng dâu đã tồn tại hàng nghìn năm nay trong xã hội Việt Nam:

Khác chi vàng mười  
Nàng dâu bận cấy đồng xa  
Mẹ chồng com nước mang ra tận đồng  
Đình làng biểu diễn văn công  
Nàng dâu tay dắt mẹ chồng cùng đi  
Nàng dâu hội họp chưa về  
Mẹ chồng ẵm cháu canh khuya vẫn ngồi  
Nàng dây rức trán mọi người  
Mẹ chồng hái lá đun nồi nước xông  
Bát canh ngọt lự của đồng  
Nàng dâu chờ đợi mẹ chồng cùng ăn  
Dâu, con khúc khích trong chăn  
Mẹ cười: “Đùa mãi! Thôi nằm ngủ đi”  
Quý yêu từng tác từng ly  
Mẹ hiền, dâu thảo khác chi vàng mười.

Giang Hoài

Đã trải qua đời làm dâu khôn khổ, những bà mẹ chồng “tiền bộ” này thấu hiểu hơn ai hết cảnh ngộ làm dâu của những người phụ nữ, bởi thế mà thêm biết quý trọng, yêu thương con dâu mình và làm mối quan hệ mẹ chồng - nàng dâu ngày càng trở nên tốt đẹp:

Qua cầu đã rõ  
Ngày xưa mẹ đi làm dâu

*Đắng cay đã trải, khổ đau đã từng  
Nhìn ra buồn nổi bất công  
Ngắm vào xót cảnh mẹ chồng nàng dâu  
Ngày nay cầu đã qua cầu  
Mẹ vui mẹ đón nàng dâu về nhà  
Quý dâu như quý bông hoa  
Lựa lời chỉ bảo thiết tha ân cần*

*Chăm từ giấc ngủ, miếng ăn  
Lo từng công việc đỡ đàn tay con.*

Những dấu hiệu tiến bộ xuất hiện đã dự báo cho rất nhiều những thay đổi trong dư luận xã hội ở những giai đoạn sau này. Điều này một lần nữa cho thấy quyền tự do dân chủ đã bắt đầu có hiệu quả trong cuộc sống của quần chúng nhân dân, mỗi người dân đã dần ý thức một cách sâu sắc và phát huy quyền làm chủ chính đáng của mình.

### **3.3.3. Thời kỳ 1975 đến nay**

Bảng thống kê các vấn đề về văn hóa - xã hội nhận được sự quan tâm của dư luận trong thời kỳ từ năm 1975 đến nay:

<b>STT</b>	<b>Vấn đề nổi bật</b>	<b>Tần số xuất hiện (bài)</b>	<b>Tỷ lệ xuất hiện (%)</b>
1.	Tình yêu lứa đôi, tình cảm vợ chồng	46	38,33
2.	Trường lớp, đời sống học sinh,	9	7,5

	sinh viên, giáo viên		
3.	Tệ nạn xã hội (mại dâm, cờ bạc, bia ôm, phim sex...)	8	6,67
4.	Lấy chồng ngoại quốc	4	3,33
5.	Làm việc thiếu trách nhiệm	3	2,5
6.	Du lịch, dịch vụ	2	1,67
7.	Các vấn đề khác	48	40
<b>Tổng cộng</b>		<b>120</b>	<b>100</b>

Ca dao từ sau năm 1975 có nhiều sự khác biệt so với ca dao những thời kỳ trước đó. Số lượng ca dao thời kỳ này theo nguồn gốc in ấn rất hạn chế. Trong đề tài này, nguồn tài liệu chúng tôi thu thập được chủ yếu từ mạng Internet. Số còn lại rất ít ỏi là nguồn tư liệu thu thập trên các báo và tạp chí mang nội dung châm biếm, đả kích, phê phán về vấn đề đương thời có liên quan đến tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội.

Một điều hết sức quan trọng trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay, từ mạng Internet, người ta có thể tìm thấy bất cứ thông tin gì chỉ bằng một cái click chuột thì việc cấm đoán, giới hạn, siết chặt của nhà quản lý truyền thông chỉ làm cho truyền thông Nhà nước mất sức cạnh tranh với truyền thông tự do. Ngày nay, truyền thông tự do (website, blog cá nhân) là một kiểu dư luận xã hội thời kỹ thuật số. Không thể nói tự do trên báo chí chính thống, họ tìm đến những phương tiện khác và các website, các blog cá nhân là công cụ đắc lực giúp họ thực hiện quyền tự do ngôn luận; dù đôi khi để giành quyền được nói, người nói phải ẩn danh. Đây chính là hiện tượng phổ biến khi chúng ta truy cập vào các trang

website mà nội dung chủ yếu là phê phán, đả kích những hiện tượng tiêu cực trong xã hội thì hầu hết các sáng tác đều không có tên tác giả. Và để làm căn cứ cho nguồn tư liệu, chúng tôi đã lưu lại địa chỉ của các website này. Mặt khác, chính việc phát ngôn qua các công cụ truyền thông tự do này lại là điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân phản động phát tán những nội dung bôi nhọ một cách nhanh chóng và rộng khắp. Đây cũng là một nguồn thông tin rất khó kiểm soát và chúng ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống xã hội cũng như tinh thần và thái độ của quần chúng nhân dân. Bởi vậy, trong khi thu thập tư liệu chúng tôi đặc biệt quan tâm đến nội dung của những sáng tác ca dao hiện đại và lựa chọn cẩn thận để tránh một cách tuyệt đối những vấn đề mang tính bôi nhọ, phản động, thiếu sự chân thực nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc tôn trọng khách quan.

Thời kỳ từ 1975 đến nay, xã hội Việt Nam có nhiều chuyển biến cho phù hợp với xu thế phát triển mới của thời đại. Vì thế, rất nhiều vấn đề về văn hóa - xã hội được đặt ra và thu hút sự quan tâm của đông đảo quần chúng. Có thể nói, dư luận xã hội đã có tác động rất lớn đến nhận thức của xã hội. Dư luận xã hội dựa vào chuẩn mực xã hội để đánh giá. Chuẩn mực xã hội có thể thay đổi theo không gian, thời gian, do đó, đánh giá của dư luận cũng thay đổi theo. Dư luận xã hội còn sắp xếp, điều hòa các quan hệ xã hội, chỉ ra những việc nên làm và những việc không nên làm, phát huy những truyền thống tốt đẹp trong quá khứ để hoàn chỉnh hiện tại (ôn cố tri tân). Dư luận xã hội không đơn thuần là ý kiến mà là sự tổng hợp ý thức xã hội nên nó tác động mạnh vào ý thức cá nhân hòa với cộng đồng. Trong thực tế, không phải lúc nào cũng có sự can thiệp của pháp luật, nhất là những vấn đề thuộc về cá nhân, gia đình nhưng dư luận xã hội sẽ có ý kiến để điều chỉnh hành vi sai lệch.

Sau năm 1975, nhiều vấn đề văn hóa - xã hội được dư luận quan tâm, phản ánh như sự xuống cấp trầm trọng của xã hội, sự suy đồi về đạo đức truyền thống,

sự lan tràn của các tệ nạn xã hội, bệnh dịch,... đe dọa cuộc sống hàng ngày của người dân.

Từ đầu những năm 1990, tệ nạn mại dâm bắt đầu xuất hiện và càng ngày càng lan rộng. Vấn nạn xã hội đó đã nhanh chóng trở thành đề tài “nóng bỏng” của những câu ca dao hiện đại:

*Chiều chiều trên bến Ninh Kiều  
Dưới chân tượng Bác, dĩ nhiên hơn dân.*

Đây là một cảnh ở bến Ninh Kiều, một địa danh đẹp, thơ mộng của Cần Thơ, nay trở thành tụ điểm chứa chấp của gái mại dâm.

Trước năm 1975, tại miền Nam chỉ có dịch vụ “bia ôm” lác đác xuất hiện bất hợp pháp ở một vài thành phố lớn thì hiện nay, loại hình này xuất hiện nhan nhản trên khắp các nẻo đường đất nước một cách công khai. Ngoài bia ôm, thứ dịch vụ nay đã trở nên “lỗi mốt”, người dân có thể thưởng thức đủ thứ dịch vụ “ôm” hợp với túi tiền của từng người như cà phê ôm, chè ôm, cháo ôm, phở ôm, xỏ số ôm, cắt tóc ôm, tắm ôm, ngủ ôm, câu cá ôm,... Tuy nhiên, bia ôm vẫn là dịch vụ phổ biến nhất. Câu ca dao sau xuất phát từ hiện tượng một quán bia ôm “mọc” lên gần Văn Miếu, Hà Nội - nơi tôn nghiêm đặt các tấm bia đá khắc tên tiến sĩ thủa xưa:

*Trăm năm bia đá cũng mòn  
Bia chai cũng vỡ, chỉ còn bia ôm.*

Từ đó mới có những cảnh trớ trêu:

*Cô giáo phải bán bia ôm  
Ôm phải học trò, ăn nói sao đây?*

Trong những năm gần đây, xã hội rộ lên phong trào lấy chồng Đài Loan, Hàn Quốc. Do nhận thức hạn chế, ngộ nhận về một quá khứ đổi đời ở trời Tây

mà rất nhiều chị em phụ nữ Việt Nam đã chấp nhận lấy chồng người ngoại quốc để mong thoát khỏi cảnh đói nghèo. Nhưng trở trêu thay, đa số họ khi sang nước ngoài bị đối xử tàn tệ như những nô lệ tình dục và những người ở không công cho các ông chủ ngoại quốc. Gần đây, báo chí Việt Nam vừa đăng tải những thông tin về một cô dâu Việt Nam lấy chồng Hàn Quốc đã nhảy lầu tự tử để thoát khỏi cảnh nhục nhã, ê chề ở xứ người. Dư luận xã hội về vấn đề này đã thể hiện rõ nét sự chua xót, đau đớn, nhức nhối trước một hiện tượng đang trở thành “dịch bệnh” tràn lan:

*Tiếc thay cây quế còn soan  
Để cho đám mọi Đài Loan nó trèo.*

Hay:

*Tìm em như thể tìm chim  
Chim bay biển Bắc, anh tìm biển Đông  
Tìm chi cho phải mất công  
Đài Loan, Hàn Quốc em đông mất rồi.*

Một trong những vấn đề xã hội thời gian qua và ngay tại thời điểm hiện tại, dư luận cũng hết sức quan tâm đó sự lan tràn của các dịch bệnh như cúm gà, dịch heo. Dịch bệnh lan tràn, hoành hành trên khắp đất nước khiến nhiều người thiệt mạng. Ngay sau khi dịch gà lắng xuống thì dịch heo lại bộc phát gây biết bao thiệt hại cho dân nghèo. Trước sự kiện này (năm 2005), người dân truyền cho nhau một câu ca dao:

*Dịch heo nối tiếp dịch gà  
Bao giờ dịch đặng cho bà con vui.*

Từ sau năm 1975, khi mà tự do cá nhân được giải phóng thì những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi của con người đặc biệt được dư luận quan tâm và dư luận sẵn sàng bày tỏ thái độ, ý kiến của mình về tất cả những vấn đề ấy trên

các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, Internet,... Một trong những vấn đề văn hóa - xã hội mà dư luận quan tâm là tệ nạn rượu chè, cờ bạc, số đề. Trong xã hội hiện đại, những tệ nạn này càng trở nên phổ biến, nhiều con người tha hóa, hoặc rơi vào vòng lao lý, hoặc sa chân vào ngõ cụt, nhiều gia đình tan vỡ... Dư luận xã hội về các tệ nạn này thực chất là lời cảnh tỉnh đối với những con người lầm lạc, sớm tỉnh ngộ trở về con đường sáng. Đó là nạn rượu chè:

*Ấu ơ*

*Gió mùa thu mẹ ru con ngủ*

*Năm canh dài cha nhậu đủ năm canh.*

Đó là cảnh chồng say, vợ cũng say:

*Trên đồng cạn dưới đồng sâu*

*Chồng say, vợ xỉn, con trâu đi về*

Say sưa đến quên cả làm việc:

*Trâu ơi ta bảo trâu này*

*Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày mình trâu*

*Cày cày bốn畔 con trâu,*

*Ta đang bận nhậu, còn lâu mới cày.*

Những người phụ nữ lấy phải chồng nghiện rượu đã phải ca lên rằng:

*Thân em như tấm lụa đào*

*Quý tha ma bắt lại vào tay anh*

*Ngày nào cũng chạy loanh quanh*

*Tới các quán nhậu “thỉnh” anh về nhà.*

*Không nói gần chẳng nói xa*

*Lấy nhằm chồng nhậu quả là cực ghê...*

Cùng với nạn cờ bạc, số đề cũng là một tệ nạn xã hội mà dư luận gay gắt phản đối. Thực tế, trong xã hội, cờ bạc, số đề đã khiến bao người lâm vào cảnh

trắng tay, đẩy biết bao gia đình vào cảnh tan hoang, màn trời chiếu đất. Bởi vậy, dân gian thường lưu truyền những câu “*Cờ bạc là bác thằng bần*” hay “*Chơi đê ra đê mà ở*”:

*Cờ bạc là bác thằng bần  
Áo quần bán hết, tòng teng đi... ăn mày.*

Hay:

*Người ta đi cấy lấy công  
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề  
Trông qua, trông lại, trông về  
Trông khi chủ vắng đánh đê kiếm thêm.*

Trong quá trình khảo sát ca dao từ năm 1975 đến nay, chúng tôi đặc biệt quan tâm đến một bộ phận ca dao hiện đại xuất hiện khá nhiều và mang bản sắc riêng đó là ca dao của học sinh, sinh viên. Bộ phận ca dao này chủ yếu mang nội dung hài hước, châm biếm, phê phán khi nhẹ nhàng, cũng có khi gay gắt, quyết liệt. Ấn trong đó là sự dí dỏm, hóm hỉnh và thông minh rất riêng của tầng lớp này vốn được coi là “nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò”. Các vấn đề chủ yếu trong ca dao của học sinh, sinh viên gắn liền với việc học hành, trường lớp, bạn bè, thầy cô. Những thói hư tật xấu như lười học, quay cóp,... được nhìn dưới lăng kính của học sinh, sinh viên mang nhiều nét trẻ trung, tinh nghịch:

*Dù ai nói ngả nói nghiêng  
Chàng lười vẫn cứ triền miên chép bài.*

Hay:

*Một cây làm chẳng nên non  
Ba chàng chụm lại thì nhòm bài nhau.*

Hay:

*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*



*Điểm cao nhớ kẻ cho “quay” hôm nào.*

Đặc biệt là mảng ca dao về tình yêu hết sức dí dỏm, thú vị và cũng rất hiện đại. Chẳng hạn như:

*Yêu nhau chỉ ngại đường xa  
Đi bộ mòn dép đi xe tốn dầu.*

Hay:

*Lên non mới biết non cao  
Có bờ mới biết là mau hết tiền  
Em cứ ăn uống liền liền  
Vậy mà quảng cáo “em hiền lắm nghe!”*

Như vậy, dù chỉ là một bộ phận nhỏ trong xã hội nhưng ca dao của học sinh, sinh viên cũng đã góp một tiếng nói thật riêng trong dòng chảy của ca dao hiện đại và dần dần đã trở thành phổ biến, giống như một “thương hiệu” khi người ta nhắc đến mảng ca dao này.

Như vậy ở cả 3 phần trên, chúng tôi đã tập trung đi sâu phân tích những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội xuất hiện nhiều nhất trong ca dao từ năm 1975 đến nay, đó là những vấn đề được dư luận bàn luận nhiều nhất và tất nhiên xung quanh những vấn đề đó, dư luận xã hội đã góp phần không nhỏ vào việc tác động mạnh đến ý thức cá nhân, buộc ý thức cá nhân hòa với cộng đồng.

Dựa trên cơ sở thống kê, chúng tôi xác định được những vấn đề nổi bật với tần số xuất hiện lớn nhất tức là vấn đề chiếm được sự quan tâm của dư luận trong từng nhóm vấn đề và trong toàn bộ 3 nhóm vấn đề chính. Ở đây, chúng ta nhận thấy có sự chuyển biến khá rõ nét về dư luận xã hội giữa các thời kỳ. Cách mạng tháng Tám thành công đã đánh dấu một bước ngoặt lịch sử vĩ đại, mở ra một kỷ nguyên mới cho sự phát triển về mọi mặt của đời sống dân tộc. Thời kỳ 1945 - 1954 bao gồm 5 năm đầu sau cách mạng và suốt thời kỳ kháng chiến chống Pháp,

là thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ mới. Trên mặt trận văn hóa thời kỳ này, chúng ta xác định 2 nhiệm vụ chính là đánh đổ văn hóa ngu dân, văn hóa xâm lược của thực dân Pháp và xây dựng một nền văn hóa dân chủ mới cho dân tộc. Thời kỳ 1954 - 1975, từ khi cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi, miền Bắc hoàn toàn giải phóng và chuyển sang một giai đoạn mới: giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa; trong khi miền Nam vẫn tiếp tục cuộc kháng chiến chống Mỹ tiến tới giành độc lập dân tộc, giải phóng hoàn toàn đất nước. Quá trình thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là quá trình thực hiện thắng lợi ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật và cách mạng tư tưởng, văn hóa, trong đó cách mạng kỹ thuật là chủ chốt. Ba cuộc cách mạng này có mối quan hệ hữu cơ với nhau, ảnh hưởng và thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển. Điều này đã được thể hiện phần nào đó khá rõ nét trong ca dao thời kỳ 1954 - 1975. Với đặc thù như thế, dư luận xã hội trong ca dao ở hai thời kỳ này đều chủ yếu xoay quanh những vấn đề liên quan đến cả cộng đồng rộng lớn, những vấn đề mang tính tập thể hướng tới một sự nghiệp chung là đấu tranh chống kẻ thù xâm lược giải phóng cho dân tộc.

Nhưng từ năm 1975 trở đi, dư luận xã hội trong ca dao đã có những chuyển biến, điều này hoàn toàn phù hợp xu thế đổi mới của đất nước. Diện mạo đất nước có nhiều thay đổi, kinh tế từng bước phát triển, chính trị dần đi vào ổn định, văn hóa - xã hội ngày càng được quan tâm, mọi mặt của đời sống xã hội được mở rộng, có sự giao lưu văn hóa rộng rãi trong và ngoài nước cùng với khoa học kỹ thuật phát triển mạnh mẽ. Nhờ đó, chúng ta tiếp thu và lĩnh hội được nhiều kiến thức, cố gắng nhanh chóng rút ngắn khoảng cách khác biệt quá lớn với các nước trên thế giới. Trong xã hội hiện đại, nhà nước ta đề cao chủ trương dân chủ, khuyến khích quần chúng nhân dân nói lên tiếng nói của mình, tự do bày tỏ nguyện vọng, thái độ, ý kiến của mình về các vấn đề của đời sống. Cho nên, dư

luận xã hội thời kỳ này cũng hướng đến nhiều vấn đề, thậm chí những vấn đề nhạy cảm mà trước đó hầu như vắng bóng hoặc chúng ta né tránh không đề cập tới. Đề cao tính tự do, dân chủ, dư luận xã hội từ đây cũng không ngần ngại bộc lộ một cách trực diện một số vấn đề tiêu cực của xã hội, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến chính trị, kinh tế, xã hội như tệ nạn tham nhũng, sự thoái hóa biến chất của một bộ phận đảng viên, sự suy đồi, xuống cấp của xã hội... Ngoài ra, những vấn đề liên quan đến quyền lợi của cá nhân con người cũng được dư luận xã hội quan tâm hơn. Đây là những vấn đề “nóng” nhất của xã hội đương thời mà dư luận đặc biệt lưu tâm, nhờ những thông tin phản hồi từ dư luận này mà chúng ta nhận thức khách quan và đầy đủ hơn về sự vận động và phát triển của đất nước trên mọi mặt của đời sống, Đảng và nhà nước cũng nhờ đó có sự điều chỉnh đúng đắn và phù hợp với nguyện vọng của quần chúng nhân dân.

### **Chương 3: Ý nghĩa của dư luận xã hội trong ca dao từ 1945 đến nay**

Dư luận xã hội là một hiện tượng đặc biệt biểu thị sự phán xét, đánh giá, thái độ của các nhóm xã hội đối với vấn đề có liên quan đến lợi ích. Dư luận xã hội được hình thành qua các cuộc trao đổi, thảo luận công khai. Vì vậy, dư luận xã hội bao giờ cũng có hai vé: chủ thể của dư luận và khách thể của dư luận. Chủ thể của dư luận xã hội có thể là ý kiến của các nhóm xã hội hay là ý kiến của cộng đồng; còn khách thể của dư luận xã hội có thể là những vấn đề ở tầm vĩ mô (kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,...) hay chỉ là một vấn đề thuộc về cá nhân nào đó. Bởi vậy, dư luận xã hội nảy sinh theo các vấn đề cấp bách có ý nghĩa xã hội trong hoạt động sống của mọi người. Dư luận xã hội đã chạm đến các quyền lợi chung của con người, nó được hình thành trên cơ sở những quyền lợi chung ấy.

### **1. Mặt tích cực**

Từ năm 1945 đến nay, với hơn 60 năm xây dựng và trưởng thành, đất nước ta kiên định đi theo đường lối xã hội chủ nghĩa và đã có những thay đổi đáng kể về nhiều mặt của đời sống. Là sản phẩm của sự tác động lẫn nhau giữa mọi người, theo tính chất của nó, dư luận xã hội chính là phát ngôn tập thể. Heghen cho rằng: “Dư luận xã hội mở ra cho mỗi người khả năng tỏ lộ và bảo vệ ý kiến chủ quan của mình đối với cái chung”, do đó dư luận xã hội bản thân nó đã là “một sức mạnh to lớn”<sup>5</sup> trong tất cả các thời đại. Lịch sử đã cho thấy, trong quá khứ, không có thời đại lịch sử nào dư luận xã hội lại có sức ảnh hưởng lớn lao đến các lĩnh vực chính trị, đạo đức, nghệ thuật,... của cuộc sống xã hội như trong thời đại xã hội chủ nghĩa. Chính thời đại này đã tạo ra các điều kiện thuận lợi cho dư luận xã hội hình thành và phát triển.

Cùng với sự lớn mạnh của mình thì dư luận xã hội ngày càng khẳng định được vai trò của mình trước hết với tư cách là yếu tố điều hòa các mối quan hệ và là công cụ quản lý xã hội. Dư luận xã hội điều hòa các mối quan hệ qua lại giữa con người với con người chính là cách mà quần chúng nhân dân biểu thị thái độ của họ đối với các sự việc, hiện tượng, đối với hoạt động và hành vi của con người trong cuộc sống xã hội. Đi liền với chức năng điều hòa, dư luận xã hội còn đảm nhiệm chức năng giáo dục. Cả hai chức năng này luôn phối hợp chặt chẽ với nhau để đạt tới mục đích cao nhất là định hướng nhận thức và hành động đúng đắn cho quần chúng nhân dân. Ca dao Việt Nam từ 1945 đến nay đã cố gắng đảm nhiệm tốt những chức năng cơ bản và quan trọng bậc nhất này. Dư luận xã hội đánh giá một cách công khai hành vi của cá nhân, không chỉ thế, nó còn có ý nghĩa áp đặt phong cách hành động nhất định cho con người. Đằng sau những lời phát ngôn của dư luận là sức mạnh của tổ chức, của tập thể, của giai cấp, của

---

<sup>5</sup> Heghen toàn tập (tiếng Nga), tập VI, tr.324, 332,336

nhân dân. Bởi vậy, ý nghĩa áp đặt nhận thức và hành động là rất lớn. Điều này thể hiện rõ nhất ở thái độ phán xét, đánh giá của dư luận xã hội đối với các sự kiện, các chính sách quan trọng của đất nước, đặc biệt là các vấn đề mang tính chất tiêu cực của xã hội. Đối với những vấn đề như thế, dư luận xã hội thẳng thắn bộc lộ thái độ phản đối, thậm chí gay gắt phê phán, tuy nhiên đằng sau những lời lẽ có phần mạnh mẽ, quyết liệt ấy luôn mang ý nghĩa giáo dục, định hướng nhận thức đúng đắn cho quần chúng, cổ vũ, khích lệ theo những chủ trương, chính sách đúng đắn và dứt khoát. Dư luận xã hội vượt lên trên ý thức cá nhân, buộc mỗi cá nhân nhận thức sâu sắc hơn về mối liên hệ của mình với xã hội. Sự ràng buộc giữa cá nhân với xã hội được phản ánh trong ý thức và thái độ có trách nhiệm đối với hành vi của cá nhân đó trước tập thể cũng như trước xã hội nói chung. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của dân tộc, nhiệm vụ đánh giặc cứu nước luôn được đặt lên hàng đầu, chính nhiệm vụ ấy đã thôi thúc, động viên, khích lệ triệu triệu người con Việt Nam lên đường, nó trở thành trách nhiệm, thành niềm tự hào của mỗi người dân khi được tham gia, được góp sức mình vào sự nghiệp chung của đất nước. Lúc này, dư luận xã hội đối với nhiệm vụ trọng tâm của đất nước đã buộc mỗi cá nhân phải ý thức sâu sắc về vị trí, sứ mệnh và nghĩa vụ của mình đối với đất nước, với quần chúng nhân dân để có những hành động đúng đắn và phù hợp với chủ trương của nhà nước. Nhất là khi những vấn đề, những chủ trương, chính sách ấy nhận được sự tán đồng, sự ủng hộ từ lực lượng quần chúng đông đảo. Cũng tương tự như thế, đối với những mặt hạn chế, những vấn đề tiêu cực của xã hội, không nhận được sự đồng thuận của đông đảo quần chúng thì lúc này dư luận xã hội lại có ý nghĩa là sự định hướng, dẫn dắt cho mỗi cá nhân trong cộng đồng ấy nhận thức đúng đắn để có sự ứng xử phù hợp với các hành vi tiêu cực. Heghen đã khẳng định rằng: “Họ sẽ tự hiểu phải

hành động như thế nào, tương ứng với điều đó, họ sẽ tự tạo ra dư luận xã hội của mình đối với các biểu hiện hành vi của mỗi cá nhân riêng biệt...”.

Bên cạnh đó, dư luận xã hội trong ca dao hiện đại còn chứa đựng trong nó chức năng kiểm soát và chức năng cố vấn. Khách thể của dư luận xã hội ở đây là các tổ chức, cơ quan nhà nước và xã hội. Chức năng kiểm soát của dư luận xã hội biểu hiện qua sự đánh giá về hoạt động của các cơ quan Nhà nước và xã hội. Từ đó, dư luận xã hội sẽ làm nhiệm vụ tư vấn cho các tổ chức, cơ quan nhà nước nên giải quyết các vấn đề theo hướng nào, nên lựa chọn giải pháp nào là tốt nhất,... Những lời khuyên bảo, tư vấn này thực chất xuất phát từ tâm tư, nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân, việc các tổ chức, cơ quan nhà nước hay xã hội giải quyết theo hướng đó là một sự phù hợp, đúng với ý nguyện của quần chúng nhân dân, cho nên những dư luận xã hội kiểu này thực sự cần thiết. Trong bối cảnh hiện nay, Đảng và Nhà nước ta hết sức đề cao đến tự do ngôn luận của quần chúng nhân dân. Nhiều dự thảo Luật, hiến pháp,... của Đảng, Nhà nước, Chính phủ đã được đem ra để quần chúng nhân dân tham gia góp ý, xây dựng và hoàn thiện, đủ để thấy dư luận xã hội trong xã hội hiện đại đã ngày càng khẳng định được vị trí đáng kể của nó trong vai trò kiểm soát và tư vấn.

Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, dư luận xã hội được hình thành dưới các điều kiện của nền dân chủ bảo đảm cho mỗi người có thể tự do phát biểu và bảo vệ ý kiến của mình, đều có thể cập nhật và tiếp cận thông tin thường xuyên. Bởi vậy, dư luận xã hội nói chung và dư luận trong ca dao hiện đại nói riêng thực sự đã và đang đóng góp một vai trò đáng kể trong các hoạt động của đời sống xã hội. Chỉ tính riêng trong hơn 60 năm qua, dư luận xã hội phản ánh trong ca dao hiện đại Việt Nam đã làm được những việc quan trọng đó là phản ánh kịp thời, nhanh chóng các vấn đề của hiện thực đời sống. Đề cao tính dân chủ trong mọi hành vi của đời sống, dư luận xã hội trong ca dao hiện đại mang tinh thần góp ý,

phê bình, tự phê bình cao nhằm mục đích cải thiện các hiện tượng, các vấn đề còn nhiều hạn chế trong xã hội. Với giá trị như thế, dư luận xã hội đã thể hiện được một cách cao độ tính cộng đồng, tính dân chủ trong việc xây dựng và tổ chức các hoạt động của xã hội.

## **2. Mặt hạn chế**

Bên cạnh những điểm tích cực, ca dao hiện đại cũng bộc lộ những điểm hạn chế nhất định. Sự phát huy cao độ tính dân chủ đã cho phép mỗi người dân trong xã hội hiện đại được tự do phát biểu ý kiến, nói lên tâm tư, nguyện vọng, thái độ cũng như tình cảm của mình đối với các vấn đề thời cuộc. Tuy nhiên, chính sự tự do, dân chủ này ở một khía cạnh nào đó lại tạo ra những điểm thiếu tích cực. Trong nhiều trường hợp, dư luận xã hội trong ca dao từ 1945 đến nay sa vào việc phê phán một cách thái quá, gay gắt, thiếu sự góp ý chân thành, thiện chí, đôi lúc bộc lộ thái độ coi thường, xúc phạm. Đó là trường hợp của những bài ca dao phản ánh các vấn đề liên quan đến chính trị, các vấn đề liên quan đến các vị lãnh đạo của bộ máy của Đảng và Nhà nước, bộ phận Đảng viên... Chẳng hạn như:

*Những người Đảng ghét dân yêu  
Hóa ra hầu hết là siêu anh tài  
Những người Đảng đến khoác vai  
Ngãm ra tất cả đều loài bất lương*

Thực chất khẳng định như thế, dư luận đã phê phán thái quá, cực đoan, thiếu khách quan và không mang tính xây dựng.

Hay một bài ca dao về cán bộ ba miền Bắc, Trung, Nam:

*Miền Bắc có lắm thằng điêu*

*Trong túi tiền nhiều nó bảo rằng không  
Nghị quyết gì học cũng thông  
Nói như thánh phán nhưng không làm gì.  
Miền Trung có lắm thằng gian  
Bảo ra cửa trước, chạy làng cửa sau  
Nghị quyết nó thuộc từng câu  
Nó chọn từng chữ bắc cầu để leo  
Miền Nam có lắm thằng tài  
Nó tiêu như phá, nó sài như điên  
Trong túi rủng rinh nhiều tiền  
Đã có bà lớn cưới liền bà hai  
Nghị quyết nó học lai rai  
Đến khi hỏi hỏi chẳng ai nhớ gì.*

Dư luận ở đây đã thể hiện một cái nhìn có phần thiên lệch, một chiều, mang tính cảm tính. Không phủ nhận, trong bộ máy của nhà nước, chính phủ đang tồn tại những cán bộ như thế nhưng thực tế đây chỉ là một con số rất nhỏ trong cả tập thể đông đảo. Nhưng cái nhìn một chiều, có phần cực đoan của một bộ phận quần chúng từ biểu hiện của cá nhân hoặc số lượng ít ỏi mà áp đặt cho đại bộ phận, như thế là thiếu tính khách quan và thiếu sự công bằng trong phán xét và đánh giá. Đó là trường hợp của những cán bộ, Đảng viên làm giàu chân chính từ tài năng và ý chí của mình nhưng có khi họ đã bị đánh đồng với những thành phần cán bộ, Đảng viên thoái hóa về đạo đức, về lập trường tư tưởng, tham ô, lũng đoạn, làm giàu phi pháp... Chính điều này đã làm cho dư luận xã hội trong ca dao hiện đại trong nhiều trường hợp bộc lộ sự phiến diện, một chiều, thiếu sự khai thác chiều sâu để đi cho đến tường tận vấn đề.



Thêm nữa, chính sự tự do ngôn luận thực chất mang lại quyền dân chủ cho người dân, nhưng một số thành phần đã lợi dụng điều này thông qua Internet, qua các website, blog cá nhân để truyền tải những nội dung xấu, ảnh hưởng không tốt đến chính trị, xã hội. Thậm chí có những nội dung xuyên tạc sự thật, nhằm mục đích bôi nhọ danh dự, phẩm chất của các nhân vật được đề cập đến. Điều này được thể hiện ở những bài ca dao xuất hiện không chính danh hoặc không công khai trên các ấn phẩm mà xuất hiện trên các website nguồn gốc không rõ ràng với nội dung tuyên truyền đả kích, bôi nhọ lãnh tụ, các lãnh đạo cấp cao của Đảng và nhà nước, những chính sách, đường lối phát triển của đất nước. Chính những luồng dư luận kiểu này đã gây hoang mang cho một bộ phận quần chúng khi được tiếp xúc với thông tin và gây những hiểu lầm, ác cảm.

### **3. *Đánh giá chung***

Dư luận xã hội cũng là một hiện tượng tinh thần nhưng gắn chặt với thực tiễn cuộc sống, xuất phát từ thực tiễn rồi tác động trở lại thực tiễn đó. Vì vậy dư luận xã hội là tổng hợp của ý thức xã hội, bao gồm: tâm tư, tình cảm, trí tuệ... thể hiện trong sự phán xét, đánh giá và thái độ của các nhóm xã hội về một vấn đề có liên quan đến lợi ích vật chất hoặc tinh thần.

Vào những năm cuối thập niên 90 của thế kỷ XX, khi Internet bắt đầu xuất hiện ở Việt Nam, chúng ta đã từng có những ý kiến lo ngại rằng Internet vào Việt Nam sẽ mang theo những nội dung xấu, ảnh hưởng không tốt đến chính trị, xã hội. Nhưng thực tế 10 năm qua đã chứng minh Internet đã góp phần nâng cao dân trí, nâng cao kiến thức, nâng cao năng lực cạnh tranh của mỗi con người và của toàn đất nước. Internet là một môi trường giáo dục tốt, bổ sung những thiếu hụt yếu kém của giáo dục Việt Nam, giúp thế hệ trẻ tiếp cận, thừa hưởng được những

kiến thức của toàn nhân loại. Những lo ngại Internet làm hỏng xã hội, làm suy yếu chế độ hay vai trò của Đảng đã có câu trả lời: Đó là những quan điểm phi thực tế. Uy tín, sự vững mạnh về chính trị ở Việt Nam đang ngày càng được củng cố mạnh mẽ hơn. Người dân gửi gắm niềm tin vào lãnh đạo Đảng, Chính phủ nhiều hơn. Thông qua Internet, người dân Việt Nam đã có thể đối thoại trực tuyến với lãnh đạo Chính phủ, đồng thời đặt ra những yêu cầu cao hơn về năng lực quản lý điều hành đối với cấp lãnh đạo. Internet nói chung và blog nói riêng, cũng chính là những kênh thông tin để lãnh đạo có thể tiếp cận trực tiếp với người dân. Do đó, nên nhìn nhận Internet nói chung và blog nói riêng như một xu hướng cần dẫn dắt để phát huy mặt tích cực của nó.

Chúng ta cần phải xác định rõ dư luận trong ca dao hiện đại đó là một vấn đề văn hóa. Với ý nghĩa thực tiễn của nó, những bài ca dao này đang tác động trực tiếp hoặc gián tiếp, không bằng cách này thì bằng cách khác vào cuộc sống của mỗi chúng ta. Trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin, truyền thông tự do phát triển nhanh chóng và chưa có sự kiểm soát chặt chẽ của nhà nước thì rất khó có thể đảm bảo những luồng thông tin trái chiều, phản động, xuyên tạc, bôi nhọ với nội dung xấu sẽ không xâm nhập vào đời sống của nhân dân. Và chắc chắn, dù ít, dù nhiều chúng sẽ gây nên những tác động nhất định đến ý thức, tinh thần và thái độ của quần chúng. Bởi vậy, việc quản lý các nguồn thông tin dạng này phải hết sức chú ý và thực hiện một cách nghiêm túc. Vấn đề đặt ra là cần có sự công khai, minh bạch những vấn đề mà đông đảo công chúng quan tâm, để cho quần chúng nhân dân được tham gia, góp ý, xây dựng; trên cơ sở đó mới đề ra phương hướng và đường lối sửa đổi nhằm hoàn thiện.

Xã hội càng mở rộng dân chủ thì dư luận xã hội càng có điều kiện phát huy. Ngược lại, nếu xã hội không dân chủ thì thay vào chỗ của dư luận xã hội sẽ là những tin đồn ảnh hưởng đến đời sống chính trị, xã hội do người dân không

được công khai bàn bạc, thảo luận, không có điều kiện kiểm chứng thực hư sự kiện xã hội. Ở đây, chúng ta cần có sự phân biệt giữa dư luận xã hội và tin đồn. Dư luận xã hội khác với tin đồn ở chỗ dư luận xã hội xuất phát từ hiện thực khách quan, lan truyền với độ chính xác cao và liên quan đến lợi ích của người truyền tin. Còn tin đồn thì thực giả lẫn lộn, người truyền tin thường bỏ bớt chi tiết và hư cấu, thêm thắt suy nghĩ của mình vào cho thêm phần hấp dẫn người nghe.

Xã hội đang phát triển thì dư luận xã hội cũng mang tính tích cực, ngược lại, xã hội đang khủng hoảng thì dư luận xã hội cũng mang tính tiêu cực. Do đó, dư luận xã hội có ý nghĩa là thước đo bầu không khí chính trị, xã hội; là tấm gương phản hồi đường lối, chính sách, pháp luật của Chính phủ; phản ánh tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của nhân dân; đánh giá năng lực, phẩm chất của người lãnh đạo; có thể dựa vào dư luận xã hội để dự báo được những diễn biến sắp tới của đời sống xã hội; phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, tăng cường mối quan hệ giữa chính quyền và nhân dân, ngăn ngừa tệ quan liêu, xa rời quần chúng, v.v... Vì vậy, người làm công tác quản lý phải biết điều tra dư luận xã hội, phải biết thu thập, xử lý và phân tích thông tin để có quyết định đúng đắn, chấn chỉnh kịp thời các khiếm khuyết trong đường lối, chính sách, đáp ứng yêu cầu của quần chúng nhân dân.

Chúng tôi thiết nghĩ biện pháp tốt nhất để điều chỉnh dư luận xã hội theo hướng lành mạnh là Chính phủ phải công khai, minh bạch tất cả các loại thông tin. Khi người dân biết rõ vấn đề một cách chính xác, được quyền công khai thảo luận vấn đề đó thì người ta không cần phải giấu giếm, lén lút; bởi có một thực tế là “sai một ly đi một dặm”, sự kiện sẽ trở thành tin đồn một cách tai hại.

Trong thời đại bùng nổ thông tin từ mạng Internet toàn cầu, người ta có thể tìm thấy bất cứ thông tin nào từ một cái click chuột, thì việc cấm đoán, giới hạn, siết chặt quản lý truyền thông... chỉ làm cho truyền thông Nhà nước mất sức

cạnh tranh với truyền thông tự do. Không thể nói tự do trên báo chí chính thống, người dân tìm đến những phương tiện khác, và các website, blog cá nhân là công cụ đắc lực giúp họ thực hiện quyền tự do ngôn luận, nhưng có một thực tế là nhiều khi để giành quyền được nói, người nói phải ẩn danh.

Ủng hộ cái đúng loại bỏ cái sai, cái tiêu cực nhưng cần xác định một thái độ đúng mức, một lối ứng xử có văn hóa với những cái còn nhiều hạn chế, tiêu cực. Và điều này trước hết thể hiện qua cách ứng xử văn hóa của chúng ta với những phương tiện truyền thông tự do đang tồn tại ngày càng phổ biến trong xã hội hiện đại, mà blog là một dạng tồn tại phổ biến như thế. Cũng giống như Internet, blog có cả những thông tin xác thực và thông tin sai sự thật. Trong 10 năm qua, chúng ta đã có rất nhiều nguồn thông tin trên Internet, bao gồm cả những thông tin chính thống và những nội dung đòi truy, phản động, web đen, websex... Nhưng khi cập nhật thông tin trên mạng, người dùng Internet vẫn biết chọn lọc ra những nguồn thông tin chính thống, có uy tín và độ tin cậy cao của cả trong nước và thế giới để cập nhật thông tin, đồng thời tự loại bỏ những nguồn thông tin phản động bị bóp méo, nội dung đòi truy... Ở một khía cạnh nào đó, việc người dùng chọn lọc các thông tin trên blog cũng sẽ phát triển theo xu hướng như vậy. Những blog có tính xác thực cao về nội dung, có danh tính người viết công khai sẽ tạo dựng được uy tín và độ tin cậy đối với người đọc, thu hút nhiều người truy cập. Với những blog có nội dung xấu và bị bóp méo sai sự thật, không có nguồn gốc rõ ràng, cộng đồng blog cũng sẽ tự loại trừ dần bởi những thông tin đó không mang lại lợi ích gì cho họ. Bởi vậy, ngày nay, không có lý do gì để chúng ta ủng hộ, cổ súy cho một hình thái thông tin ẩn danh thiếu tính xác thực theo kiểu tin đồn, nói xấu nặc danh.

## **PHẦN KẾT LUẬN**

**C**a dao nói riêng và văn học dân gian nói chung là tài sản chung của nhân dân lao động, được sáng tác, thừa nhận, lưu truyền và trải qua nhiều năm tháng chọn lọc. Cũng như nhiều thể loại khác, ca dao phải trải qua quy luật đào thải tự nhiên, cái gì hay, hợp tâm lý, trình độ, tình cảm, nguyện vọng của quần chúng thì tồn tại, cái gì dở, không hợp với quần chúng tất sẽ bị đào thải, tiêu vong. Những câu, những bài ca dao cũ còn lại trong quần chúng và hiển nhiên sẽ sống mãi trong lòng quần chúng bởi chúng là sản phẩm của hàng nghìn năm dân tộc, đã được kết tinh và kết đọng lại. Trong khi ca dao hiện đại (nếu tính từ năm 1945) thì mới trải qua hơn sáu mươi năm, thời gian thử thách chưa lâu, giá trị nhất thời và giá trị vĩnh cửu chưa thực sự được phân định. Bởi vậy, còn có những ý kiến khác nhau về ca dao hiện đại và một sự đánh giá chưa đúng với ý nghĩa và vị trí của mảng ca dao này trong thời điểm hiện nay cũng là điều dễ hiểu.

Ca dao từ 1945 đến nay chưa được trải qua sự chau truốt của thời gian, bởi vậy, so với ca dao cổ truyền, thực sự ca dao hiện đại còn thua kém về sự tinh tế, chất lọc. Tất nhiên, với nội dung mới, ca dao ngày nay phải có sự chuyển mình cho phù hợp với thời đại, nhưng dù sao trên nền của vốn văn hóa truyền thống đã tích tụ hàng ngàn năm, ca dao hiện đại nói chung và những người sáng tác ca dao hiện đại nói riêng cho dù đổi mới tư tưởng và phong cách đến đâu cũng nên cố gắng tiếp thụ những tinh hoa của truyền thống dân gian.

Tìm hiểu về ca dao từ năm 1945 cho đến nay, chúng ta cần khách quan thừa nhận rằng ca dao hiện đại về mặt nội dung nhiều bài có nội dung tốt, có thể phục vụ kịp thời tình hình hoạt động của đất nước từng thời kỳ, cụ thể như phục vụ cho công cuộc chiến đấu, sản xuất trong thời kỳ đất nước chống giặc ngoại xâm, xây dựng chủ nghĩa xã hội và phản ánh được trong một chừng mực nhất

định những vấn đề nóng của đời sống xã hội hiện nay. Điều này phản ánh rõ qua thực tế là sau khi đất nước thống nhất, nhân dân đã có quyền làm chủ, trình độ dân trí ngày càng được nâng cao thì đây chính là những điều kiện thuận lợi cho nhân dân lao động sáng tác nghệ thuật ngày càng nhiều, nhất là trước những tình hình bức xúc, nóng bỏng có quan hệ đến vận mệnh chung của đất nước và quyền lợi của mỗi con người. Ca dao, thể loại quen thuộc của quần chúng cũng nhờ vậy mà phát triển mạnh hơn bao giờ hết. Trong suốt mấy mươi năm qua, ca dao đã thực hiện sứ mệnh của mình là cất cao tiếng nói góp phần vào sự nghiệp chung của đất nước, bám sát và phản ánh kịp thời những bước chuyển mình của đất nước và bày tỏ sâu sắc tâm tư, nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân. Ca dao từ 1945 đến nay cũng giống như những trang nhật ký trung thành của thời đại, qua từng chặng đường của nó gom góp tái hiện một phần không nhỏ bức tranh lịch sử của dân tộc Việt Nam. Như thế, đủ để thấy ca dao hiện đại có giá trị hết sức đặc biệt trong dòng chảy của lịch sử.

Cũng cần nhận thấy rằng, ca dao hiện đại chủ yếu phản ánh dư luận xã hội về các vấn đề thời sự, các sự kiện nghiêm trọng có tác động đến đời sống vật chất và tinh thần của quần chúng nhân dân, vì vậy sự xuất hiện của những bài ca dao này rất nhanh chóng, kịp thời. Điều đó, đồng nghĩa với việc lan truyền những bài ca dao mang nội dung này cũng nhanh không kém, đặc biệt cùng với sự bùng nổ của công nghệ thông tin như hiện nay, sự truyền tin càng phát huy tối đa khả năng nhanh nhạy và rộng khắp của nó. Chúng ta sẽ phải đối mặt với nhiều luồng thông tin khác nhau, cả trái chiều, thậm chí những luồng thông tin phản động, bôi nhọ từ nhiều phía. Bởi vậy, chúng tôi thiết nghĩ để làm trong sạch nguồn ca dao hiện đại, mỗi cá nhân chúng ta nên có một thái độ ứng xử phù hợp, có văn hóa, biết chọn lọc thông tin lành mạnh, để có một thái độ ứng xử đúng đắn, khách quan với xã hội của mình. Làm trong sạch nguồn trí thức chúng ta tiếp nhận cũng

đồng nghĩa với việc chúng ta đang góp phần làm trong sạch dòng văn hóa cả cũ và mới đang đồng hành cùng cuộc sống của chúng ta.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Gia Khánh (chủ biên), *Văn học dân gian Việt Nam* (tái bản lần thứ năm), Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 2001
2. *Một số vấn đề về nghiên cứu dư luận xã hội*, Viện dư luận xã hội – Ban Tư tưởng văn hóa Trung ương, Hà Nội, 1989
3. Lương Khắc Hiếu (chủ biên), *Dư luận xã hội trong sự nghiệp đổi mới* (sách tham khảo), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999
4. Nguyễn Quý Thanh, *Xã hội học về dư luận xã hội*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006
5. Nguyễn Xuân Kính, *Thi pháp ca dao*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004
6. Hoài Thanh, *Nói chuyện thơ kháng chiến*, Nhà xuất bản Văn nghệ, 1955
7. Trần Quang Nhật (Sưu tầm, tuyển chọn và nghiên cứu), *Ca dao kháng chiến chống Pháp chọn lọc*, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2003
8. Minh Hiệu, *Tâm tình* (Ca dao Minh Hiệu – Tuyển 1952-1968), Ban vận động thành lập Hội Văn nghệ Thanh Hóa, 1972
9. Văn Sửu, Lê Sông Lặng, Nguyễn Khắc Lành,... *Ca dao ngoại thành*(1955 – 1966), Sở Văn hóa Hà Nội, 1967
10. Dân Canh, Huyền Tâm, Nguyễn Thuận, ... *Ca dao sản xuất*, Nhà xuất bản Văn nghệ, Hà Nội, 1955



11. Huy Ước, Kim Hùng, Hồ Sĩ Ngữ,..., *Ca dao sản xuất vụ mùa*, Ty Văn hóa Hà Nam (xuất bản), 1958
12. Nguyễn Thuần, Huyền Thanh, Bút Ngữ,... *Hẹn mùa lúa chín* (Ca dao sản xuất nông nghiệp), Nhà xuất bản Phổ thông – Bộ Văn hóa, Hà Nội, 1958
13. Yên Hòa, Nguyễn Ái Mộ, Huyền Tâm,... *Thóc vui theo bước chân người* (Ca dao vận động công tác lương thực), Nhà xuất bản Phổ thông, Hà nội, 1960
14. Khánh Chi, Vũ Xuân Tình, Nguyễn Thị Quy,... *Chung sức chung lòng* (Tập ca dao sản xuất vụ mùa), Nhà xuất bản Phổ thông, Hà Nội, 1960
15. Yên Hòa, Huyền Tâm, Bút Ngữ,... *Nhắc nhau liêm, chính, kiệm, cần* (Tập ca dao của nhiều tác giả), Nhà xuất bản Phổ thông, Hà Nội, 1960
16. Phúc Hoàng, Trần Thôn Trang, Nguyễn Đình,... *Mùa cưới mới* (Tập ca dao về vấn đề hôn nhân và gia đình), Nhà xuất bản Phổ thông – Bộ Văn hóa, Hà Nội, 1960
17. Nguyễn Ngọc Khoa, Lê Ái Mỹ, Văn Thế,... *Tiếng còi đôi ca* (Tập ca dao về công nhân), Nhà xuất bản Phổ thông, Hà Nội, 1961
18. Lê Trân, Huyền Tâm, Cẩm Lai,... *Vụ này em lại thi đua* (Ca dao sản xuất), Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội, 1961
19. Nguyễn Hữu Mai, Nguyên Hồ, Huyền Tâm,... *Nghĩa nặng tình sâu* (Ca dao hôn nhân và gia đình), Nhà xuất bản Phổ thông, Hà Nội, 1961
20. Giang Hoài, Nguyên Hồ, Huyền Tâm,... *Bận họp!* (Ca dao chống tệ hội họp quá nhiều), Nhà xuất bản Phổ thông, Hà Nội, 1961
21. Huyền Tâm, Ngô Linh Ngọc, Ngô Văn Phú,... *Nhìn xa* (Thơ ca về vấn đề tiết kiệm), Nhà xuất bản Phổ thông, Hà Nội, 1962

22. Trần Lê Đệ, Nguyễn Bùi Vợi, Nguyễn Xuân Phán,... *Biết đâu nên vợ nên chồng từ đây* (Tập ca dao), Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội, 1962
23. Bùi Ngọc Trinh, Nguyễn Xuân Phán, Lê Ngọc Vượng,..., *Nước* (Ca dao thủy lợi), Ty Thủy lợi Nghệ An, 1962
24. Huyền Tâm, Tuyết Anh, Bút Ngũ,..., *Phải đâu nước độc ma thiêng* (Ca dao), Nhà xuất bản Phổ thông, Hà Nội, 1962
25. Minh Hương, Minh Hiệu, Huyền Tâm,..., *Ngàn xanh* (Ca dao về lâm nghiệp), Nhà xuất bản Phổ thông, Hà Nội, 1962
26. Huyền Tâm, Nguyễn Văn Dinh, Lê Hồng Càn,..., *Tiếng hát trên đồi*, Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội, 1960
27. Lưu Quang Thuận, Huyền Tâm, Trần Cẩn,..., *Bông trắng chè xanh* (Tập ca dao vận động trồng cây công nghiệp), Nhà xuất bản Phổ thông, Hà Nội, 1962
28. Vụ Văn hóa quần chúng – Bộ Văn hóa và Tổ Văn học dân gian – Viện Văn học (sưu tầm), *Ca dao chống Mỹ*, Vụ Văn hóa Quần chúng (xuất bản), Hà Nội, 1967
29. Huyền Tâm, Việt Dung, Lê Kỳ Anh,..., *Lời Bác vang dội núi sông*, Sở Văn hóa Hà Nội, 1968
30. Giang Quân, Quang Thái, Dân Quang,..., *Vào ca* (Tập thơ, ca dao, tấu), Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội, 1970
31. Nguyễn Hồ, Huyền Tâm, Bùi Hạnh Cẩn,..., *Niềm vui làm chủ* (Ca dao), Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội, 1970
32. *Đảm đang chung thủy* (Ca dao), Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội, 1971

33. Bùi Tiến Đạt, Hồ Cơ, Phan Văn Khuyển,..., *Hội tòng quân* (Ca dao), Nhà xuất bản Phổ thông, Hà Nội, 1971
34. *Bình minh trên Thanh Oai* (Tập sáng tác), Phòng Văn hóa Thông tin Thanh Oai, Hà Tây, 1971
35. Thủy Ninh, Phan Văn Tứ, Tô Vân,..., *Trên những tuyến đường quê hương*, Ty Văn hóa Yên Bái, Yên Bái, 1972
36. Nhuệ Giang, Nguyễn Quang Lý, Hoàng Xuân,..., *Cánh đồng hoa* (Tập thơ, ca dao), Ty Văn hóa Thông tin Hà Tây, 1972
37. Nguyễn Văn Châu, Huy Tư, Đặng Tất Tế,..., *Tiếng máy* (Sáng tác của công nhân và lao động thủ đô), Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội, 1972
38. *Hương đồng* (Ca dao 1967 – 1971), Hội Văn nghệ Nghệ An, 1972
39. Đức Xuân, Giang Tâm, Đào Xuân Ngà,..., *Đông Xuân chiến thắng* (Tập thơ, ca dao), Ty Thông tin Văn hóa Lai Châu, 1972
40. *Mặt trận mới*, Ty Thương binh Xã hội Vĩnh Phúc, 1973
41. Hoàng Văn Nức, Vũ Hạnh, Ngô Hoàng Khanh,..., *Trận tuyến của chúng tôi*, Liên hiệp Hợp tác xã Thủ công nghiệp Thái Bình, 1973
42. Phạm Đình Ân, Thanh Trúc, Mộc Miên,..., *Thay người đi xa* (Tập ca dao nông nghiệp), Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội, 1973
43. *Màu xanh thợ* (Ca dao), Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội, 1973
44. *Ca dao lao động*, Nhà xuất bản Phổ thông, Hà Nội, 1974
45. *Ca dao sản xuất đông xuân 1986 – 1987*, Sở Văn hóa Thông tin Hải Hưng, 1987

46. *Tuổi Trẻ Cười* (Bán Nguyệt san châm biếm và trào phúng) số 291, Phụ san Báo Tuổi trẻ TP.HCM, ra ngày 1-8-2005
47. *Tuổi Trẻ Cười* (Bán Nguyệt san châm biếm và trào phúng) số 329, Phụ san Báo Tuổi trẻ TP.HCM ra ngày 1-4-2007
48. *Tuổi Trẻ Cười* (Bán Nguyệt san châm biếm và trào phúng) số 330, Phụ san Báo Tuổi trẻ TP.HCM ra ngày 15-4-2007
49. *Tuổi Trẻ Cười* (Bán Nguyệt san châm biếm và trào phúng) số 335, Phụ san Báo Tuổi trẻ TP.HCM ra ngày 1-7-2007
50. *Tuổi Trẻ Cười* (Bán Nguyệt san châm biếm và trào phúng) số 337, Phụ san Báo Tuổi trẻ TP.HCM ra ngày 1-8-2007
51. <http://www.vietnamesedaily.com/viewtopic.php?t=1514>
52. <http://www.vietnamesedaily.com/viewtopic.php?t=10140&sid=17b31fb0ff6c6d1e923b5d9afb783a33>
53. <http://forums.gamethu.net/archive/index.php/t-14552.html>
54. <http://blog.dungx-sg.com/2007/11/26/ca-dao-t%E1%BB%A5c-ng%E1%BB%AF-hi%E1%BB%87n-d%E1%BA%A1i/>
55. <http://my.opera.com/WER131/blog/ca-rau-ruc-ngu-p1>
56. [http://blog.360.yahoo.com/blog-J\\_UQDY9dKjgTaVwgnPD04GE3mxWqyN4GI2CztKB?p=53](http://blog.360.yahoo.com/blog-J_UQDY9dKjgTaVwgnPD04GE3mxWqyN4GI2CztKB?p=53)
57. <http://www.tialia.com/showthread.php?t=13925>

58. <http://www.vietnamreview.com/modules.php?name=News&file=print&sid=6524>
59. <http://www.vietnamesedaily.com/viewtopic.php?t=3612>
60. <http://tienggoithanhvien.com/new/index.php?act=view&code=post&cid=4&id=55>
61. <http://www.tvvn.org/news/article/311/>
62. <http://www.lmvntd.org>
63. <http://www.vnn.vn/nhanvat/2004/01/42164/>
64. <http://www.tienphongonline.com.vn/Tianyong/Index.aspx?ArticleID=43573&ChannelID=2>

